

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH *hội nghị các nước « không tham gia »* • NGUYỄN HIỂN LÊ *vài ý nghĩ về cú pháp* • TRẦN HƯƠNG TỬ *bộ mặt thực của triết học hiện sinh* • ĐOÀN THÊM *thông cảm với họa sỹ* • NGUYỄN HỮU DUNG *những nguồn tin cộng sản* • HOÀNG THÁI LINH *vật giới trong tiểu thuyết của alain robbe-grillet* • MỘNG TRUNG *thư hề* • VŨ HÂN *thao thức* • ĐOÀN THÊM *tình sương* • PHONG NHÃ *người yêu tôi chết* • SAO TRÊN RỪNG *phù dung — hoài vọng* • TRẦN DẠ TỬ *tình thánh sáu* • VÕ PHIẾN *những buổi mai đẹp* • THẠCH HÃ — ANH TUYẾN — ĐOÀN QUỐC SĨ *trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của bách khoa* • BÙI GIÁNG *di tìm* • THU THỦY *một quan niệm về vấn đề bá linh* • NGUYỄN HỮU NGƯ *hội thảo về ái tình và hôn nhân* •



Nhân dịp

Lễ Lạc trong Gia Đình

QUI VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "DIE"**

* Rượu **Rhum CARAVELLE**

lưu năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Qui vị thường thích luôn **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'O.C.**
Pasteur - Saigon - ĐT. 23.916
và có bán tại đó :

- . ALCOOL RECTIFIÉ
- . ALCOOL DENATURÉ
- . RƯỢU THUỐC "Đặc. Thô. Tiểu"
- . DẦU ĂN HẢO HẠNG CHẾ BẰNG CẠO 6°



BÁCH-KHOA

Số 114 — Ngày 1-10-1961

HOÀNG-MINH-TUYNH

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

ĐOÀN-THÊM

NGUYỄN-HỮU-DUNG

HOÀNG-THÁI-LINH

MỘNG-TRUNG

VŨ-HÂN

ĐOÀN-THÊM

PHONG-NHÃ

SAO TRÊN RỪNG

TRẦN-ĐẠ-TỬ

VÕ-PHIẾN

THẠCH-HÀ — ANH-TUYẾN —
DOÃN-QUỐC-SĨ

BÙI-GIÁNG

Trang

Hội nghị các nước « không tham gia »	3
Vài ý nghĩ về củ pháp	11
Bộ mặt thực của Triết học hiện sinh	21
Thông cảm với họa-sĩ	35
Thái độ của chúng ta đối với những nguồn tin Cộng-Sản	49
Vật giới trong tiểu thuyết của Alain Robbe-Grillet	55
Thư hè	63
Thao thức (thơ)	66
Tình sương (thơ)	67
Người yêu tôi chết.	71
Phù dung — Hoài vọng (thơ)	77
Thơ tình tháng sáu (thơ).	78
Những buổi mai đẹp (truyện ngắn)	79
Trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của Bách-Khoa	91
Đi tìm (thơ)	101

SINH - HOẠT

THU-THỦY

NGUYỄN-HỮU-NGƯ

Một quan niệm về văn đề Bá-Linh 102

Hội thảo về Ai tình và Hôn nhân 105

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- | | | |
|------------------|---|---|
| HOÀNG-MINH-TUYNH | : | <i>Hiện tình và tương lai Liên-hiệp-quốc.</i> |
| NGUYỄN-HIẾN-LÊ | : | <i>Đuổi bắt ảo ảnh.</i>
<i>Một bi kịch diễn trên ngàn năm nay mà vẫn chưa dứt.</i> |
| BÙU-KẾ | : | <i>Thuận-An thất thủ.</i> |
| QUỐC-DŨNG | : | <i>Thân dân.</i> |
| VƯƠNG-HỒNG-SÈN | : | <i>Về bộ tiền đồng đời xưa vừa được trưng bày trong viện bảo-tàng Saigon.</i> |
| T. Đ. G. | : | <i>Giới thiệu nước Hòa-Lan.</i> |
| NGUYỄN-HỮU-PHIẾM | : | <i>Gia đình và học-đường.</i> |
| CUNG-GIÚ-NGUYỄN | : | <i>Brecht.</i> |
| TRỊNH-THIÊN-TỬ | : | <i>Ngành Hải học đã tiến triển như thế nào ?</i> |
| TRẦN-HƯƠNG-TỬ | : | <i>Những vấn đề lớn của Triết-học hiện-sinh.</i> |
| HOÀNG-THÁI-LINH | : | <i>Văn nghệ như một phủ nhận.</i> |
| VÕ QUANG-YẾN | : | <i>Ta biết gì về kim-tính.</i> |
| NGUYỄN-ANH-LINH | : | <i>Bước tiến đến nhân-bản vô-thần : Nietzsche, con người sát thiên — (Déicide) —</i> |
| TRẦN-VĂN-KHÊ | : | <i>Nhạc-khí dùng trong lối « ca Huế » và lối « đờn tài tử ».</i> |
| NGUYỄN-NGU-Í | : | <i>Có chồng không tình trí.</i> |
| CÔ-LIÊU | : | <i>Cô liêu (truyện dài rút ngắn : Clem)</i> |
| VÚ-HẠNH | : | <i>Người thầy thuốc.</i> |
| VÕ-HỒNG | : | <i>Chuyện cái răng.</i> |
| ĐẶNG-TRẦN-HUÂN | : | <i>Con gà sống điên (truyện dịch).</i> |
| VÂN-TRANG | : | <i>Kén rề.</i> |

HỘI NGHỊ CÁC NƯỚC « KHÔNG THAM GIA »

Đúng như đã dự-liệu, Hội-nghị các nước « không tham gia » đã do Thống-chế Tito khai-mạc tại thủ-đô Nam-Tur Belgrade buổi sáng thứ sáu, mồng 1 tháng 9-1961. Có tất cả hai mươi bốn nước tới dự hội nghị, phần đông đều do chính các vị nguyên-thủ đích thân đại-diện, trừ có Irak, Arabie Séoudite, Yémen và Guinée.

Hội-nghị các nước « không tham gia » ở cấp bậc tối cao, triệu tập xung quanh một bàn tròn trong phòng họp của Nghị-viện Nam-Tur. Để tránh các sự khó khăn về nghê-thức, chỗ ngồi của mỗi vị đại-biểu được quyết định bằng một cuộc rút thăm.

Cuộc Hội-nghị của các nước « không tham gia » triệu tập nhằm mục đích gì ? Lý do nào đã thúc đẩy các nhân vật có những quan niệm chính-trị khác nhau kết tập nhau lại xung quanh một bàn tròn để cùng nghiên cứu và thảo-luận các vấn đề có liên quan đến vận mệnh thế giới ?

Chúng ta thử cùng tìm hiểu để kiểm lời giải đáp.

Giai đoạn thứ nhất : Bandoung.

TRƯỚC sự phân chia thế-giới ra làm nhiều khối quân sự, từ sau thế chiến thứ hai, một số nước đi tới chỗ kết luận rằng sự tham gia của họ vào một trong các khối có thể đưa họ tới những hậu-quả hiểm-nghèo. Sự tham gia có thể làm cho nền độc-lập chính trị và quốc-gia của họ lâm vào một nguy cơ khó gỡ và hạn chế khả năng

phát triển kinh tế của họ. Đó là nguồn gốc của phong trào đã triển-dương mãnh liệt qua nhiều giai-đoạn từ mấy năm nay.

Giai-đoạn thứ nhất có thể gọi là giai-đoạn cầm-cự. Belgrade, New-Delhi, Djakarta, Le Caire và nhiều thủ-đô « không tham gia » khác đã chủ-yêu rút lui trong một cuộc cầm-cự chống lại áp lực của các khối, hết sức tránh việc phụ họa vào âm-mưu của các đại



Trích lược bài diễn-văn khai-mạc của Thống-chế Tito tại hội - nghị Belgrade

Hiện nay cũng như trước đây, các quốc-gia phát triển nhất và mạnh - mẽ nhất về phương diện quân-sự, hằng mưu toan tìm cách quyết định vận mệnh cho toàn thế-giới, trong khi một số lớn các nước hạng tiểu và hạng trung còn đang ở trong tình trạng kém phát triển, không thể nào chiếm được chỗ ngồi của mình trong cộng-đồng các quốc-gia. — Các nước này, tiếp tục bị coi như là một cái máy đề biều quyết trong các nghị-hội quốc-tế. Song, các nước chưa tham khối nào không thể nào còn cam chịu đóng vai quan sát và biều quyết nữa. Các nước ấy phải được quyền tham - dự tích-cực và hoạt-động vào việc giải quyết các vấn-đề có thể phương hại tới tương-lai của thế-giới. Hội-nghị Belgrade được triệu-tập là để xác nhận các quyền đó vậy... »

... « Chúng ta hội-hợp ở đây không phải là đề ủng-hộ khối nào, mà đề xác định và điều hòa cho rõ-ràng lập trường của chúng

cường-quốc đang xung đột nhau. Tất cả các nước này đều công bố rằng chủ trương sống chung là căn bản chính sách đối ngoại của họ. Tuy nhiên mỗi nước chỉ hoạt-động riêng trong phạm-vi quốc - gia của mình. Mãi tới năm 1955, tại Hội-nghị Bandung, các nước trên mới có dịp tiếp xúc và kết tập với nhau lần thứ nhất.

Cuộc gặp - gỡ giữa Tito - Nasser - Nehru tại Brioni đánh dấu giai đoạn thứ hai. Trong giai - đoạn này, các nước « không tham gia » bước sang thế tấn công. Họ không còn giới hạn nỗ lực trong cuộc cầm cự chống lại các khối nữa, họ khởi sự đề nghị và yêu sách. Hậu quả của một cuộc chiến-tranh hiện-đại không phải chỉ riêng Đông-Minh và Tây-Minh hứng chịu, sự cần thiết phải bãi-bỏ toàn-diện chế độ thực - dân, sự bất công mà các nước hậu tiến đang phải « chịu trận », đó đều là những lý-do thúc đẩy các nước « không tham gia » phải ra mặt đóng vai trò hoạt-động trên trường quốc-tê. Họ lần-lần phôi hợp nỗ-lực, triệu tập được một số khá đông các nước mới và gây được cảm tình ở khắp mọi nơi trong hoàn-cầu.

Sáng kiến của ai ?

Ai là người trong số các lãnh-tụ nổi tiếng nhất của các nước « không tham gia » đã có sáng kiến hướng-dẫn các ý-chí để đưa về một mối và mở nó ra tại thủ-đô Nam-Tư ? Phải chăng người ấy là thống-chê Tito mà cuộc du hành qua Á-Châu, Phi-Châu đã khiến cho nhiều người lấy làm ngạc nhiên trong một độ, hay

tà, trước các vấn đề nghiêm-trọng khiến cho toàn thế-giới phải quan-tâm. Ở đây, chúng ta sẽ thấy lập trường của chúng ta phù-hợp hay tương-khác với lập trường của khối này hay khối kia thế nào.. »

... « Hội-nghị này không bảo đảm cho chúng ta sẽ đồng ý với nhau về hết mọi vấn-đề, nhưng sự đồng ý của chúng ta về một số vấn đề được coi là sinh tử trong lúc này, có thể sẽ vô cùng hữu-ích, và tôi tin chắc rằng thế-giới hiện đang chờ đợi ở chúng ta sự đồng-ý ấy... »

« Lập trường của chúng ta rất mực rõ-rệt và không chút mờ-ám. Chúng ta không có ý triệu tập các nước không tham gia để kết thành một khối mới. Tưởng rằng các quốc-gia tập-hợp nhau chống lại hai khối hiện-hữu là cốt để tập-hợp thành một khối thứ ba, không những là tưởng làm một cách nghịch-lý mà còn tưởng làm một cách phi-lý nữa... »

người ấy là Nasser, Nehru, Sukarno, Nkrumah? Câu hỏi này đã có nhiều người đem ra bàn cãi, song thực sự lúc này nó không còn phải là một điều đáng quan tâm lắm. Có người có con mắt nhìn sâu sắc đã nói ra một câu rất hữu-lý rằng: « Chính các khối quân sự phân chia thế giới đã là những kẻ khai tạo, phát nguyên ra cuộc kết tập của các nước « không tham gia » vậy »

Sự thất bại của Hội-Nghị bốn nước tại Ba-Lê năm ngoái cũng đánh dấu một biến chuyển quan trọng trong chính sách của các nước « không tham gia ». Dư luận chung của họ cho rằng

các đại cường quốc đã tỏ ra không đủ năng lực đảm-đương trách nhiệm của mình.

Giai đoạn sau hết.

Mấy tháng sau, tại đại-hội-đồng Liên-hiệp-Quốc, các nước « không tham gia » cùng nhau đưa ra sáng kiến thứ nhất để vận động cuộc gặp gỡ nhau trên bình diện quốc tế. Chính đó là nơi nguyện vọng tập hợp của các quốc gia « không tham gia » hiện rõ thành hình và trở nên chín mùi.

Tuy nhiên đó không phải là nhờ ở kết quả của một sự thỏa hiệp chung giữa họ với nhau mà chính thật là nhờ ở tiềm thức của mỗi nước về sự sống còn của mình. Sáng kiến trên được thông chế Tito xác định vào tháng Tư vừa rồi và các vị nguyên thủ Nasser và Sukarno khởi sự dùng đường lối ngoại giao để thăm dò ý kiến một số chính phủ. Cuộc vận-động này đưa tới kết-quả rất khả quan là mọi nước đều đồng ý chấp thuận mở một cuộc nhóm họp chuẩn bị tại Le Caire từ ngày mùng 5 đến 12 tháng Sáu. Cuộc nhóm họp ở Le Caire quyết định Hội Nghị Tối Cao của các nước « không tham gia » sẽ mở tại Belgrade. Cuộc nhóm họp cũng quyết định đại quan chương trình nghị sự và chấp thuận 5 nguyên tắc « không tham gia ». Họ cũng đề nghị mời thêm các nước mới: Togo, Haute-Volta, Liban, Nigéria, Équateur. Một vài nước Châu-Âu như Áo, Ái-nhĩ-Lan, Thụy-Điển và Phần-Lan cũng được ngỏ ý mời

DANH SÁCH CÁC NƯỚC DỰ HỘI-NGHỊ BELGRADE

AFGHANISTAN : Ông Mohammed Daoud.
ARABIE SEUDITE : Ông Ibrahim Soweil.
MIỀN-ĐIÊN : Ông Nu.
GAMBODGE : Hoàng thân Norodom Sihanouk.
TÂY-LAN : Bà Bandaranaike.
CHYPRE : Đức Cha Makarios.
CUBA : Ông Dorticos.
ETHIOPIE : Vua Haile Sélassié.
GHANA : Ông Nkrumah.
GUINÉE : Ông Bilogi Louis Lansa.
ẤN-ĐỘ : Ông Nehru.
INDONESIE : Ông Sukarno.
IRAK : Ông Djawad.
LIBAN : Ông Saeb Salam.
MALI : Ông Mondibo Keita.
MAROC : Vua Hassem II.
NÉPAL : Vua Mahendra.
CỘNG-HÒA Ả-RẬP THỐNG-NHẤT : Đại-tá Nasser
SOMALIE : Ông Abdullah Osman.
JORDAN : Đại-tướng Ibrahim Abould.
TUNISIE : Ông Bourguiba.
YEMEN : Hoàng-thân Seif El Islam.
NAM-TƯ : Thống-chế Tito.
CỘNG HÒA ALGÉRIE : Ông Ben Khedda.

nhưng các nước này đều tỏ ra không muốn tham dự vì lẽ này hoặc vì lẽ khác.

*
*
*

Hội nghị Belgrade trước trái phá nguyên tử của Liên-Xô

Trước ngày khai mạc Hội Nghị Belgrade, toàn thế giới chứng kiến một việc bất ngờ xảy ra gây náo động

khắp năm châu và ảnh hưởng sâu xa đến mọi dự tính của Hội nghị. Đó là việc Kremlin tuyên bố chiều ngày 30 tháng Tám, Liên - Xô sẽ tiếp tục thí nghiệm lại các vũ khí nguyên tử. Đại diện của 24 nước « không tham gia » phần lớn gồm các vị nguyên thủ, có mặt tại Belgrade, đón nhận tin « động trời » ấy với biết bao ê chề, ngao ngán. Ai nấy đều lộ vẻ công phẫn và không hiểu lý do nào đã thúc đẩy Liên - Xô làm việc ngang ngược ấy. Đã đành khi trở lại thử trái phá thứ nhất, Liên-Xô không hẳn có dụng tâm hăm dọa trực tiếp Hội nghị, song giữa khi mọi người yên trí Liên-Xô đang cần phải gây những mối quan hệ ngoại giao tốt đẹp, thân thiết với các nước trong « Thế giới đệ tam », lời tuyên bố của Kremlin bị họ coi như là một cách vũ nhục không thể tha thứ, cách vũ nhục càng đau đớn vì là cách vũ nhục « vuốt mặt mà không nể mũi », « đứt dây mà không sợ động rừng », quyết định ra tay mà không vị nể kẻ nào. Theo chỗ người ta được biết, thì thông chế Tito đã ngỏ trước cho vị đại sứ của Liên - Xô tại Belgrade biết thái độ chông đời của ông. Nhưng sau đó, thông chế chỉ được vị đại sứ báo cho biết ba giờ đồng hồ trước khi Kremlin cất lời tuyên bố, rằng Liên-Xô không thể chấp nhận phản kháng của thông chế và xin thông chế « khách quan nhận xét tình hình » cùng hiểu cho Liên-Xô đang ở trong thế bó buộc phải mở lại những cuộc thí nghiệm vũ khí nguyên tử. Hình như lời qua tiếng lại giữa hai bên đã có

đôi lần đi tới chỗ gay gắt và vì nguyên thủ Nam-tư đã thốt ra câu : « Tôi phản kháng quyết liệt và đến cùng. Các ông lại muốn đổ thêm dầu vào lửa hay sao ! »

Nhưng rồi, rút cuộc, Hội nghị cũng không hề cất lên một lời trách vắn nào đối với Liên-Xô, vì e mang tiếng là chống khối Cộng-Sản và kết bè với khối Tây - Minh. Chúng ta cũng nên hiểu nỗi khổ tâm của họ, vì họ đã chót lỡ tuyên bố không « ủng hộ » khối nào. Lên án Cộng-Sản tức là ủng hộ Tây-Minh vậy.

Dù sao, thái độ của Liên-Xô trong việc mở lại các cuộc thí nghiệm nguyên tử cũng gây ra tác dụng thay đổi vị trí tinh thần của một số nước trong hoàn cầu. Tổng-thống Kennedy đã có được cái khôn ngoan hay cái may mắn giữ lời khen tặng thiện chí của các nước tham dự Hội nghị Belgrade, trước khi Liên-Xô cho nổ trái phá của họ. Hội nghị cũng nhận được thông điệp của ông Chu-Ấn-Lai và đang chờ lời chúc tụng của Krem-lin. Song, không phải chỉ mình ông Khrouchtchev mới im hơi lặng tiếng, chính tướng De Gaulle cũng tảng lờ, không gửi gắm một lời tới Belgrade.

Trong tình trạng đó, không cần phải là người thông thạo tình hình thế giới lắm, ta cũng có thể đoán trước được hậu quả và ảnh hưởng của Hội-nghị Belgrade sẽ chẳng có gì là quan trọng hay quyết định cho bất luận một vấn đề quốc tế nào mặc dù có cuộc « du thuyết nghị hòa » của các ông Nerhu

qua Nga, Sukarno và Keita qua Mỹ. (1) Tuy nhiên, ta cũng cứ thử coi xem khối Cộng-Sản và khối Tây-Minh thật sự nhìn cuộc tập hợp của 24 nước « không tham gia » với con mắt nào.

* *

Hal khối Cự - Đại nhìn cuộc Hội-Nghị Belgrade

Hồi tháng Tư 1955, đại tá Nasser tới Bandoung thì nhận được điện tín của một nhóm người Cộng - Sản Ai - Cập vừa bị ông hạ lệnh bắt giam. Đó là một bức điện tín kỳ lạ : các người Cộng - Sản bị bắt giam tỏ lòng cảm-phục chào mừng người đã đưa Ai-Cập vào con đường « trung-lập thực - tế góp phần vào công cuộc xây dựng hòa bình và sống chung ». Nhưng vừa cách đây một tháng, vị lãnh tụ ở Le Caire lại nhận được một điện - tín của các chiến sĩ cực tả tại Cộng Hòa Ả - Rập thống - nhất, các chiến sĩ này hiện cũng đang bị bắt giam. Lần này thì điện tín không còn là lời chúc - tụng mà là một lời mạt - sát thậm - tệ. Các chiến - sĩ Cộng - Sản bảo ông Nasser thế này : « Ông đã bỏ đường lối hòa bình của chủ-trương trung lập thực-tế để bước vào con đường « không tham gia », do đây ông đã đặt các Quốc-Gia xã

(1) Trong bản tuyên ngôn bế mạc, Hội-nghị có nêu lên tám nguyên tắc cho tám vấn đề : Chính sách thực dân, Algérie, Tunisie, Cận-Đông, Đức-Quốc, Liên-Hiệp-Quốc, căn cứ quân sự và Tái-binh, song không đưa ra được một đề nghị nào cụ thể, khiến cho chính nhiều vị đại biểu cũng phải thốt ra câu : « Thật là trái núi đẻ ra con chuột »

(Le Monde 7-9-61).

hội chủ - nghĩa ở cùng một hàng với các đại cường đế quốc và thực-dân».

Nhờ sự việc trên, ta thấy rõ sự tiên - triên trong sách lược trung lập chính trị và viễn tượng đối ngoại của «Thế-giới đệ-tam», chủ trương «trung lập thực tế» được các người Xô - viết chào mừng như một đóng góp vào công cuộc hòa-bình, chủ yếu đối với họ là một chiến - lược chống lại kế-hoạch của Tây-Minh. Trái lại, chủ trương «không tham gia» bị Mạc-Tư-Khoa coi như là một chủ-trương lãnh-đạm, thoái-triệt, một cách khước từ tình thân-hữu liên-kết giữa các nước mới thâu-hồi độc lập và khỏi Cộng-Sản từ sáu năm nay. Nếu theo lý-luận trên mà phán-đoán sự việc thì quả khỏi Cộng-Sản đã bị Hội-Nghị Belgrade tước hết những thắng lợi họ đã thu-lượm được tại Hội-Nghị Bandoung! Cán cân có chiều trở lại mức quân bình trước.

Giả thuyết trên căn-cứ vào thái-độ của nhà lãnh tụ Cộng hòa Ả-rập thống nhất, nhưng cũng căn cứ vào thái-độ của một vài vị lãnh-tụ Phi-Châu trước đây hoặc vì lý-tưởng hoặc vì áp-lực của hoàn-cảnh đã phải liên kết chặt-chẽ với khỏi Cộng-Sản, nhưng đến nay lại có ý như muốn tỏ ra mình là người Phi-Châu trước khi là người Cộng-Sản. Có điều cũng đáng cho chúng ta lưu tâm hơn nữa là người cầm trịch tại Hội-Nghị Bandoung trước là ông Châu-Ẩn-Lai — giữa thời mà bang giao Mạc-Tư-Khoa và Bắc-Kinh vẫn còn tỏ ra thăm

thiết — Còn người tổ chức và cổ võ Hội-Nghị Belgrade là người đã từng chống đối lại Staline ngay khi còn sống và trong thánh rồi, khi tiếp đại-sứ Liên-Xô, đã cương-quyết chống đối việc thí nghiệm lại vũ khí nguyên tử.

Trong khi khỏi Cộng-Sản tỏ ra không mấy lưu tâm đến một nhóm các nước xa lìa họ mà bấy lâu họ vẫn tưởng là đã thu phục được, thì các nước thuộc khỏi Tây Minh mỗi nước lại nghĩ mỗi khác, theo như cở tặt xưa rầy của họ. Ba-Lê thì có chiều coi Hội nghị Belgrade là một hội nghị hạng thấp, không hơn gì một khóa họp tại Liên-Hiệp-Quốc, có điều khác chẳng là người «nhạc-trường» không phải là ông tổng thư ký hiến lảnh Hammarskjöld, mà là tay cách mệnh lão thành Tito. Tại Luân-Đôn, trái lại, người ta chú trọng theo dõi hội nghị, có lẽ vì ý thức sự hiện diện của một số các nước trong Liên-hiệp Anh và tin tưởng rằng các nước này có thể tạo ra đồng cân đồng lượng nào đó trong các cuộc thảo luận của «Thế giới đệ tam» chẳng?

Sau hết tại Hoa-Thịnh-Đôn, người ta tỏ ra lo ngại vì thấy có những «quan sát viên» của các nước Châu-Mỹ La-Tinh như Bolivie và Équateur tới dự Hội-nghị Belgrade; người ta e rằng các «quan sát viên» này sẽ lây chứng sốt cách mệnh khi tiếp xúc với phái đoàn Cuba do ông Darticos dẫn đầu. Tuy lo ngại, nhưng Hoa-Thịnh-Đôn vẫn tỏ thiện cảm đối

với cuộc triệu tập các nước trung lập tại thủ đô Belgrade (mọi người đều biết Hiệp-Chúng-Quốc mới đây đã cử ông George Kennan giữ chức chức đại sứ tại Nam-Tur). Đó là vì Hoa-Thịnh-Đôn dưới chính quyền Kennedy đã thay đổi chính sách đối với các nước trung lập và thấy cần được sự ủng-hộ của các nước này để chống lại những mưu toan của Mạc-Tur-Khoa trong cuộc chiến tranh lạnh, nhất là trong cuộc thương

ngộ về vấn đề Bá-Linh sẽ mở ra nay mai. Các giới lãnh đạo của Hiệp-Chúng-Quốc chỉ mong rằng những định nghĩa mới về chính sách trung lập không làm nản lòng những người như các ông Stevenson và Chester Bowles đã tận-tâm hướng nỗ lực về phía « Thế giới đệ tam » để mua chuộc lòng người trong cái khu-vực mà dân-số gồm gần phân nửa toàn dân-số hoàn-cầu.

HOÀNG - MINH - TUYNH

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hung-Đạo — Sài-gòn

Đ.T. số 24.454

- Kho 6 Bến Ván-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

VÀI Ý NGHĨ VỀ CÚ - PHÁP

Nguyễn-Hiến-Lê

(xin xem Bách-Khoa từ số 113)

Những người lưu tâm đến Việt-ngữ thường nhận thấy rằng trên báo chí sách vở ngày nay — cả những sách Giáo khoa nữa — vẫn viết câu thả hơn hồi tiền chiến rất nhiều. Không kể những lỗi dùng sai chữ, viết sai chính tả, mà thời nào cũng có, ngay đến cách đặt câu lắm khi cũng hỏng : lời thô, tối tăm không rõ ràng, thiếu đầu, thiếu đuôi, làm cho người đọc không hiểu hoặc hiểu lầm...

Cơ hồ như người ta muốn viết sao thì viết, không có qui tắc gì cả.

Gần đây ông Nguyễn-Văn-Hầu cho xuất bản cuốn **Những lỗi thông-thường trong thuật viết văn để nhắc học - sinh và những người tự học những quy - tắc căn-bản về cách diễn ý, đặt câu, dùng chữ, tránh những tật rườm, sáo, điệp...** Sách ra rất hợp thời, nhận-xét nhiều chỗ đúng, lời gọn và sáng, đáng được dùng trong các trường học, vì có thể sửa chữa được một phần nào cái tật viết câu thả trong giới thanh niên.

Đọc chương II về những lỗi thường thấy trong cách đặt câu, tôi đồng ý với ông về nhiều điểm, nhưng có lẽ vì soạn cho học-sinh, nên ông chỉ xét một cách tổng quát, chưa phân tách tỉ-mỉ, tìm cách quy định cú-pháp.

Để góp ý với ông mà cũng để chất chính cùng độc giả, trong bài này chúng tôi rán tìm một số tiêu-chuẩn có thể giúp ta định được viết thế nào là không nên.

Đây là những dò-dẫm của chúng tôi trong khi cầm bút. Chúng tôi chỉ ước sao những nhận xét của chúng tôi sẽ gợi cho độc giả suy nghĩ, tìm kiếm thêm, chứ không dám có cao vọng gì khác.

Trong bài *Chớ nên dùng tiếng Việt một cách câu thả* (báo *Tự-Do* ngày 28-6-1960), ông Vinh-Phúc viết :

(13).— « Học sinh thường nói : «Thầy giáo phạt học sinh không thuộc bài » và nói : Thầy giáo phạt học sinh quì trên ghế » (14)

« Nhận xét : Người ta hiểu đúng là « học sinh không thuộc bài cho nên bị phạt » thì cũng có thể hiểu lầm rằng « học sinh quì trên ghế cho nên bị phạt » chứ không phải « bị phạt quì trên ghế ».

Nhận xét đó đúng, và câu (14) Thầy giáo phạt học sinh quì trên ghế phải sửa là :

(15) *Thầy giáo phạt học sinh, bắt quì trên ghế,*

hoặc :

(16) *Học sinh bị thầy giáo phạt quì trên ghế.*

Trong câu (13) : *không thuộc bài* là một từ-tổ làm hình dung từ cho *học sinh*. Tiếng để hình dung đi theo sát tiếng được hình dung như vậy là đúng phép. Ta nói : nhà đẹp, sách hay, trời cao, biển rộng...

Trong câu (14) *quì trên ghế* không phải là hình dung từ của *học sinh*, nó là bổ túc từ chỉ cách thức (*complément de manière*) của *phạt*. Phạt cách nào ? Phạt quì trên ghế. Vì vậy ta phải cho *quì trên ghế* đi theo sau *phạt*, chứ không được đứng sau *học sinh*, và câu (14) phải sửa lại thành câu (16).

Nếu ta muốn giữ cách phô diễn : *Thầy giáo phạt học sinh...* thì ta phải thêm tiếng *bắt*, như vậy *quì trên ghế* sẽ bổ túc cho *bắt*, và ta giữ được quy tắc : tiếng để bổ túc đi liền ngay sau tiếng được bổ túc.

Tất nhiên có nhiều trường hợp đảo lên đảo xuống, lại thêm nhiều tiếng bổ từ không gian có thể đứng trước hoặc đứng xa động từ được ; nhưng ở đây chúng tôi không xét tới.

Ta có thể viết :

(17). — *Nếu cổ đi nửa giờ nữa sẽ tới một cánh đồng xanh mướt.*

Nhưng ta không thể nói :

(18). — *Nếu cổ đi nửa giờ nữa sẽ tới một cánh đồng xanh mướt ngọn lúa.*

Vì *xanh mướt* trong câu 17 là hình dung từ của *cánh đồng*, đứng liền nó như vậy là phải ; còn trong câu 18 *xanh mướt* là

hình dung từ của *ngọn lúa*, chứ không phải là của *cánh đồng* nên không thể đứng sau *cánh đồng* và trước *ngọn lúa* được.

Trong thể biến ngẫu, chúng ta có quyền phóng túng, đảo lên đảo xuống, vì luật bằng trắc quá nghiêm nên người đọc dễ khoan hồng với người viết ; nhưng dù sao đảo như vậy cũng là ép, là vụng ; huống hồ câu ấy không thuộc về thể biến ngẫu.

Nếu bảo rằng *xanh mướt* là hình dung *cánh đồng* thì *ngọn lúa* hoá ra đứng trơ, không có chức vụ gì cả.

Ba thí dụ dưới đây không phải là có lỗi nặng mà chỉ là vụng :

19. — *Trong cuộc phỏng vấn về truyện ngắn của ông Nguyễn Văn, tôi thấy nhiều điều bổ ích.*

20. — *Chúng ta nên tìm hiểu lý do hoạt động của nhau và hiểu quan niệm về sự công bình của nhau.*

21. — *Phương pháp gồm bốn điểm để phân tích và giải quyết những vấn đề cá nhân đó là do giáo sư Robert H. Seashore trình bày.*

Dọ: câu 19 mới đầu tôi tưởng là ông Nguyễn Văn viết truyện ngắn, sau mới hiểu rằng ông Nguyễn Văn chỉ là người phụ trách cuộc phỏng vấn.

Câu đó nên sửa lại :

Trong cuộc phỏng vấn của ông Nguyễn Văn về truyện ngắn, tôi thấy nhiều điều bổ ích.

hoặc :

Trong cuộc phỏng vấn về truyện ngắn do ông Nguyễn Văn phụ trách, tôi thấy nhiều điều bổ ích.

Nhưng vậy không thể hiểu lắm được vì không ai nói **phụ trách truyện ngắn**. Câu 20 tuy không làm cho ta hiểu lắm nhưng cũng nên đảo hai tiếng của nhau ở cuối câu, cho nó đứng liền sau hai tiếng *quan niệm*.

Chúng ta nên tìm lý do hoạt động của nhau và hiểu *quan niệm của nhau về sự công bình*.

Câu 21 tiếng đó dùng để chỉ định hai tiếng *phương-pháp*, đặt cách xa hai tiếng này quá, nên cũng có thể là tối nghĩa. Có nên viết lại như vậy không?

Phương pháp đó do giáo sư Robert H. Seashore trình bày, gồm bốn điểm để phân tích và giải quyết những vấn đề cá nhân.

Có hơi khác nguyên văn một chút :

This four point method of analysing and solving personal problems is presented by Professor Robert. H. Seashore

nhưng tôi tưởng cũng không hại.

Chúng tôi nhận thấy rằng lỗi đó tuy nhỏ nhưng dễ mắc và dễ sinh ra những sự hiểu lầm. Những tiếng chỉ định (*démonstratif, possessif*) của Pháp luôn luôn đứng trước danh từ, lại biến đi tự dạng nghĩa là có nhiều hình thức tùy số nhiều, số ít, giống đực giống cái (*ce, cet, cette, ces, son, sa ses...*) cho nên câu văn của Pháp có phần sáng sủa. Dịch ra tiếng Việt, nếu không để ý thì dễ hóa ra tối, vì những tiếng đó của ta có thể đứng cách xa danh từ được chỉ định, và giữa danh từ được chỉ định với tiếng để chỉ định, có thể xen vào một danh từ khác như *truyện ngắn* trong câu 19 xen vào giữa *cuộc phỏng vấn* và *Nguyễn Văn*; sự công bình trong câu 20 xen vào giữa

quan niệm và của nhau; vấn đề cá nhân trong câu 21 xen vào giữa *đó và phương pháp*, làm cho người đọc dễ hiểu lắm.

Kết luận về mục III này :

Muốn cho câu văn được rõ ràng tiếng hình dung từ nên đứng sau ngay tiếng được hình dung, tiếng để bổ túc nên đứng sau ngay tiếng được bổ túc, và tiếng để chỉ định nên đứng gần tiếng được chỉ định.

IV

— Đọc câu dưới đây tôi thấy không được êm tai ; nó có vẻ « thọt » ;

22. — Theo tôi, bài học đó đáng cho những ai lưu tâm đến sự giáo dục của thanh niên và tiền đồ của dân tộc lưu ý tới

Nhưng không sao, nghĩa nó rất rõ.

Trái lại, câu :

23. — Nhiều thanh niên nam nữ Pháp in truyền đơn cho mặt trận giải phóng Algérie bị bắt.

làm cho tôi suy nghĩ một chút rồi mới hiểu là *thanh niên Pháp* bị bắt, chứ không phải *mặt trận giải phóng Algérie* bị bắt.

Cái « tit » dưới đây in trên một nhật báo cũng bắt tôi phải đoán nghĩa :

24. — Phóng sự về ngành chữa xe đạp ở vỉa hè Hà-nội đã bị hợp tác hóa.

Tôi suy luận : Ngành phóng sự bị hợp tác hóa là làm sao? Vô lý. Chắc là ngành chữa xe đạp ở vỉa hè Hà-nội đã bị hợp tác hóa.

Nhưng nếu có ai viết :

24. — *Điều tra về sự bán chợ đen đã bị cấm chỉ,* hoặc :

thì chắc là tôi không thể đoán nổi cái gì bị cấm chỉ vì sự bán chợ đen có thể bị cấm chỉ mà sự điều tra cũng có thể bị cấm chỉ để khỏi làm cho dư luận xôn xao

Vậy giữa chủ từ và động từ ta không nên cho xen vào một danh từ có thể làm cho người đọc hiểu lầm rằng danh từ này là chủ từ của động từ đó.

Quy tắc này cũng gần giống quy tắc ở mục III.

*
* *

Ngữ pháp Việt-Nam không có phần *accord* nên chánh tả rất dễ ; mà trẻ em của ta tránh được một cái nợ, nó làm cho trẻ em Anh, Pháp mỗi tuần mất ít nhất là một giờ trong bảy tám năm học

Nhưng tôi đã nói ưu điểm ở đâu thì khuyết điểm ở đó. Vì không có *accord*, không có phần biến di tự dạng, nên viết mà sợ ý một chút thì câu văn, dễ tối nghĩa.

a) **Số nhiều hay số ít ?**

Thí dụ :

25. — *Tôi muốn mua một khu vườn và một biệt thự xinh xinh.*

Kể ra, viết như vậy thì người ta thường hiểu rằng chỉ có biệt thự là xinh xinh ; nhưng nếu hiểu là cả khu vườn lẫn biệt thự đều xinh xinh thì cũng được.

Ta có nên phân biệt như vậy không ?

— *Tôi muốn mua một biệt thự xinh xinh có vườn.*

— *Tôi muốn mua một khu vườn xinh xinh với một biệt thự cũng xinh xinh. Sợ là rườm rà chăng ?*

b) **Tĩnh-từ hay Động-từ ?**

Thí dụ :

26. — *Người chăn cừu thành công suy nghĩ giống như đàn cừu của mình. (1)*

Nói như vậy nghe có thuận không ? Mới đọc tôi tưởng rằng thành công là động từ, sự thực nó là tĩnh từ.

Nguyên văn tiếng Anh là :

The successful shepherd thinks like his sheep.

Chúng ta không nói :

27. — *Học trò làm biếng bị phạt.* mà quen nói :

28. — *Học trò làm biếng thì bị phạt.*

Tại sao phải thêm tiếng thì đó ? Có phải tại Việt ngữ có khuynh hướng dùng nhiều động từ hơn là tĩnh từ không ? Không chắc. Hay là tại lẽ này : Khi một tiếng có thể là động từ hoặc tĩnh từ mà đứng sau ngay một danh từ dùng làm chủ từ thì ta thường coi nó là động từ ?

Dù sao thì trong câu « *Người chăn cừu thành công...* » ta cũng nên cho thêm tiếng thì ở sau thành công cho người đọc khỏi bối ngỡ.

c) **Danh từ hay tĩnh từ ?**

Thí dụ :

29. — *Sách này chặt mà đúng, ước mà đủ.*

(1) Nghĩa là : đoán được ý của cừu.

Câu đó dịch một câu chữ Hán trong bài tựa cuốn Phương Đình dư địa chí.

Mới đọc được nửa câu, tôi cho *chất* là danh từ ; phải đọc hết câu rồi mới nhận ra rằng nó là *tĩnh từ*, và câu đó phải hiểu rằng :

Sách này chất phác (không có hoa mỹ) mà đúng, sơ lược mà đủ.

Chứ không phải :

Sách này nếu cái chất của nó mà đúng...

Ta không thể cho câu đó là tối ; nhưng nó có cái gì vương vương, ta không thể đọc dễ dàng một hơi, cứ phải ngừng lại một chút để nghĩ, chỉ vì ta thường coi tiếng *chất* là danh từ, mà đây nó dùng làm *tĩnh từ*.

d) *Tĩnh từ* hay *phó từ* ?

Thí dụ :

30. — *Những thanh âm bất ngờ đập vào tai họ.*

Tiếng *bất ngờ* hiểu là *tĩnh từ* cũng được, mà hiểu là *phó từ* cũng được.

Nguyên văn tiếng Pháp :

Des sons inattendus vinrent frapper leurs oreilles.

Nhiều nhà tân học cho tiếng Việt không tinh xác bằng tiếng Pháp. Họ không phải là hoàn toàn vô lý.

Kể ra, *bất ngờ* là *tĩnh từ* hay *phó từ* thì nghĩa cũng chẳng thay đổi bao nhiêu. Nhưng muốn cho người đọc nhận thấy nó là *tĩnh từ* thì có lẽ nên thêm một tiếng *bỗng* :

Những thanh âm bất ngờ *bỗng* đập vào tai họ.

Trường hợp này cũng như trường hợp ở thí dụ 26. Trong thí dụ đó ta thêm tiếng *thì*, ở đây ta thêm tiếng *bỗng* chỉ để giúp đọc giả dễ nhận ra từ loại của một tiếng dùng làm *tĩnh từ*.

* * *

31. — Một thí dụ nữa.

Nguyên-văn tiếng Pháp :

Il aperçut le capitaine Lynch qu'il salua de la main. Salut que le vaillant vieillard lui rendit aussitôt.

Một người dịch ra như vậy :

Hắn thấy ông thuyền trưởng Lynch bèn giơ tay chào ông. Ông già dũng cảm chào lại ngay.

Tiếng Pháp *vaillant* là *tĩnh từ* ; dịch như thế thì đọc giả không hiểu *dũng cảm* là *tĩnh từ* hay *phó từ*. Có thể là *phó từ* được lắm vì đọc cả câu chuyện, ta thấy ông già Lynch đang ở một trình trạng rất nguy cho tính mệnh, lại mới bị thương nặng ở tay.

Vậy dịch cho đúng thì tôi nghĩ nên thêm tiếng *đó* ở sau tiếng *dũng cảm*, cho người ta thấy rõ rằng *dũng cảm* là *tĩnh từ*. Nếu ai trách tôi rằng nguyên văn không viết *ce vaillant vieillard*, thêm *đó* là thừa, thì tôi xin chịu. Tôi trọng tinh thần của câu văn ; còn về hình thức thì mỗi ngôn ngữ có một lối diễn, tôi không nhất định phải theo Pháp. Tôi chỉ cần tìm lối diễn nào của ta để đừng phản ý tưởng của người thôi.

32. — Ta lại nên phân biệt :

Anh Ba tươi tỉnh chuyện trò

và :

Anh Ba tươi tỉnh, chuyện trò.

Tươi tỉnh ở câu trên là phó từ, câu dưới là tỉnh từ; chỉ khác nhau có dấu phết. Thành thử trong tiếng Việt, dấu phết còn có công dụng giúp ta định được từ vụ của một tiếng là tỉnh từ chứ không phải là phó từ.

c) **Danh từ hay phó từ?**

Nhưng còn thí dụ dưới đây thì chúng tôi không biết sửa ra sao.

33. — *Trong văn học Pháp chúng ta thấy thể phê bình luôn luôn biến chuyển: phê bình độc đoán, phê bình tương đối lãng mạn, phê bình tương đối khoa học. . .*

Cũng may là tác giả đã chú thích, tương đối lãng mạn là *relativisme romantique*; nên chúng tôi mới hiểu rằng *tương đối* đó là danh từ, nếu không thì đã cho nó là phó từ rồi: lãng mạn một cách tương đối.

Chúng tôi vẫn biết từ ngữ *tương đối lãng mạn* đó, tác giả đã tạo ra (bằng cách dịch sát tiếng Pháp), mà khi một từ ngữ mới dù có tạo sai mà được định nghĩa rõ ràng được nhiều người dùng thì nó cũng thành quen tai, cũng thành chính xác, tức như danh từ kinh tế để dịch chữ *économie politique* của Pháp. Tuy-nhiên, tạo cách nào cho người nghe dễ nhớ nghĩa, khỏi hiểu lầm thì vẫn hơn,

Vậy trong thí dụ trên ta phải rán làm sao cho người đọc nhận ngay, được tiếng *tương đối* đó là danh từ.

Có lẽ sửa như vậy thì rõ ràng hơn mặc dầu là dài dòng, có tính cách giảng hơn là dịch:

Trong văn học Pháp chúng ta thấy thể phê bình luôn luôn biến chuyển: từ chủ trương độc đoán, tới chủ trương tương đối (chủ trương này có 2 khuynh hướng lãng mạn, và khoa học). . .

Nhưng chữ *relativisme* đó có tương phản với chữ *absolutisme* mà tác giả câu 31 đã dịch ra là *độc đoán* không? Nếu tương phản, thì có thể dịch là *phản độc đoán* và *relativisme romantique* có thể dịch là *phản độc đoán lãng mạn*? . . . Nghe vẫn chưa xuôi. Có lẽ phải đọc lại thuyết của Sainte Beuve mà tìm một tên khác mới được. Ôi! cái việc dịch khó khăn biết bao.

Đã đành hễ đọc sách thì phải suy nghĩ. Nếu ta suy nghĩ mà vẫn còn hiểu lầm thì tác giả có thể đáng trách, nếu ta không chịu suy nghĩ mà hiểu lầm thì chính ta mới đáng trách. Nhưng văn càng sáng thì càng quý; người viết nếu có thể thêm bớt một vài tiếng, hoặc thay đổi cách đặt câu mà tránh cho người đọc khỏi phải suy nghĩ vô ích, thì càng được người đọc mến.

VI

Viết sao cũng được?

Ta nên viết:

34. — *Nếu được những tiện lợi đó thì chẳng cần gắng sức nhiều, tài năng của ta cũng tăng mà thành công được.*

Ai cũng hiểu là *ta* thành công được, chứ không phải *tài năng của ta* thành công được. Tiếng Việt, chủ từ thường hiểu ngầm, ta không thể viện quy tắc nào mà bắt bẻ câu đó được.

Nhưng có nên viết thế này cho chính hơn không ?

Nếu được những tiện lợi đó thì chẳng cần gắng sức nhiều, tài năng cũng tăng mà ta thành công được.

*
* *

35. — Tôi xin kể câu chuyện của Xuân và Phúc.

Nói vậy nghĩa là chỉ có một câu chuyện chung cho Xuân và Phúc. Nhưng nếu Xuân và Phúc, mỗi người có một câu chuyện riêng thì nên viết :

Tôi xin kể câu chuyện của Xuân và câu chuyện của Phúc,

hay chỉ cần viết :

Tôi xin kể câu chuyện của Xuân và của Phúc,

Câu này với câu :

Tôi xin kể câu chuyện của Xuân và Phúc, nghĩa có khác không ?

*
* *

36. — Ai trông thấy cũng ái ngại cho họ và gia đình họ.

Có cần phải lặp lại tiếng cho không :

Ai trông thấy cũng ái ngại cho họ và cho gia đình họ.

*
* *

37. — Nên viết :

Ta cần họ giúp đỡ và hợp tác với ta.

hay viết :

Ta cần họ giúp đỡ ta và hợp tác với ta.

Và có thể viết :

Ta cần họ hợp tác và giúp đỡ ta được không ?

Ta nói giúp đỡ ai và hợp tác với ai.

Một động từ không cần giới từ, một động từ cần giới từ. Nếu hai động từ đứng chung trong một câu, có chung một bổ túc từ thì phải làm sao ?

*
* *

Nói :

38. — Văn hóa dân tộc này cao hơn văn hóa dân tộc nọ

được không ?

Hay phải nói :

Văn hóa dân tộc này cao hơn văn hóa dân tộc nọ, Có lẽ câu sau chỉ rườm chứ không sáng nghĩa hơn được chút nào cả.

Nói :

39. — Lớp đầy trẻ em.

nghe không thuận, mà nên nói :

Lớp học đầy trẻ em.

hoặc :

Trong lớp đầy trẻ em.

hoặc :

Lớp đầy trẻ.

Hình như đó chỉ là vấn đề cân xứng về số tiếng. Ta không muốn trước tiếng đầy (mà ta coi như cái trụ của câu) có 1 tiếng (lớp) mà sau nó có 2 tiếng (trẻ em) Ta muốn trước sau nó đều có hai hay đều có một.

Nhưng ta nói :

40. — Trong lớp đầy trẻ.

mà tại sao ta không được nói :

« Trong câu « Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng » có nghĩa là.....»

Động từ *đầy* và động từ *có* công dụng khác nhau chăng? *Đầy* có phải là một động từ impersonnel không? Nhưng động từ *có* cũng thường dùng theo thể impersonnel như :

Có hai con quạ đậu trên cây.

Có người mà cũng có ta,

thế thì tại sao thí dụ kể trên :

Trong câu : « Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng » có nghĩa là ...
lại là sai ngữ pháp?

Hay là phải coi *có* nghĩa là một động từ gồm hai tiếng ; như vậy nó không thể impersonnel được?

Cũng có thể rằng tại cái lỗi phân tích tiếng và câu mà ta mượn của Pháp có chỗ chưa ổn, không thích hợp với Việt ngữ? Chúng tôi hiện đương thiên về ý này và đương tìm cách gỡ mối.

Điều đó cho ta thấy rằng khi trẻ nói sai, là có một nguyên do gì liên quan mật thiết với tính cách của Việt ngữ. Ta không thể bảo rằng chúng ngu rồi mà bỏ qua.

*
* *

Tiếng Mình :

— Trần - Trọng - Kim trong *Việt Nam văn phạm* viết :

Tiếng Mình có ba cách dùng :

1. — *Thay một người :*

Tình ra mới biết là mình chiếm bao
(Kiều)

Mình nói đùa mà ai cũng tưởng thật.
Thay nhiều người :

Giặc đã vào cõi, mình phải tìm cách chống giữ,

Đã làm người một nước, mình phải làm thế nào cho nước được cường thịnh.

2. — *Tiếng mình dùng ở ngôi thứ nhì*
(vợ chồng xưng hô lẫn với nhau) : (1)

Mình ơi, ta hỏi thực mình,

Còn yêu nhau nữa hay tình muốn thôi?
(Câu hát)

3. — *Tiếng mình dùng ở ngôi thứ ba để*
thay tiếng phẩm chỉ đại danh từ : **ai, người ta, người nào**
đứng làm chủ từ :

Người ta thường chỉ biết mình mà quên việc nghĩa

Ở đời ai cũng cần đến người kém mình ».

Ta cần xét thêm cách dùng thứ nhất. Tác giả nói tiếng *mình* thay một người và thay nhiều người, nhưng không cho biết ở ngôi nào. (2)

Mình nói đùa mà ai cũng tưởng thật

Mình đây ở ngôi thứ nhất, số ít.

Giặc đã vào cõi, mình phải tìm cách chống giữ. Đã làm người một nước, mình phải làm thế nào cho nước được cường thịnh.

Mình đây cũng ở ngôi thứ nhất, nhưng số nhiều.

Còn *mình* trong câu :

(1) Những tiếng trong ngoặc đơn này tự chúng tôi thêm cho rõ nghĩa.

(2) Trong hai cách dùng sau, tác giả có chỉ rõ ngôi nào

Tình ra mới biết là **mình** chiêm bao.
thì ở ngôi thứ ba, mà không phải là tiếng
phiếm chỉ đại danh từ như trong cách dùng
thứ ba :

(Người ta thường chỉ biết mình mà quên
việc nghĩa). Vì **mình** đó chỉ nàng Kiều.

Muốn cho độc giả thấy rõ, chúng tôi
xin trích cả đoạn có câu đó, đoạn Kiều tỉnh
dậy sau khi nằm mê thấy Đạm-Tiên ra thơ
đoạn trường :

Thềm hoa khách đã trở hải,
Nàng còn cầm lại một hai tợ tình.
Giò đầu sịch bức màn xanh,
Tình ra mới biết rằng **mình** chiêm bao (1)
Trông theo nào thấy đầu nào,
Hương thừa đường hãy ra vào đầu đây.
Vậy thì ta có thể theo Nguyễn-Du mà
viết :

41. — Nếu ta để cho một người giận
dữ nói luôn 20 phút thì chính
người đó sẽ tự trả lời cho
mình, ta khỏi phải trả lời nữa ?

Từ trước, gặp trường hợp như vậy
tôi vẫn thường viết là :

« . . . Sẽ tự trả lời cho họ. . . »

Có lẽ tôi đã viết sai ? Theo Việt-Nam
tự-diễn, họ chỉ nhiều người chứ không

(1) Nhưng tiếng **mình** ở đây có lẽ nên coi là
ở ngôi thứ nhất thì lời mới hay. Ta có cảm tưởng
rằng người kể truyện tự đặt mình vào nhân vật
trong truyện mà thốt ra câu ấy ; lời thơ do đó
hóa linh động*

chỉ một người. Nhưng nếu dùng **hắn** thì
không nhã mà cũng không đúng.

Câu đó mà dùng tiếng **mình** thì nghĩa
rất rõ ; nhưng trong câu này :

42. — Ông ấy khó tính thế đấy. Vậy mà
một người đã biết cách làm cho
ông phải theo ý kiến của **mình**.

Ta phải suy nghĩ một chút mới hiểu
rằng tiếng **mình** đó chỉ một người chứ
không chỉ ông ấy.

Nếu nói :

43. — Chúng ta tin rằng bạn bè của ta
thành thực với **mình**.

Thì **mình** đó chỉ ai ? chúng ta hay bạn
bè của chúng ta ?

44. — X và Y là bạn thân. X bảo Y :
Anh T làm hỏng chương trình
của **mình**.

Nếu không hiểu câu chuyện của ba
người đó thì không biết chương trình của
mình là chương trình của X hay là của X
và Y hay là của T.

Vậy ta có nên quy định cho rõ ràng
cách dùng tiếng **mình** không ? Nhưng có
lẽ chúng tôi quá cẩn thận ? Ngôn ngữ nào
cũng vậy, chẳng riêng gì Việt ngữ, phải
đặt một câu vào cả một đoạn thì nghĩa
mới sáng, chứ cứ tách rời ra như chúng
tôi mới làm thì hiểu ngược hiểu xuôi
thế nào mà chẳng được ?

Sài-gòn ngày 5 - 3 - 1961
NGUYỄN-HIỀN-LÊ

ĐỌC VÀ CỒ ĐỘNG

BÁCH KHOA

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C^o
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)**

18. BEN BACH DANG — SAIGON

Trần-hương-Tiểu

Bộ mặt thực của

TRIẾT-HỌC HIỆN-SINH

TRIẾT-HỌC Hiện-sinh là gì?

Tôi sợ đó là câu truyện quá nhàm. Nhưng cũng sợ mình sẽ nói trong gió lốc. Sợ nhàm, vì vấn-đề triết-học Hiện-sinh đã được phơi bày hàng ngày trên mặt các tạp-chí tự xưng là văn-ngệ tự mấy năm nay. Hơn nữa, vấn-đề triết-học Hiện-sinh còn là đề-tài tranh biện sôi nổi giữa vài tạp-chí vào khoảng mấy tháng trước đây. Tuy nhiên cái tôi sợ hơn, là sợ mình nói trong gió lốc : sau bao nhiêu những cãi lầy và la ó (không bên nào nghe bên nào, và thường khi có người nói mà không biết mình nói chi), không biết chúng ta có đủ thanh-bình và kiên-nhẫn để tìm hiểu triết-học Hiện-sinh đến nơi đến chốn không?

Một sự kiện bất lợi là : các vị có học và đa số giáo-sư của chúng ta đều thuộc thể-hệ Bergson ; các ngài đã ngồi trên ghế của các Đại-Học khi thuyết Bergson toàn thịnh, và các ngài đã lấy chủ-trương mệnh danh là Duy-Linh (thực sự khá duy-

vật) của Bergson để nhìn nhận và phán-đoán các nền tư-tưởng triết-học. Ngoài ra, các ngài ít nghe nói đến những Husserl, Kierkegaard, Heidegger, Jaspers ; các sách của Sartre thì hoặc chưa xuất-bản, hoặc chưa được mấy người để ý. Tóm lại kiến-thức của phần đông các bậc thức-giả đàn anh đều dừng lại ở thời đó. Trong khi bạn bè của các ngài ở bên Pháp vẫn tiếp xúc với trào lưu đang lên, cặm cụi đọc các tác-phẩm của nhóm Hiện-sinh, thì các đàn anh của chúng ta bị cắt đứt liên lạc và vì thế các ngài tưởng mọi sự vẫn như xưa : làm thế, vì các ngài không chịu đọc sách (dạy nhiều giờ quá, còn giờ đâu mà đọc những bộ sách không dễ hiểu gì của Hiện-tượng-học và Hiện-sinh chủ-nghĩa), hoặc vì các ngài do thiên-kiến nghĩ rằng triết-học Hiện-sinh chỉ là một thứ văn-chương của bọn thanh-niên hiếu kỳ mà thôi, và kết cục các ngài cũng không đọc những tác-phẩm của trào-lưu mới. Vì thế

những phán-đoán của các ngài thiếu nền-tảng, không thuyết-phục được thanh thiếu niên.

Triết-học Hiện-sinh nguy-hiểm và xấu nữa. Nhưng nguy-hiểm ở chỗ nào, và xấu ở chỗ nào? Bao lâu chúng ta chưa nói một cách đúng đắn và đích-xác, thì thanh thiếu niên vẫn chưa nghe lời chúng ta, và mỗi nguy-hiểm vẫn cứ còn mãi. Cái khó là không-phải chỉ có một nền triết-học hiện-sinh, nhưng có đến hai ba khuynh-hướng hiện-sinh khác hẳn nhau. Nhất là trong thuyết Hiện-sinh có chứa đựng rất nhiều mầm mống tốt trộn lẫn với nhiều mầm mống xấu: chính những vẻ tốt đẹp kia đã quyến rũ thanh thiếu niên, nhưng vì họ chưa đủ tinh-tường để phân-biệt, cho nên họ nuốt luôn cả những chất độc pha-trộn nơi đó.

Vậy cần phải phân-biệt rõ ràng. Và mỗi khi chúng ta khen hay chê triết-học Hiện-sinh, thì nên nói rõ đó là triết Sartre hay là triết Jaspers, triết Heidegger hay là triết Gabriel Marcel, bởi vì, như chúng tôi sẽ trình bày tỉ mỉ sau đây, không những có hai ngành Hiện-sinh chính, ngành tả và ngành hữu, nhưng trong mỗi ngành cũng để lộ ra những khuynh-hướng khác nhau của mỗi triết-gia.

Chúng tôi sẽ lần lượt bàn về:

I.— Lập trường của Triết-học Hiện-sinh.

II.— Những đề-tài chính của Triết-học Hiện-sinh.

III.— Hai ngành chính của Phong-trào triết-lý Hiện-sinh.

IV.— Kierkegaard, ông tổ Hiện-sinh chính-thực.

V.— Nietzsche, ông tổ Hiện-sinh vô-thần.

VI.— Husserl, ông tổ văn-chương triết-lý hiện-tượng-học.

VII.— Jaspers, Hiện-sinh hướng về Siêu-việt.

VIII.— Marcel, Hiện-sinh và Cầu-khẩn.

IX.— Sartre, Hiện-sinh Hư-vô.

X.— Mounier và Nhân-vị chủ-nghĩa.

* * *

I.— Lập-trường của Triết-học Hiện-sinh

Tại sao Triết-học hiện-sinh quyến rũ thanh thiếu niên? Tại sao triết-học Hiện-sinh đã chinh-phục được những vị giáo-sư lão-thành như J. Wahl? Muốn trả lời những câu hỏi đó, chỉ cần tưởng nhớ đến những lớp học của triết-học cổ-truyền, các sinh-viên ngồi nặn óc để hiểu và học thuộc lòng những ý-niệm vô-cùng trừu-tượng về bản-tính, yếu-tính, mô-thể, thể-cách v.v... Triết-học cổ-truyền, từ Platon, Aristote cho đến Descartes, Kant và Hegel, chỉ là một thứ triết-học bị phóng-thể: thay vì giúp con người suy-nghĩ về thân-phận và định mệnh của mình, triết-học đã khuyến-kích con người quên mình để mãi tìm hiểu những lẽ huyền-vi của Tạo-Hóa. Chúng ta biết triết-học của Aristote và của Kinh-viện thời Trung-cổ có tên là: triết-học về vũ-trụ (philosophie de la nature). Câu định-nghĩa của Kinh-viện là: Triết-học là khoa-học về vạn vật, lấy những nguyên-nhân tối-cao để giải-nghĩa chúng (La philosophie est la science des choses par leurs

causes suprêmes). Như thế, con người không có chỗ đứng riêng; con người cũng bị coi là một trong hàng vạn vật. Trong cả bộ triết-học Aristote, không dành phần nào cho con người hiện-sinh hết, không bàn đến tự-do, không bàn đến nhân-vị, không bàn đến định-mệnh và những gì đợi chúng ta sau khi chết. Vũ-trụ to quá, át tất cả. Con người bị bỏ quên.

Thực ra, triết-học Aristote, và nói chung là triết-học cổ-truyền, đã phản ảnh thái-độ sơ-khai của ý-thức con người: ý-thức bị phóng-thể. Đứa bé con còi truồng đi chơi ngoài đường: nó không biết xấu-hổ vì nó chỉ nhìn người ta, và nó nhìn nó bằng con mắt ngây thơ của nó; nó chưa biết nhìn nó bằng con mắt của người ta đang nhìn nó. Tóm lại nó chỉ nhìn ra, không nhìn vào và không nhìn về chính mình nó. Thời kỳ niên thiếu là thời kỳ con người sống phóng-thể, hoàn toàn hòa mình vào vũ-trụ: con người phóng-thể sống trong vũ-trụ và chỉ ý-thức về các sự vật trong vũ-trụ đó; khi nào con người ý-thức được rằng *mình* đang sống trong vũ-trụ, *mình* đã xử dụng sự nọ vật kia, *mình* đã có thái-độ tốt nầy thái-độ xấu kia v.v., thì khi đó con người mới bước sang giai-đoạn phản-tỉnh. Thời-kỳ phóng-thể có thể kéo dài lâu chóng tùy nơi mỗi người và mỗi dân-tộc: có những người sống đến già vẫn chưa hoàn toàn ý-thức về ý-nghĩa cuộc nhân-sinh, họ chỉ sống hơn kém một động-vật cao-đẳng; và có những dân-tộc, cho đến nay, vẫn chưa ý-thức về tình-cảnh bi-đát của mình, đành chịu ách nô-lệ thực-dân, độc-tài.

Triết-học về vũ-trụ là điển-hình triết-học phóng-thể: chủ-đích của triết-học đó là

tìm ra căn-nguyên của vũ-trụ. Khi triết-gia đầu-tiên của Hy-lạp, ông Thalès, nhìn vũ-trụ và ông muốn gọi tên của Nguyên-ủy vũ-trụ, thì ông nói: « Nước! Nước là Nguyên - ủy vạn - vật ». Héraclite thì bảo Nguyên - ủy đó là Lửa. Rồi ông thì bảo là Khí, ông lại nói là Vô - định. Parménide chủ - trương Nguyên - ủy đó là Hữu-thể bất-biến. Đến Platon, Hữu-thể duy-nhất và bất-biến này biến thành những Linh-tượng bất-biến: đó là Vũ-trụ các Linh-tượng của học-thuyết Platon. Lập-trường của Platon không giải-nghĩa được hiện-tượng của vạn vật khả-giác, cho nên Aristote mới nghĩ ra thuyết Mô-chất (Hylémorphisme), coi vạn vật đều kết-thành bởi hai nguyên - nhân: Mô - thể và Chất-thể (Forme, Matière). Thay vì Linh-tượng Con Chó (duy-nhất) của Platon trên Linh-giới, Aristote chủ-trương rằng: có vô số những con chó. Tại sao con Mực, con KiKi, con vàng, con Lu, con Bẹc-dê v.v. đều là những con chó? Aristote thừa: « Sở dĩ chúng đều là những con chó, vì trong chúng chỉ có một mô-thể duy-nhất là Chó; còn chúng khác nhau thì chỉ khác về những cái tùy-tòng của chất - thể mà thôi. « Như vậy, tất cả những con chó đều chung nhau một mô-thể duy-nhất là: Chó. Và nếu có nhiều chó, thì chỉ vì mô-thể Chó đã được nhập-thể nơi nhiều chất-thể khác nhau đó thôi. Về con người, chủ-trương của Aristote cũng vẫn giữ nguyên như vậy: chúng ta chung nhau một mô-thể duy-nhất là Người, và chúng ta chỉ khác nhau vì chúng ta có những thân-thể khác nhau. Trong viễn-tượng này, Aristote viết: « Chỉ phần anh-linh nhất trong con người, tức Trí-năng tác-động, có bất-tử-tính mà thôi ».

Xin hỏi : cái phần bất-tử đó của con người là của chung hay của riêng mỗi người ? Con Người sẽ bất-tử, hay là chúng ta mỗi người đều bất-tử ? Saint Thomas, đồ-đệ của Aristote, trả lời rằng : Mỗi người chúng ta đều bất-tử. Nhưng các học giả ngày nay đồng thanh xác-nhận rằng đó chỉ là chủ-trương riêng của Saint Thomas mà thôi, và ngài chủ-trương như vậy vì triết-học của ngài đã chịu ảnh-hưởng sâu xa của Thiên Chúa giáo.

Nhìn qua như thế, chúng ta hiểu ít nhiều về bộ mặt cứng đờ của triết-học cổ-truyền, triết-học về vũ-trụ. Nói thực ra, triết học này chỉ là một trá-hình của Khoa-học thực-nghiệm, một thứ khoa Vật-lý-học ở thời kỳ phôi thai, còn mang nặng những suy-luận duy-lý. Chỉ cần nhớ rằng Bộ Siêu-hình-học của Aristote là bộ sách xếp sau bộ Vật-lý-học của ông, và tự-trung vẫn đề-cập đến cùng một loại vấn-đề ; giải-nghĩa vạn vật bằng bốn nguyên-nhân căn-bản của chúng, tức nguyên-nhân mô-thể, nguyên-nhân chất-thể, nguyên-nhân tác-thành và nguyên-nhân cứu-cánh. Người ta không thấy một cách-biệt nào giữa hai khu-vực vật-lý (physique) và khu-vực siêu-hình-học (métaphysique) của triết-học ông. Có học-giả đã nói giễu : « Vật-lý-học của Aristote là một thứ vật-lý-học siêu-hình và siêu-hình-học của ông lại là siêu-hình-học vật-lý ». Một điều chắc chắn và rõ ràng là : Aristote đã quan-niệm vũ-trụ như một Toàn-bộ có trật-tự, trong đó con người chỉ chiếm một địa-vị tầm thường. Tầm thường, vì con người không toàn-hảo bằng các hành tinh, và tất nhiên là thua các định - tinh nhiều lắm.

Vũ-trụ-quan của Aristote cho ta thấy một con người bị chìm mất trong vũ-trụ, bị đặt dưới những vật-thể như tinh-tú.

Saint Thomas, nhờ ảnh - hưởng đạo Thiên-Chúa, đã bổ-túc triết - học Aristote bằng những quan-niệm về nhân-vị tự-do và định-mệnh cao cả của con người. Nhưng kết cục ngài vẫn không thay lập trường cho triết-học vật-lý của Aristote, cho nên người ta bó buộc phải công nhận rằng triết học của Ngài vẫn là triết-học về vũ-trụ.

Descartes, với sự khám-phá ra chủ-thể-tính con người và tự-do — tính mang nặng chất hiện - sinh, đã hé nhìn thấy đường đi của triết-học. Cho nên « đối với Descartes, không thể có triết-học về vũ-trụ, nhưng chỉ có khoa-học về vũ-trụ và triết-học về tinh-thần ». (Alquié *La découverte métaphysique de l'homme chez Descartes*, PUF 1950, p. 127). Đúng thế, nghiên-cứu vạn vật là lãnh-vực của khoa Vật-lý, còn triết-học không nên tranh đối-tượng đó với khoa-học : triết-học có nhiệm-vụ rõ rệt và riêng biệt, đó là tìm hiểu con người, và con người đây không phải là sự vật sinh-tồn, nhưng là sinh-hoạt tự-do, tức tinh-thần. Đáng tiếc thay ! Descartes đã vội đối-tượng-hóa con người ; mà con người đối-tượng là con người vật-thể mất rồi. Kant và nhất là Hegel còn đẩy đà này đi xa hơn, thành thử triết-học vẫn lẫn lẩn trong thái-độ ý-niệm, coi con người là thể này thể nọ, trong khi con người có thể là quý hay là thánh, có thể sống làm thân trâu ngựa, sướng cái đời con vật, hay trái lại có thể chọn tù ngục miễn là được nói sự thực và sống xứng đáng con người tự-do. Đó là lập-trường và chủ-đích của triết-học Hiện-sinh.

Trước khi nói đến triết-học Hiện-sinh với chủ-trương thăng-tiến con người, chúng ta cũng nên biết qua hình-thức văn-chương của triết-học cổ - điển. Chúng ta có thể mô- tả bất cứ bộ triết - học cổ - điển nào, nhất là triết-học Kinh-viện, chúng ta không khỏi bỡ-ngỡ về bộ máy của những danh-từ quá trừu-tượng và quá chuyên-môn. Người ta có cảm-tưởng đứng trước một trang sách toán-học trá hình : các lý-luận đều liên-kết bằng những câu tam-đoạn-luận, thành thử cả trang sách chỉ là một mô- nhữn câu tam-đoạn-luận, và cả cuốn sách chỉ là tổng-số những câu định-nghĩa và những câu tam - đoạn - luận. Kết cục, người sinh-viên không học được điều chi hết ngoài cái hình-thức lý-luận trừu-tượng đó. Tệ nhất là các vấn- đề được nêu lên ở đó toàn là những vấn- đề giả-tạo, những vấn-đề không do cuộc sinh-hoạt thực-tế sui nên, nhưng chỉ là những vấn-đề lý-thuyết xa-xôi do các học- giả ngồi trong thư-phòng nghĩ ra như kiểu người ta nghĩ ra những câu đố chữ. Về điểm này, ông Chenu, một nhà nghiên-cứu về triết Kinh-viện đã viết : « Không phải những điểm bị hồ-nghi hoặc bị chối cãi, nhưng là những điểm mà hết mọi người đồng ý và tin-tưởng như nhau đã được các nhà thần-học và triết-học nêu lên thành vấn-đề. Như vậy chỉ là những vấn-đề hình-thức mà thôi. » (Chenu O. P., *Introduction à l'étude de saint Thomas*, Vrin 1954, p. 72). Nội-dung hình-thức, lối văn diễn tả lại máy móc và trừu-tượng, một triết-học như thế chỉ là một món tiêu-khiển thanh-nhã của những người quý-phái và an-nhàn. Và thực ra, triết-học cổ-điển chỉ dành riêng cho những con nhà thượng-lưu mà thôi, và họ chỉ dùng trí-thức triết-học

làm đồ trang điểm cũng như phụ-nữ dùng son phấn. Triết-học như thế không phát sinh do sự suy-nghĩ về nhân-sinh, cho nên cũng không giúp gì con người trong việc giải-quyết những vấn-đề nhân-bản.

* *
*

Triết - học về con người — Triết Hiện-sinh là triết-học về ý-nghĩa cuộc nhân-sinh, và nói tắt là triết-học về con người. Emmanuel Mounier đã nêu cao lập-trường của Hiện-sinh như sau : « Bất cứ khuynh-hướng nào trong Triết Hiện-sinh đều là triết-học về con người, trước khi là triết-học về vũ-trụ. Theo Thiên - Chúa - giáo hay không, triết - học Hiện - sinh đều mang nặng tính - chất bi - đát của kinh-nghiệm con người về định - mệnh của mình. » (Mounier, *Introduction aux existentialismes*, Denoël 1947, p. 33). Triết Hiện-sinh bỏ con đường cũ của triết-học cổ-truyền, không theo đuổi công-việc tìm những nguyên nhân cao nhất của vạn vật nữa. Triết Hiện-sinh không mất giờ bàn những truyện xa xôi về những lẽ huyền-vi của Tạo-hoá, nhưng chỉ chú trọng đến thân phận của con người, tìm hiểu ý-nghĩa của cuộc sống và của cái chết. Không gì tha-thiết với con người bằng chính con người. Và cũng không có gì dễ hiểu hơn. Bởi thế tiếng nói của Hiện-sinh đã được các giới, nhất là lớp người thanh-niên đầy ưu-tư về thân-phận của mình, đón chào một cách nồng-nhiệt và tiếng nói đó đã gây nên Phong-trào triết-học như ta thấy. Đây là lần đầu tiên trong lịch-sử nhân-loại triết học đã gây một phong-trào sâu rộng trong quần chúng. Điều này do hai căn cớ : thứ nhất vì triết-học Hiện-sinh không nói đến những Nguyên-

nhân xa xôi, nhưng nói đến con người sinh-hoạt trong xã-hội loài người, — hai là vì triết Hiện-sinh không dùng lối danh-từ chuyên môn trừu-tượng, nhưng dùng lối văn bình-dị của mọi người (truyện ngắn, tiểu-thuyết, kịch trường v. v...). Hai yếu-tố này đã làm nên công việc mà xưa kia không một triết thuyết nào làm được: đưa triết-lý vào đời sống và hướng dẫn đời sống bằng những suy-nghĩ triết-học.

Triết-học về vũ-trụ là thứ triết-học tìm hiểu vũ-trụ, quá mải miết với những lẽ huyền-vi, thành thử bỏ quên mất con người. Đó là triết-học phóng-thể. Triết-học Hiện-sinh sức tỉnh giấc mê đó, biết mình đang ở tình trạng phóng-thể cho nên vội bỏ công việc tìm hiểu vũ-trụ cho các nhà Khoa-học, để tự nay chỉ suy-nghĩ về ý-nghĩa cuộc sống chết của con người mà thôi. Chính vì thế, triết-học Hiện-sinh đã cảnh-tỉnh con người, và do đó « đầu là khuynh-hướng Thiên - Chúa - giáo hay là vô - thần, triết Hiện-sinh cũng đã mang yếu-tố tôn-giáo lại cho cái thế-giới lạnh lùng của triết cổ-diễn » (Mounier, op. cit. p. 154).

Để công-việc trình bày được rõ ràng, chúng tôi lần lượt bàn đến nội-dung của triết Hiện-sinh, sau đó sẽ nói qua về hình-thức trình diễn của nó.

Nội-dung — Đây chúng tôi hiểu nội-dung theo nghĩa rộng. Nội-dung của triết Hiện-sinh là con người, con người có xương thịt đang sinh hoạt hàng ngày trong xã-hội. Không phải con người với một chữ C lớn, nghĩa là không phải con người phổ-quát của Aristote; nhưng con người đây là tôi, là anh, là chúng ta hết thấy và từng người một.

Là con người sinh-hoạt, tôi là một chủ thể, và tôi là một nhân-vị tự-do. Đó là hai đề-tài chủ-yếu của triết Hiện-sinh. Bao lâu con người chưa ý-thức hai điều đó cách thâm-thía, thì chưa biết sống cho ra người.

Chủ thể tính. — Triết Hiện-sinh xây trên chủ-thể-tính, không còn coi con người là một sự vật của toàn-bộ vũ-trụ nữa, nhưng coi con người như một hữu-thể đứng trên vũ-trụ và có quyền gán cho vũ-trụ một giá-trị tùy quan-điểm của mỗi người. Xin phân-biệt chủ-thể-tính (subjectivité) và chủ-thể chủ-nghĩa (subjectivisme). Thuyết Duy chủ-thể là một hình-thức của thuyết Duy-tâm, theo đó thì sự vật không có giá-trị nào hết, ngoài giá-trị mà chủ-thể ban cho nó; có những thuyết Duy chủ-thể còn đi xa hơn nữa vì chủ-trương rằng ngoài chủ-thể ra không có chi hết cả: mọi sự đều chỉ là những tác-phẩm của tư-duy. Trái lại chủ - thể - tính chỉ có nghĩa là: con người không phải một sự vật như cây đa, con mèo, con chó; con người có khả-năng hồi-tưởng, suy-nghĩ, dự-tính. Chỉ con người có sự sống nội-tâm, chỉ con người có ý-thức tự quy (conscience de soi-même). Tóm lại, nói con người có chủ-thể-tính là nói rằng con người không phản ứng như một sự vật: sự vật luôn luôn phản-ứng theo một cách nhất-định, còn con người thì không, vì con người là nhân-vị tự-do. Thí dụ tấm gương luôn luôn phản chiếu đúng hình ảnh của em gái tôi. Còn gương mặt con người thì trái hẳn: hôm qua lúc anh T. đứng nói truyện với em gái tôi ở cổng nhà cha mẹ tôi, thì chợt anh Ph. đi qua; cũng là em gái tôi, thế mà anh T., vị hôn phu của nó nhìn

thấy nó khác, và anh Ph., người bị nó từ chối, lại nhìn thấy nó khác. Cũng tiếng cười của em gái tôi, Anh T. thì cảm thấy thơm như hoa và mát như trăng, còn anh Ph. lại cảm thấy đau chói như giúi đâm và uất người lên như lửa đốt, Tất cả các sự vật khác cũng thế: đối với ta, sự vật không bao giờ có khách-thể tính (objectivité) thuần-túy, nhưng luôn luôn được màu tình-cảm và đó là giá-trị mà ta khoác áo cho nó. Đúng như tục-ngữ của ta: « Cảnh nào là cảnh đeo sầu, Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ? »

Lấy vài thí dụ cụ-thể và tầm thường để ta thấy chủ-thể-tính của con người. Chủ-thể-tính đó không phải là một trừu-tượng, nhưng là một thực-tại của mọi lúc. Chủ-thể-tính là linh-hồn của tất cả mọi hình-thức sinh-hoạt của con người, tự cái nhìn cho đến những phản-ứng phức tạp. Chúng tôi xin giải-nghĩa thêm về cái nhìn: khác với thuyết Duy chủ-thể, khi nói con người là chủ-thể, triết Hiện-sinh chỉ có ý quyết rằng sự vật có thực-tại-tính của nó, nhưng sự vật không thể có khách-thể-tính tuyệt-đối như chủ-trương của phái Duy-nghiệm (Locke, Hume). Con người không thụ-động mỗi khi tiếp xúc với sự vật; con người không lãnh-nhận những ấn-tượng do sự vật in trên giác-quan của mình, như quan-niệm sai-lầm của Duy-nghiệm. Vì con người là chủ-thể, cho nên mỗi tiếp xúc của ta với sự vật đều là những phản-ứng, và trong phản-ứng đó ta giữ phần chủ-động.

Hiểu như thế rồi, chúng ta mới thấu ý-nghĩa của những câu nói sâu xa như câu sau đây của Gusdorf: « Siêu-hình-học chẳng qua chỉ là cái nhìn của con người

hướng về vũ-trụ: con người đảm-nhận lấy vũ-trụ đó, và kiến-tạo nó thành vũ-trụ. Chúng ta không thể tưởng-tượng một vũ-trụ không người. Nói vũ-trụ là nói một thực-tại đã được một ý-thức nhìn nhận và tổ-chức » (Gusdorf, *Traité de métaphysique*, Colin 1956, p. 61) Khi con người đã ý-thức được chủ-thể-tính của mình, thì vũ-trụ liền mất vẻ thần-thánh của nó: những sấm sét, những tinh tú, mặt trời và mặt trăng không còn là những thần-linh cao-quang nữa, nhưng con người biết rõ đó chỉ là những vật-thể vô-tri, thua kém con người ngàn trùng. Hơn nữa, con người nhận-định một cách sáng suốt rằng: không sự vật gì có giá-trị tuyệt-đối, không sự vật nào có khả-năng cưỡng bách tôi phải công-nhận nó là thế này thế nọ. Ngay cả tha-nhân cũng không có khả-năng đó: ngày xưa cha ông chúng ta vì suy-tôn các bậc vua chúa, cho nên dẫu các vua chúa đó tham-tàn và gian-ác đến mấy mặc lòng, cha ông chúng ta cũng không dám nhận xét; hay nói đúng hơn, dẫu vua chúa xấu thế nào đi nữa, cha ông chúng ta vẫn coi họ là vua chúa và vẫn dạy con em kính tôn họ. Triết Hiện-sinh là triết của con người đã tỉnh-ngộ: con người hiện-sinh là con người dám nhìn thẳng vào sự thực, không sống theo những quan-niệm trừu-tượng, rằng vua chúa thì đáng kính, rằng ông thầy thì minh chính v.v.; con người hiện-sinh không sống theo những quan-niệm trừu-tượng, nhưng luôn luôn cố gắng dùng suy-nghi để xác-nhận ý-nghĩa « hiện-sinh » tức ý-nghĩa thực sự của mỗi người và mỗi vật, cho nên họ không kính ông thầy vì là ông thầy, nhưng chỉ kính ông thầy vì những đức-tính tri-thức và

đạo-đức của ông thầy ; họ không kính ông thủ-tướng vì là ông thủ-tướng, nhưng họ chỉ kính ông vì những tài-đức của ông ta mà thôi v.v..

Tóm lại chủ-thể-tính làm cho ta tỉnh-ngộ, tự nhận là một nhân vị tự-do, có quyền và có nhiệm-vụ nhận xét giá-trị của mỗi sự vật và mỗi tha-nhân mà ta tiếp xúc với. Triết-học về vũ-trụ làm chúng ta quên con người và chỗ đứng của mỗi người trong xã-hội, trái lại chủ-đích của triết Hiện-sinh là làm cho mỗi người ý-thức và ý thức một cách bi-đát về địa-vị làm người của mình, đồng thời triết Hiện-sinh nhắc cho ta biết nếu ta thụ-động, ta sẽ bán rẻ thiên-chức làm người của ta và như vậy chúng ta sẽ rơi xuống hàng sự vật, vô danh và vô vị.

Tự-do-tính. — Chủ-thể-tính làm ta nhận-định ta không phải là những sự vật của vũ-trụ, nhưng là những nhân-vị sống trên thế-giới. Tuy nhiên, nói con người có chủ-thể-tính, chúng ta chưa nói lên được điều chi quan-trọng lắm. Nhất là chúng ta chưa nói lên được cái giọng ngang tàng của triết Hiện-sinh. Xin hiểu chữ ngang-tàng theo nghĩa tốt của nó. Người ngang tàng là người không chịu đứng trong hàng ngũ của quần chúng vô-danh. Người hiện-sinh là người ngang tàng, vì họ ý-thức rằng mỗi người là một kỳ-diệu của Thượng-Đế, mỗi con người là một cái gì độc-đáo (unique). Độc-đáo là một trong những đề-tài lớn của triết Hiện-sinh. Chúng tôi sẽ bàn rộng thêm trong bài sau.

Nên biết ngay độc-đáo không có nghĩa là lập dị, và ngang tàng không có nghĩa là phá phách. Độc-đáo chỉ có nghĩa là mỗi người được sinh ra với những điều-kiện thể-chất và tinh-thần khác hẳn nhau (gia-

đình giàu hay nghèo, đạo hạnh hay thất-đức, êm-ấm hay chia rẽ, rồi chỗ đứng của tôi trong hàng ngũ anh em, tôi có nhiều chị hay nhiều anh em trai ; học-đường ; chỗ giao-du của tôi và của cha mẹ anh em tôi ; sức khỏe của tôi, tính-khí của tôi ; những cái may và những cái rủi đã đánh dấu đời tôi v.v...) : như vậy tôi không nên và không thể lấy lý-tưởng của anh bạn N. làm lý-tưởng đời sống tôi, cả đời sống của anh trai tôi cũng khác đời sống của tôi. Nếu tôi hiểu rằng tôi có những khả-năng khác các người ta, — khác không có nghĩa là trội hơn, vì có thể là kém, nhưng kém một cách khác, chớ không phải kém như kiểu một người có một ngàn đồng và người kia có mười triệu đồng : khả-năng con người không tính bằng lượng, nhưng tính bằng phẩm, — phải, nếu tôi hiểu khả-năng tôi và biết tôi phải tận dụng khả-năng đó để thể-hiện ý-nghĩa cuộc nhân-sinh của tôi, tất nhiên tôi không thể sống một cách vô vị, vật vờ như bóng ma và y-lại như một người sống bảm.

Nói đến những khả-năng của mỗi người là nói đến *Quyết-tuyên* (choix), nói đến trách-nhiệm, tự trách-nhiệm, và nói đến tự-do.

Tự-do đây không phải thứ tự-do của thế giới tự-do. Tự-do này bảo-đảm và là điều-kiện thuận-tiện cho sự nảy nở của tự-do hiện-sinh. Tuy nhiên, tự-do của xã-hội chưa phải là tự-do triết-lý và cũng chưa phải là điều-kiện đầy đủ. Có nên coi nó là điều-kiện cần-thiết không ? Theo lịch-sử, chúng ta phải thưa : Không. Tự-do bên ngoài không phải là điều-kiện cần-thiết của tự-do bên trong, tức tự-do hiện-sinh. Trần-Bình-Trọng đã quyết chọn chết vinh hơn

là sống nhục, «Thà làm quỷ xứ Nam còn hơn làm vua xứ Bắc»; đó là con người tự-do siêu-việt, tù ngục và gươm súng đành chịu thua. Vậy người tự-do thực là người tự đảm-nhiệm hành-động của mình, không phải tôi làm vì thấy người ta làm như thế, không phải tôi làm vì người ta nghĩ tôi phải làm như thế, không phải tôi làm vì sợ điều này hay sợ người kia, không phải tôi làm vì những mục-tiêu đê-tiện, và sau hết không phải tôi làm vì thói quen. Người tự đảm-nhiệm lấy hành-động của mình là người chỉ làm vì ý-thức rằng hành-động như thế là cách thể-hiện ý-nghĩa cuộc đời của mình, làm cho bản-thân mình thêm phong-phú và định-mệnh của mình thêm quý trọng. Người thiếu tư-cách thường làm cho qua lượt : họ giống như con mèo luôn luôn phủ-nhận hành-động của nó vừa để lại trên đồng tro ; người thiếu nhân-cách không ghi nhớ những hành-động của mình, trái lại họ muốn quên đi cho xong, vì hành-động của họ không ghi một điểm tốt đẹp nào hết trên đời họ.

Cao hơn một chút, ta thấy « người sống bám » điển-hình : những người này không khác chi những chiếc máy. Họ làm vì người trên bảo phải làm như thế, và họ cứ thế mà làm. Tất cả chúng ta, những người sống theo thói quen, theo đà theo dóm, đều là những người sống đời máy móc của người sống bám. Chính cái thường-nhật quá lì lì một mực này đã làm Sartre *nôn mửa*, Camus thì cho là *phi-lý*, còn Heidegger gọi nó bằng tên thực của nó, ông gọi nó là « *tầm thường* ».

Bao lâu tôi sống trong tình-trạng tầm thường, tôi còn bị chôn vùi dưới làn sóng

quần chúng vô danh và vô nhân-vị. Tôi chưa dám là tôi. Tôi vẫn cam làm « người ta ». Tôi không có nhân-cách. Tôi không phải một nhân-vị độc đáo, nhưng chỉ là một đơn-vị, một con số thêm vào dân số của thành-phố Đà-lạt hoặc đô thành Saigon đông đảo. Tại sao thế ? tại vì tôi chưa bao giờ xử dụng tự-do-tính của nhân-vị tôi. Tự-do đây mới thực là tự-do con người : tự-do đây mới đúng nghĩa là *do* tôi quyết-định, *tự* tôi đảm lấy. Một hành-động tự-do là hành-động phát-xuất tự trong bản-thể con người tôi. Nếu tôi chết khi chưa quyết định và cố gắng thể-hiện những dự-tính về cuộc đời tôi, thì tôi nên biết rằng cuộc đời tôi hoàn toàn vô giá-trị : vô giá-trị vì tôi chưa xử dụng tự-do-tính của tôi ; tôi mới chỉ sống như một sinh-vật mà thôi, chưa sống cái kiếp người của tôi.

Tóm lại, trong sinh-hoạt tự-do, chúng ta vừa gặp hai loại người hèn kém. Loại thứ nhất là loại người vô trách-nhiệm : hoặc họ làm ẩu, cho nên cố tình chối bỏ hành-động của mình như con mèo đối với hành-động của nó trong đồng tro, hoặc họ làm một cách vô ý thức, cho nên làm xong là quên tất cả hành-động của mình. Đó là loại người vô nhân-cách. Loại thứ hai, loại người có tâm-hồn ỷ lại, luôn luôn sống như « người ta » : họ có thể có lương tâm, làm việc chu đáo, nhưng họ hành-động một cách máy móc ; họ làm vì phải làm như thế, vì người ta làm như thế cả ; công việc của họ sẽ được trả bằng tiền, và đó là tất cả nguyện-vọng của họ ; không bao giờ họ nghĩ rằng hành-động của con người phải thăng-tiến con người, nhất là không bao giờ họ nghĩ rằng chúng ta phải

để con dấu nhân-cách trên mỗi hành-động của ta. Cái xe Sachs của tôi có khắc chữ *Made in Germany*, đó là một bảo - đảm về phẩm-chất. Ước chi mỗi hành - động của người tự-do đều khắc bằng chữ tinh-thần rằng : « Do Bùi-Văn-X. đảm - nhận ». Nhưng loại người sống theo tinh-thần ý lại không thể vươn lên tới chỗ cao quý đó. Ta phải đợi người tự-do.

Con người tự-do. Triết Hiện-sinh thường gọi con người là « sinh-hoạt của một tự-do-tính » (Jaspers, *Introduction à la philosophie*, p. 84 : « L'homme peut être abordé de deux manières : comme objet de recherche scientifique et comme *existence d'une liberté inaccessible à toute science* ». Bản dịch Việt ngữ của Lê-Tôn-Nghiêm, trang 91 : « Ta có thể đề cập vấn-đề con người theo lối : một là như đối-tượng cho khoa-học sưu-tầm, hai là như một tự-do hiện-hữu vượt trên mọi nhân-giới của khoa-học »). Triết Hiện-sinh không ưa gọi con người là hữu-thể tự-do cho bằng gọi là sinh-hoạt của một tự-do-tính, tức một sinh-lực tinh-thần thực sự sinh-hoạt bằng tự-do-tính của mình trong những tình-trạng cụ-thể của thế-giới loài người.

Nói tự-do, tức nói quyết-tuyển. Và đây không phải tuyển lựa giữa hai đồ vật tôi muốn mua, hoặc giữa hai người bạn. Chọn đây là tự chọn con người của tôi : với những điều-kiện chất-thể và tinh-thần của tôi, tôi biết rõ tôi có thể trở thành một học-giả sống thanh-bạch, hoặc trở thành một giáo-sư cự-phủ bán phối xây nhà lầu, hoặc trở thành công-chức hạng bự nhưng phải hy-sinh đời suy-tưởng của tôi ; tôi có thể chọn ; tôi phải chọn, phải quyết-tuyển. Và như vậy, chọn là tự chọn, chọn

cho mình làm người trí-thức hay chọn làm người bán chữ ăn tiền. Đó là ý-nghĩa câu sau đây của Jaspers :

« Hiện-sinh là chủ-thể tự nhận mình là độc-đáo : thay vì mãi nhìn vũ-trụ, chủ-thể nọ tự xét mình để tìm ra ở trong mình cái nguồn khả-năng hầu như vô-tận. Hiện-sinh của tôi không phải là cái vốn do Thiên-nhiên cấp cho tôi ; hiện-sinh của tôi là chính hữu-thể mà tôi phải dùng một chuỗi những quyết-tuyển để tác-thành và hoàn-thành. Như vậy tôi phải luôn luôn vươn lên khỏi cái thường-nhật để đạt tới vẻ chính-thực của con người tôi ». (Ricoeur et Dufrenne, *Jaspers et la philosophie de l'existence*, Seuil 1949, p. 111).

Đó là tự-do chính-thực : dùng tự-do để tự đảm-nhận con đường đời mà tôi nhận là sẽ phát-triển con người của tôi tới cực độ khả-năng của tôi. Mỗi quyết-định là một giá-trị hiện-sinh, vì mỗi quyết-định đòi một ý-thức thận-trọng và một tinh-thần trách-nhiệm cao cả. Trên đây chúng ta vừa thấy Jaspers so sánh bản-tính (nature) và tự-do-tính. Bản-tính là cái chúng ta có chung nhau : đó là bản-tính con người. Các triết-gia Hiện-sinh thường gọi bản-tính này bằng danh-từ mới : *kiện-tính* (facticité). Kiện-tính là tính-cách thụ-động của con người, xét theo phương-diện con người được Tạo-hóa tác-thành : như thế chưa có chi của con người chủ-thể hết. Triết-học cổ-truyền thường chỉ để ý đến khía cạnh này của con người mà thôi. Trái lại triết Hiện-sinh coi kiện-tính là khởi-điểm : xét về nhân-vị, thì khởi-điểm này là một con số không. Cần phải tiến

lên tiến mãi, đừng dừng ở khởi-điểm. Cho nên triết Hiện-sinh đề cao *tự-do-tính* (theo nghĩa triết-học trên đây, tự-do là *do chính mình*). Chính tự-do-tính giúp ta tự tác - thành lấy nhân-vị của mình và hoàn-thành nó mỗi ngày mỗi thêm phong-phú và giá-trị.

Trên đây là tóm tắt lập-trường chung của tất cả các khuynh-hướng triết Hiện-sinh. Tựu-trung, lập-trường đó là lập-trường nhân-vị (Ta sẽ thấy Mounier, cha sinh của thuyết Nhân-vị, cũng tự xưng là triết-gia Hiện-sinh và ông kê khai rõ giá-phả của ông trong đại gia-đình Hiện-sinh. — Coi Mounier, *Introduction aux Existentialismes*, hình vẽ cây Hiện-sinh, trang 11). Triết-học cổ-truyền hướng về vũ-trụ và bỏ quên con người; triết Hiện sinh chỉ suy-nghĩ và tìm hiểu con người mà thôi, và con người đây không phải con người phổ - quát và trừu - tượng, nhưng là con người hiện-sinh (*hiện* đang sống trong xã hội loài người). Đã thế, mỗi người đều có khả-năng riêng và hoàn-cảnh sinh-hoạt riêng, triết-lý có nhiệm-vụ giúp con người nhận-thức cái *vốn* đó (kiện tính) để *khai-thác* cho đến mức toàn-hảo (tự-do-tính).

Hình-thức. — Nội - dung triết Hiện-sinh khác nội-dung triết cổ-truyền. Hình-thức còn khác xa hơn nữa. Cách tri-thức của triết cổ-truyền là biết bản-tính sự vật, cho nên ta thấy các tác-gia cổ-điển luôn luôn dùng phương - pháp phân-tích và những câu định-nghĩa: họ làm thế, vì họ tưởng hễ biết bản-tính sự vật là biết tất cả rồi. Mà bản tính sự vật là gì? Là cái gì mà tất cả các cá-vật của một loại đều có như nhau. Thí dụ bản-tính con người

là « một con vật có lý-trí ». Mà có lý-trí thì có suy-luận, có suy-luận thì biết chọn điều thiện bỏ điều ác v.v... Tóm lại triết cổ truyền chủ-trương con người có thể biết bản-tính sự vật, và tất nhiên cả bản-tính con người nữa. Trái lại triết Hiện-sinh tuyên - ngôn rằng chỉ một mình Thượng-Đế biết bản-tính sự vật, còn chúng ta chỉ có những cái nhìn phiến-diện về sự vật mà thôi: nhìn nhiều lần và nhiều chiều-hướng khác nhau, qua những luồng ánh sáng khác nhau, chúng ta dần dần biết thêm mãi về sự vật. Cho nên thay vì dùng những câu định-nghĩa trừu-tượng và phổ-quát, triết Hiện-sinh chủ-trương dùng mô-tả (descriptions). Mỗi tình trạng mới, mỗi đổi thay của hoàn cảnh, chúng ta thấy con người để lộ thêm một trắc-diện (profil) của họ, và đó là dịp duy-nhất để ta biết họ thêm. Tôi chưa thấy người bạn tôi giận dữ bao giờ; nhưng đột có sự khủng hoảng giữa tình bạn hoặc trong đời sống riêng tư của người bạn, tôi thấy người bạn giận: đó là bộ mặt mới của họ, vì mỗi người có một cách giận khác nhau.

Trong một bài sau, khi nói về Husserl, chúng tôi sẽ trình bày đầy đủ về lối văn mô-tả này. Bây giờ chỉ xin nói tổng-quát rằng: lối diễn tả của triết Hiện-sinh không trừu-tượng như những câu định nghĩa của triết cổ-truyền, nhưng là những trang mô-tả về các trạng-huống (situations) của con người có xương có thịt. Thay vì những bộ luận kết-thành bởi những câu định-nghĩa phổ-quát, xây trên những câu tam-đoạn-luận trừu-tượng, chúng ta gặp nơi các triết-gia hiện-sinh những hình-thức văn-chương hiện-sinh: Nhật-ký, Kịch-trường, Tiểu-thuyết.

BỘ MẶT THỰC CỦA TRIẾT-HỌC HIỆN-SINH

Kierkegaard và Marcel đã để lại những cuốn Nhật-ký. Sartre, Marcel, Camus đã cho xuất bản những Kịch triết-lý. Sartre còn để lại nhiều Tiểu-thuyết và Truyện ngắn. Các triết-gia khác, như Heidegger, Jaspers, Merleau-Ponty, Mounier, tuy không viết tiểu-thuyết và kịch-bản, nhưng các trang sách của ông luôn luôn là những phản-ảnh sống-động của sinh-hoạt con người ý-thức về định-mệnh của mình. Có thể nói tắt rằng, lối viết văn của triết Hiện-sinh là văn mô-tả và mô-tả những trạng-huống sinh-hoạt thực sự của con người thời đại.

Kết luận. — Triết Hiện-sinh là triết dạy ta suy-nghĩ về thân-phận làm người. Văn của triết Hiện-sinh là văn mô-tả — đôi khi tả chân quá — nhưng chủ ý của họ không phải là gì khác cho bằng vạch cho ta thấy vẻ nôn mửa của con người tầm-thường, hòng thức tỉnh con người chỗi dậy, bỏ cách sống của sự vật để khai-mạc một đời sống nhân-vị, nhân-vị cao-cả của con người tự-do.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Kỳ sau :

II. — Những đề-tài chính của Triết Hiện-sinh.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC
66, GIA-LONG — SAIGON

XII. — THÔNG CẢM

ĐOÀN-THÊM



*Phong cảnh Ấn-tượng ? Trời mây và cây của Véronèse —
Một góc tranh Moïse Sauvé des eaux 1560 — 1570*

MỘT bạn thấy tôi băn-khoăn về hội-họa, có cho biết ý-kiến như sau :

— Tội gì tồn công như vậy ? Tranh vẽ ra, cốt sao đẹp mắt, lại bắt nghĩ ngợi thì còn thú gì ? Đối với họa-sỹ khó hiểu cũng như thi-sỹ tồi tăm, đừng xem nữa, vì nếu họ muốn câu-kỳ bí-mật, tức là không kể đến xã-hội, nên mình cũng chẳng cần tìm hiểu. Hễ không thích, cứ việc lảng đi, còn nếu nghiêng ngả suy luận rồi mới ưa được, khỏi sao phần gượng ép mình ?

Những câu đó khiến tôi nhớ lại một vấn-đề đã được bàn cãi khá nhiều trong giới phê-bình nghệ-thuật (1) Nghệ-sỹ phải nói lên những gì xúc động nổi quẩn-chúng ? hay nghệ-sỹ chiều quyền tự-do, có thể chỉ biểu lộ những ý tình riêng theo

(1) Vấn-đề này cách đây không lâu, lại được nêu ra trong các bài: Hoàn-cảnh sáng-tác hiện nay của nghệ-sỹ, Climat dans lequel est placé l'artiste d'aujourd'hui, của Françoise Choay, Jardin des Arts tháng 6-1960 ; và Tranh-luận về Thề Querelle des formes, của Michel Louis Cosnil, Informations et Documents, 1-11-60.

đường lối của mình? Nói một cách khác, nghệ sỹ có bốn-phận sáng tác thế nào cho đa-sở thấu hiểu, hay là khán-giả phải liệu thăm dò lầy?

Dù sao, bạn tôi cũng quyết đoán tiên-nghiệm, và chối bỏ sự ích-lợi nghiên-cứu. Khôn nổi, có lang thang trên mọi nẻo quá-trình, mới biết nghệ-thuật bao la vượt xa tầm trực-giác và sức thụ-cảm phàm-nhân; hơn nữa, sau cuộc lãng-du vào thế-giới màu sắc, sẽ nhận ra và trút bỏ được nhiều ngộ-hoặc cùng thành-kiến.

*
* *

Ở những xã-hội có tổ-chức chặt chẽ trong phạm-vi chánh-trị tôn-giáo hay gia-đình, thì hội-họa cũng như nghệ-thuật khác, phải hướng theo nhu-cầu chung của các tập-thể, họa-sỹ đem tài ra phục-vụ, họa-phẩm cần phù-hợp với sở-thích nguyện-vọng của đa-sở, nên vấn-đề thông-cảm không gay go. Coi những tranh thánh-tích, lịch-sử, chân-dung hay phong-cảnh của Giotto, Francesca, Léonard de Vinci, Poussin hay Greuze, người đồng-thời với các ông, dù ưa hay không, cũng chóng hiểu như một bài anh-hùng-ca về truyện Roland hoặc ngụ-ngôn La Fontaine. Khán-giả thường thức, hoặc chú trọng vào đề-tài sáng sủa mà biết họa-sỹ muốn cho thấy gì, hoặc nêu trình-độ cao hơn, thì căn cứ vào một sở ước-lệ giáo-điều minh bạch. Thiên-hạ đòi hỏi và được cung cấp sự đẹp mà nhiều người cảm được, như một mỹ-nhân thân hình cân đối của Le Titien, suối rừng

của Watteau với những công-chúa dập dề. Biệt-tài, thì dĩ-nhiên họa-sỹ phải có, song những tâm-tình, trạng-huồng, lý-tưởng riêng về cuộc đời, nghĩa là phần cá-nhân, chỉ hiện ra cho những con mắt rất tinh, vì nấp sau những đề-tài ngoạn-mục đem công hiến cho công-chúng, để tán dương, thù phụng, hưng khởi, thỏa mãn, gọi những buồn vui dễ có tiếng vang ở các tầng lớp gần xa. Con người sống, suy xét và sáng tác theo những nền nếp được thừa-nhận, và dở, hay, xấu, đẹp, cao, thấp đã sẵn thang giá-trị vững bền. Những Raphaël những Vélasquez, những Rubens.. không gặp những nổi bức rộc do sự chia rẽ trái ngược giữa người xem và người vẽ ở những thời buổi sau này.

Từ giữa thế-kỷ XIX, khoa-học và lý-tưởng tự-do tiên bộ, cuộc sống đổi mới, những khuôn mẫu cũ của hội-họa và nhiều truyền-thống ở các phạm-vi sáng tác, được những người có óc cải tạo như Dalacroix hay Baudelaire đem ra xét lại. Song những qui-lệ ngàn xưa, tuy đã cần cỗi, chưa thể nhất-đán tan vỡ: điều đó dễ hiểu, vì nghệ-thuật không phổ-biến rộng rãi, chỉ dành cho một thiểu-sở trí-thức hay trường-giả có tiền. Những người ở các giới này, lại hay thận-trọng, có khuynh-hướng bảo-thủ và e dè ngò vức những sự đổi mới. Và lại, hội-họa cổ-điển khi đó còn nương nhờ chân-giá và thừa hưởng uy-tín của nhiều kiệt-tác liên tiếp bốn trăm năm. Bởi vậy, khi phải chọn giữa hai đường lối, một đã đưa

lão-sư Léonard de Vinci tới La Joconde, một của thanh-niên Manet tác-giả bức Olympia, chắc chắn ít ai dám tin hậu-sinh hơn tiền-bồi.

Ngoài sự nệ-cổ của nhiều giới sống yên theo tập-quán, còn hàng rào khác ngăn cách công-chúng và nghệ-sỹ: chính là *con người kẻ sáng tạo ở thời mới*. Một khi đã thấm nhuần lý-tưởng tự-do và tin sáng-kiến của mình, thì muốn thoát ly công-thức, ngả theo lối riêng để thực hiện cá-tính: những sự khó biết nếu không là thân-hữu tâm-giao. Như Manet đã nói hộ nhiều người cùng cảnh-huông: nào ai muốn chống đối gì đâu? chẳng qua họa-sỹ chân-thành chỉ mong phơi bày cảm-xúc, cốt sao đúng với chính mình, chứ không phải với kẻ khác (1) Kẻ khác mới đầu thờ ơ hoặc ngờ ngác vì thấy xa lạ, rồi lâu ngày quen mắt mới chịu chú ý và nhận dần ra những ưu-điểm tân-kỳ: nghĩa là phải tìm hiểu.

Sự tìm hiểu đó, khôn thay, mỗi ngày một khó khăn hơn. Theo đà tiến của tự-do cá-nhân, với hoài-vọng tới chỗ độc-đáo, mỗi họa-sỹ cố tìm bản-sắc, xa lánh vào lý-trí như Lập-Thể, vào tiềm-thức như Siêu-Thực, hoặc bay vút sang những thế-giới Trừu-Tượng. Mà đâu phải chỉ có hướng chung của họa-phái? thực ra mỗi họa-sỹ một đường, một hồn. Khán-giả tìm xinh tươi chỉ thấy mờ mịt, mong vui mắt lại nhiều khi sợ hãi, muốn nghe nói hộ những nỗi-niềm mà trời đất chẳng cho mình năng-lực diễn tả, thì người có tài lại bỏ mặc, trốn biệt

vào tháp ngà, và còn trách rằng sao không nhìn thấy? Ở rất nhiều bức vẽ, họ đặt người xem trước tâm-hồn u ám quái-dị của họ, chẳng cho khán-giả chút gì thân yêu: có những nghệ-thuật bóp méo thực-tế một cách thảm hại (*misérabilisme*) hay nêu ra toàn những nỗi gay go xung đột (*tension et conflit*) gây kinh-ngạc (*entreprises de stupéfaction*) phơi bày những căn bã cuộc sống (*scories de l'activité humaine*) (2) tóm lại là những sự khiêu khích hoặc khinh nhờn quần-chúng, nên chẳng có gì lạ, nếu đã gây công-phẫn và những phản-ứng như của bạn tôi (3).

Tuy-nhiên, số người tìm hiểu, cùng những phương-tiện phổ biến, vẫn tăng mau trên khắp thế-giới. Ghét hay ưa, người ta vẫn chú ý theo dõi và bàn tán sôi nổi. Mọi lời sáng-tác mới cũ, cũng như các trào-lưu xã-hội, đều có ảnh-hưởng đến cuộc sống nói chung và nghệ-thuật nói riêng, nên dầu dờ hay cũng cần được quan tâm, đối với những thế-hệ

(1) « C'est l'effet de la sincérité, de donner aux œuvres un caractère qui les fait ressembler à une protestation, alors que le peintre n'a songé qu'à rendre son impression. Il a cherché simplement à être lui-même et non un autre » Manet, theo J.

Leymarie : Dictionnaire de la Peinture moderne.

(2) Chữ của Françoise Choay : Evolution et tendances de la peinture moderne depuis 1944 (Jardin des Arts Avril 1960).

(3) « Humilier et dominer les masses avec un art qui ne peut être déchiffré que par une élite intellectuelle, devait inévitablement soulever l'indignation de ces masses ». F. H. Taylor (Jardin des Arts No 68 Juin 1960.)

ham muốn học hỏi. Thái-độ tiêu-cực và phủ-nhận suông, như của bạn tôi, bắt-công và có hại. Bạn mặc-nhiên coi họa-sỹ có bốn-phận cho ta dễ hiểu, song trình-độ hiểu biết của mọi người cao thấp khó lường, phức-tạp đối với bạn, lại giản-dị theo mắt người khác thì sao ? Bạn đòi sự đẹp, nhưng đẹp thế nào ? Ý-niệm thẩm-mỹ thay đổi tùy thời, tùy cảnh, tùy người và ngoài những hình sắc thường thấy, còn biết bao nhiêu dáng vẻ mà họa-sỹ đi tìm mãi mãi, và sẽ khám phá ra nhiều nữa. Khán-giả không nên đòi hỏi, dù là đòi hỏi ngấm ngấm, rằng người ta phải sáng tác cho hợp ý mình, khi ý đó chắc đâu có thể suy-tôn làm chuẩn-đích nghệ-thuật ? Chỉ ở những thời đã qua từ lâu, khi họa-sỹ vẽ tranh phụng-sự, mới cần chiều lòng ít nhiều người cậy mình làm. Ngoại-trừ những trường-hợp đó, nghệ-thuật chân-chính chỉ có thể phát huy từ tâm-huyết chí-thành.

Nếu một bên sáng tác với ảo-vọng xóa bỏ thực-tế hay thiên-nhiên, tất quần-chúng khó lòng theo kịp ; hoặc lại tỏ vẻ kiêu-hãnh khinh rẻ bởi nhỏ con người, tất-nhiên xã-hội nào dung thứ ? và trừng phạt nặng nhất là sự đứng đưng. Ngược lại, nếu khách bàng-quan, ở ngoài phạm-vi chuyên-nghiệp, mà quá tin trí phán-đoán chủ-quan, rồi nhân-danh... cá-nhân mình đề lên án trước khi học hỏi, thì chẳng tài-hoa nào nảy nở được trong bầu không-khí nặng-nề như vậy, và giá thử nghệ-sỹ cò gắng đến đâu, cũng chưa chắc thực hiện nổi những kỳ-công muôn thuở. Cho nên, cả hai bên đều

phải có thiện-chí, người sáng tác đừng quên nhân-loại, người quan sát cần quên bớt mình để mong thấu tỏ các trạng-thái và nhu-cầu nghệ-thuật. Mỗi người cùng tiến lại nhau, tất sẽ gặp gỡ ở quãng nào đó, và nếu không thể bắt tay tương-ứng, thì cũng cời mở và cảm thông.

Trong hai người, khán-giả cần sẵn lòng khiêm nhượng nhiều hơn đối với tác-giả. Vì tài ít hay tài nhiều, chỉ có hy-vọng thành công nếu tùy mức cảm-hứng và theo ý-tưởng của mình hơn là thị-hiệu người khác. Rất có thể nghệ-sỹ dần thân vào cuộc sống chung, rồi rút từ đó những chất liệu cần-thiết để trả lại hoặc nói hộ cho công-chúng những nông-nỗi, những thiết-tha, những thắc-mắc của nhiều tầng lớp ; song cũng nhiều khi tác-giả nhờ năng-khiếu riêng, thấy rõ hay đoán trước những khía cạnh sự vật có sức rung động, nhưng chưa được người xung quanh để ý (1). Tùy trường-hợp, họa-sỹ cũng như nhạc-sỹ thi-nhân, được hoan nghênh dễ dàng, hoặc tiếp đón một cách lạnh lùng bỡ ngỡ : nếu có thực-tài,

(1) Trong hai lối sáng tác, sáng tác cho hợp với công chúng, hay sáng tác theo mình, thì lối thứ hai từ một thế-kỷ nay được thông-dụng nhất. Cá-nhân nghệ-ỹ là yếu-tố chủ động « Tantôt il (l'artiste) « est l'interprète de la collectivité à laquelle il « appartient, de son âme à elle, de sa foi, de sa « civilisation ; tantôt l'interprète de sa nature « individuelle et de ses songes particuliers... sa « personnalité devenue le principal protagoniste « des temps modernes » ; René Huyghe (L'oeuvre d'art et sa nature — L'Art et l'Homme).

thì chóng hay chầy, sẽ gặp người hiểu biết, và đa số rồi ra cũng sẽ đến bù. Anh em Le Nain, hoặc De la Tour (thế-kỷ XVII) mới được thưởng thức từ vài chục năm nay (1).

Dù chưa thấy ưa thích, khán-giả nên tránh những sự phán quyết vội vàng mà cả nhiều nhà trí-thức có tên tuổi cũng mắc phải. Văn-hào Emile Zola đã xét lầm Cézanne, Jules Claretie chê oan Manet; năm 1900, Larroumet Tổng-Giám-Độc Mỹ-Thuật Pháp-quốc mắng đuổi Gauguin: tôi còn sống, thì không một mẫu tranh nào của anh có thể lọt vào các viện bảo-tàng! (2).

*
* *

Thấy những trường-hợp như trên, tôi càng e ngại thành-kiến, — trở-lực tai hại nhất cho sự phán-đoán cá-nhân cùng sự phát-triển văn-hóa, — và tôi tin rằng chỉ có thể tránh nếu chịu khó ngẫm xét lại luôn và mãi những ý-thức thô-sơ về nghệ - thuật đã len lỏi vào tâm hồn tôi không rõ từ bao giờ. Về phương-diện này,

(1) La résurrection de Georges de la Tour của B. Dutoit — Réalités, 2-1961 Exposition des Frères Le Nain, của A. Lhote — La Peinture, Le Coeur et l'Esprit.

(2) « Moi vivant, pas un centimètre carré de vos toiles n'entrera dans nos musées » theo Denis Huisman: l'Esthétique: sociologie de l'Art. Sự gạt bỏ Gauguin đã đem lại hậu-quả đáng buồn cho văn-hóa Pháp. Hầu hết các kiệt-tác của họa-sỹ này tấp ra các viện Bảo-Tàng Âu Mỹ, nhất là Hoa-Kỳ. Viện Le Louvre hiện nay chỉ có những bức hạng thường. Mãi đến 1949, Pháp mới theo sau nhiều nước khác mà tổ chức cuộc triển-lãm chính-thức họa-phẩm Gauguin để kỷ niệm nhất-bách chu-niên.

những thời-giờ mà tôi cố dành cho các tài-liệu nghiên-cứu, không đến nỗi vô-ích.

A. — Điều đáng kể trong những kết-quả mà tôi thu lượm được, là sự mở rộng ý-niệm về hội-họa. Trước kia, tôi hằng tưởng người vẽ và người xem chỉ tìm khoái-trá (délectation, assouvissement) trong sự đẹp dễ nhận ở những người và vật đã sẵn hình dáng xinh tươi (Le joli); như chân - dung, phải là diện mạo mỹ-miệu hay tuần-tú, phong-cảnh phải có cây có nước như ở những « sơn - thủy hữu - tình » mà chẳng nhớ ai đã xui tôi ưa từ thuở nào. Đến nay, tôi vẫn không gạt bỏ hẳn những đòi-tượng giác-quan thuộc loại đó, vì nếu nhắm mắt theo nhiều họa-sỹ mới, tôi e sẽ quá tự cường mình, sắc hoa sắc người vẫn có sức quyến rũ hơn là sự lệch lạc nhem nhuốc. Song tôi cũng nhận ra rằng con ngựa què, mô đất, chiếc bình vỡ, mặt nhăn nhó, vũng nước lầy,... mọi vật không phân biệt quan-trọng hay tầm-thường, bản-chất ngoạn-mục hay thô-kệch, đều có thể nhờ kỹ-thuật họa-sỹ mà rung động tâm-hồn khán-giả (3). Nghệ-thuật đáng quý không phải vì phần

(3) « Một cảnh tịch-dương đáng ngẫm, ở tranh, « không phải là cảnh tịch-dương đẹp tự-nhiên, « nhưng là cảnh tịch-dương mang ánh sắc đặc-biệt « của nhà danh-họa, cũng như một bức chân-dung « đẹp không cần phải là một dung-nhan người đẹp: « un coucher de soleil admirable, en peinture, n'est « pas un beau coucher de soleil, mais le coucher « de soleil d'un grand peintre, comme un beau « portrait n'est pas d'abord le portrait d'un beau « visage (André Malraux: La Création artistique).

chiều nhưng vì chuyển hóa thiên-nhiên, và nghệ-sỹ đem cá-tính truyền cho mọi vật để tranh có khả-năng giao-cảm.

B. — Ngoài ra, ngắm tranh nhiều thì nhỡn-giới đỡ hẹp hòi. Lúc thường, tôi chỉ nhìn lướt qua, hoặc có chú ý tới những gì trước mắt, cũng vì mục-dịch thiên-cận, theo sự đòi hỏi của những công việc phải làm, hoặc sự thu hút của cảnh vật nào hợp với sở-thích riêng. Đến khi thử vẽ lại, tôi cố vạch được vài nét gọi ra một hình quá sơ sài có thể coi là của bất-cứ ai; một vòng cong, ba bốn vạch thẳng với bốn khoanh tròn: chiếc xe hơi; hai mắt hai tai một mũi một mồm một mái tóc: mặt bạn đã qua mắt tôi bao nhiêu ngàn lần, chỉ để lại cho tôi một hình dung đơn-giản và vô-nghĩa như vậy. Sau tôi mới rõ chẳng riêng gì tôi, mà cả những người như triết-gia thi-nhân Paul Valéry cũng từng trải tình-trạng đó và phải thú rằng: nhìn tay không, và nhìn với bút chì ở tay, là hai sự khác hẳn, có vẽ mới biết mình đã chẳng nhìn chi cả. (1)

Đọc sách dạy hội-họa, tôi ý thức được rõ ràng người vẽ giỏi nhìn nhận tỉ-mỉ sâu-sắc đến mức nào. Họ xoi mói từng khía cạnh diện-

tích khối-lượng để bắt gặp những đặc-điểm và bao quát cả toàn-thể thân người, tảng núi, cuồng rau, gốc cây... với những chi-tiết tề-nhị, vệt nước, ánh sáng, tia sáng, khoé mắt, những rắng của màu nọ lan sang màu kia, những sắc-độ chập chờn trong bóng mà tôi thường nghĩ là đen. Yên trí rằng phải vạch rõ để thành hình, tôi đã ngạc-nhiên khi chẳng tìm ra nét ở nhiều nhân-vật của Le Véronèse, Le Titien hay Renoir; lâu dần, tôi mới biết những đường (*lignes*) là ngộ-tưởng của nhỡn-quan, chỉ có trong lý-trí hay kỹ-hà-học, chớ không thể tìm ở tay chân, trái cây, hay dòng suối; bất-đất-dĩ họa-sỹ vạch ra để phân biệt biên-giới của sáng và tối, của sắc-loại này và sắc-loại khác, của những mặt và khối gần nhau; và bởi đường vô-hình, tô màu nọ cạnh màu kia cũng làm nổi bật được Thế: nét ở tranh chẳng qua là một trong hai cách phơi bày cho mắt thấy mà thôi.

Sử dụng mắt theo lối phàm-nhân, tôi chỉ ghi nhớ ở mỗi vật một vài trạng-thái quen thuộc đối với cả mọi người. Nên tôi đã ngạc-nhiên khi miệng ly trông nghiêng mà vẫn vẽ tròn xoe, cát hồng, cây đỏ, mặt đàn ông xanh-lá-cây như ở nhiều tranh Juan Gris, Matisse, Le Serusier, Gauguin... Rồi tôi lại rõ ngoại-giới qua mắt họa-sỹ, có thể được tâm-hồn biến hóa để hiện ra tranh theo thể sắc đặc-biệt của ảnh-tượng (*la vision*). Những ảnh-tượng đó, qua nhiều tranh các loại, cho tôi cảm-tưởng

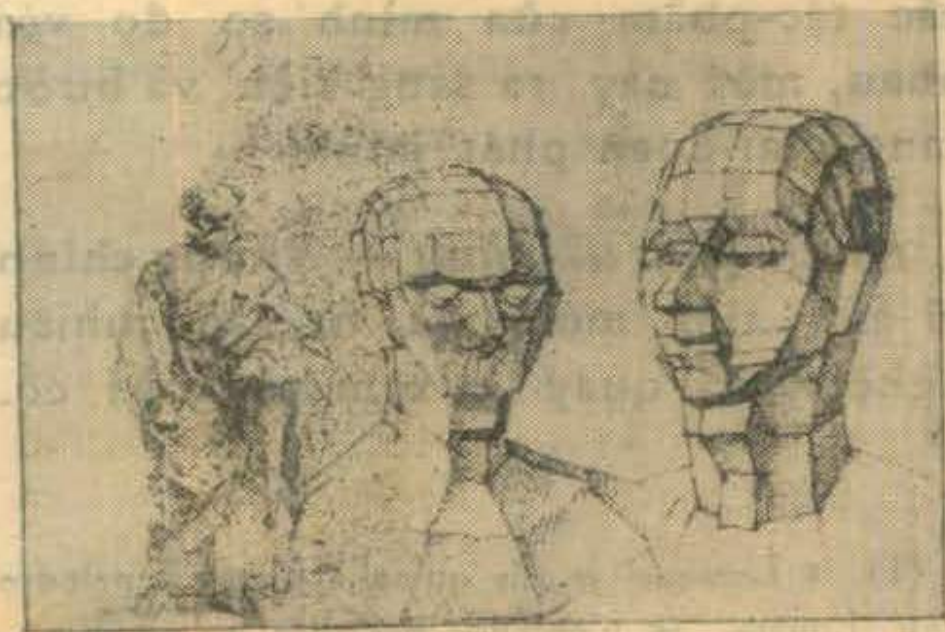
(1) « Il y a une immense différence entre voir une chose sans le crayon dans la main, et la voir en la dessinant. On s'aperçoit qu'on n'avait jamais vu un objet même le plus familier »: P. Valéry, Pièces sur l'Art.



Đầu bò của người Byzantins ở
Ravennes thế-kỷ thứ VII



Đầu bò của Picasso, 1938



Đầu người 1519 của Albert Dürer



Đầu người 1913 của Villon

mượn con mắt họa-sỹ mà đi vào những thế-giới mới lạ : ở đó, sự vật rất cũ được nhìn nhận ra lần đầu với những dáng vẻ thanh-tân nhất, chưa ai từng thấy trước các tác-giả (1).

C.— Lịch-sử hội-họa, hơn cả nhiều lý-thuyết, đã soi sáng giúp tôi về một câu chuyện vẫn được bàn cãi lâu ngày mà chưa dứt hẳn ở các phạm-vi văn-hóa khác : đó là sự xung đột kim cổ, người muốn nghệ-thuật ngàn xưa là gương mẫu muôn đời, người gạt bỏ dĩ-vãng, coi sự hợp-thời và cách-mạng là điều-kiện tiên-bộ. Nhận thấy trên lịch-trình tiền-triển của các họa-phái nhiều tài-liệu liên-quan đến sự mâu-thuân kia, tôi đã thu thập để có thêm yếu-tố xác định lập trường, trước một vấn-đề rất dễ chia rẽ mọi người và cần phải đặt lại cho rõ từng trạng-thái.

Tôn trọng dĩ-vãng.— Hiện nay không mấy ai phủ nhận những vẻ đẹp mà các thời trước đã khám phá, trái lại, các dân-tộc thi đua bảo vệ để nghiên cứu và thường ngoạn những kho tàng chung. Kho tàng đó gồm những kỳ-công, và mỗi kỳ-công là một sự thủ-đắc của con người ở một loại sáng-tác góp phần tích lũy tinh-hoa nhân-loại.

(1) « Le tableau me révèle un regard neuf sur le monde, celui de l'artiste. Par le prisme d'une subjectivité étrangère, mon attention aux choses qui m'entourent renait différente »

(Henry Van Lier, les Arts de l'espace).

Song phần đông cũng đồng ý để phân biệt : kính phục người xưa không có nghĩa là phải noi vết cũ, vì chưa chắc đã kịp, và còn chỉ là sáng tạo nữa ? Như Renoir đã nói : khi bảo học vẽ ở viện bảo-tàng Le Louvre, tôi không hề chủ trương bắt chước như hệt Rubens hay Raphaël, nhưng chính vì đứng trước các họa-phẩm chứ không phải chỉ ngắm tạo-vật, mà biết ưa chuộng hội-họa và muốn vẽ nên tranh (1).

Mong ước thành họa-sỹ vì mê một loại tranh nào đó, mỗi danh-họa thường bắt đầu phỏng theo đường lối của những tác-giả đã lỗi cuồn mình : tí như Le Gréco đối với ánh sắc lộng lẫy của họa-phẩm Venise. (2) Rồi sau nhận ra những gì đặc-biệt của người và những gì có thể hợp với mình, hoặc lại đem các tác-phẩm của mình so đo với nhau, mới nảy ra sáng-kiến và bước sang giai-đoạn phát minh.

Khám phá dĩ-vãng — Nhưng chính vì cần tìm mới, mà từ lâu, nhiều nghệ-sỹ đã quay lại xem xét thời cổ.

(1) « Lorsque je dis qu'on apprend à peindre au Louvre, je n'entends pas dire qu'on aille... recommencer Rubens ou Raphaël... Mais c'est là, au musée, qu'on prend le goût de la peinture que la nature ne peut pas seule vous donner. On ne se dit pas je serai peintre devant un beau site, mais devant un tableau » Theo Denis Rouart : Renoir.

(2) « Mỗi nghệ-sỹ buổi đầu bao giờ cũng bắt chước. Toute destinée d'artiste commence par une pastiche » : Andre Malraux, La Création artistique.



Tranh Hồn-Nhiên ? Không phải của Henry Rousseau nhưng của họa-sỹ vô-danh đầu thế-kỷ XIX ở Hoa-Kỳ

Song thời cổ nào ? Nhiều sự hiểu lầm đã xảy ra cũng bởi khi tranh luận, người ta không đặt câu hỏi rõ ràng.

Các giới bảo-thủ phương Tây thường chỉ nghĩ đến cổ Hy-Lạp, cổ La-Mã, và Phục Hưng Ý-Đại-Lợi, là những thời nghệ-thuật phát triển mạnh mẽ nhất.

Còn nkững người cấp-tiến, từ giữa thế-kỷ trước, không phải đều gạt bỏ tất cả dĩ-vãng, chỉ nhằm ba thời kể trên đã xây dựng nên Cổ-Điển, nhất là Cổ-Điển Hy-Lạp mà những kinh-nghiệm đã được hậu-thế đúc thành khuôn mẫu : « bắt chước Hy-Lạp, là

nhắm to, L'erreur, c'est le Grec : Gauguin ».

Vì còn bao nhiêu thời-đại khác trong lịch-sử phương Tây hay lịch-sử nhân-loại, cần được chú trọng. Nhờ sự khám-phá của các nhà bác-học, thám - hiểm, địa - dư, người ta đã làm sống lại nhiều thứ văn-minh ở Đông - Á, Nam - Mỹ, Phi-Châu và Úc-Châu. Tuy khác hẳn các quan-niệm và tiêu - chuẩn Hy - La, những nghệ-thuật bao lâu bị coi là man rợ cũng có nhiều sắc-thái đặc-biệt mà nghệ-sỹ da trắng thừa nhận và bởi chịu khảo cứu, họ tìm thấy nhiều điều ích lợi đem áp dụng để canh tân.

THỬ TÌM HIỂU HỘI HỌA

Mặt nạ da đen đã kích thích Picasso khiến ông thay đổi nét vẽ, vạch kẻ sắc cạnh như cắt gọt, vào khoảng 1907 - 1910 (époque nègre) Những tượng thần với hình thù kỳ - dị, cho cảm sức quyền rũ của các tiềm-lực huyền-bí, và gây ý-niệm mới về những thế-giới ảo-diệu, khác vũ-trụ hợp-lý mà người Âu-Châu trải mấy ngàn năm vẫn tin tưởng là duy-nhất. Những phong-cảnh ở tranh Tàu tranh Nhật chứng tỏ viễn-họa Phục-Hưng không cần-thiết ; những hình dẹt phẳng gợi một không-gian chỉ có hai chiều nhưng cũng đủ công-dụng thể hiện, và những đường nét chậm phá lợ thơ, lại dễ ghi đặc-điểm và lột tinh-thần hơn cả

những vạch tinh-vi cùng sự súc-tích nặng nề chi-tiết. Tóm lại, nghệ-sỹ phương Tây biết thăm hỏi các thời xưa, nhỡn-giác của họ bao đời bị hạn tầm trong một thực-tế bị khai thác quá nhiều, đã mở rộng và chuyển mau sang những ảnh-tượng linh-động để biến hoá vô-cùng ở các chân trời thoát-ly.

Sáng-tạo và hồi-sinh — Trước kia, tôi đã mắc tật của vài giới thiên-cận phương Tây, hay quan niệm sự vật một cách máy móc : chia thời-gian ra những thế-kỷ để tiện việc nghiên-cứu và dễ nhận đặc-tính của mỗi giai-đoạn, rồi quen đi, lệ thuộc cuốn lịch, yên trí rằng hễ một thời qua, thì văn-



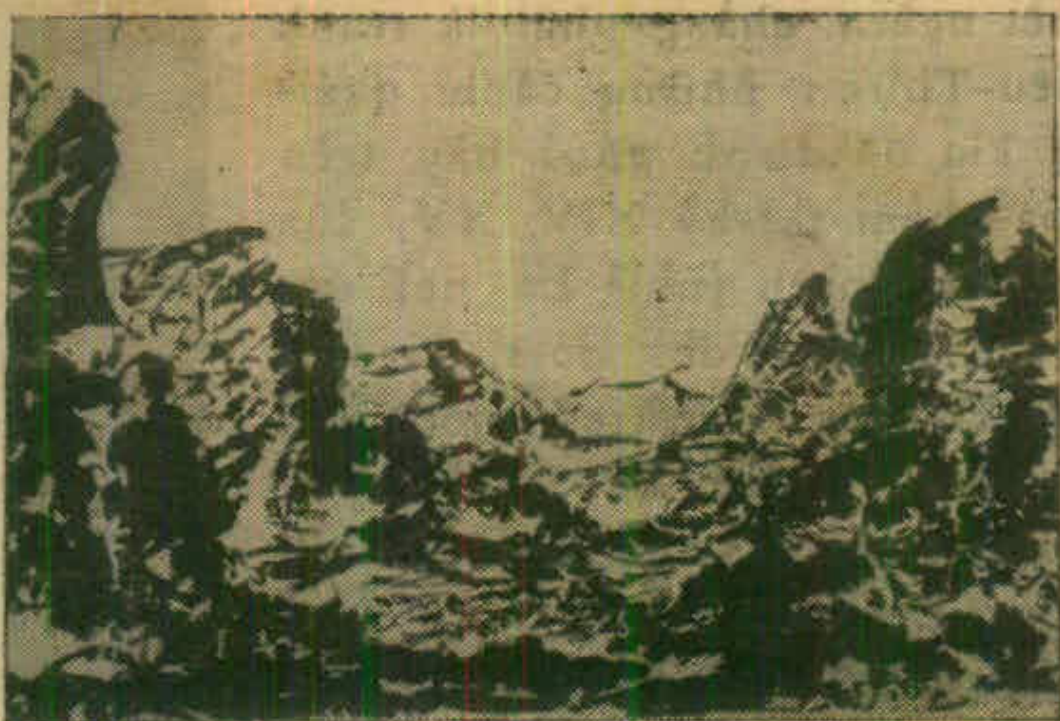
Một tranh Siêu-Thực ? Tranh vẽ ở sách Phép-lạ

Livre des Merveilles đầu thế-kỷ XV

minh nghệ-thuật thời ấy phải tàn hần; ham tiền, nhìn về tương-lai, rồi chỉ thấy một hướng trước mặt, tưởng đường đi lên có một chiều thôi.

Nhưng trong thực-tê, cuộc sống như nước mênh mông không chảy theo dòng vạch sẵn, lúc đầy lúc vơi, chứa chan ra nhiều ngả quanh co, đôi khi lặn xuống đất rồi ở quãng khác lại ngoi ra ánh sáng và tuôn dào nguồn mới, Kinh-nghiệm đó chẳng tồn nhiều công-phu, song mãi tới thế-kỷ trước, các nhà khảo-cứu mới tìm ra được đủ bằng chứng để nhìn nhận. Rồi theo chân họ, các vị phê-bình hội-họa cũng quả quyết: khó lòng bảo nghệ-thuật ngày nay là mới hay cũ, thực ra nó không có tuổi (*L'Art moderne n'a pas d'âge*: J. Guichard-Meili).

Tác-giả này, cũng như André Malraux và nhiều vị khác, đều thấy sự tương-tự rất lạ giữa những hình thể của nghệ-sỹ hiện nay và của những người vô-danh ở các thời xa lắc. Những con bò rừng hai mồm ở Byzance, hoặc vẽ ở vách đá trong hang Lascaux cách đây mấy ngàn năm, sao lại giống quá những súc vật của Picasso? Nhưng Thế đơn-thuần đặc-biệt của thời Cyclades 5 ngàn năm trước, khác nào của Jean Arp hay Modigliani? Hình xù xì dài ngoẵng của tượng Etrusque, thế-kỷ thứ IV trước dương-lịch, đã tái-sinh dưới bàn tay Giacometti 1948. Nét



Tranh trừu-tượng nào đây? Phong cảnh Paysage 1784 của Alexandre Cozens

mặt Chúa Jésus của Rouault 1937 nhắc lại tranh trên kính thánh-đường Strasbourg thế-kỷ XI (1).

Theo vết đường quanh đi quẩn lại như vậy, còn có thể tìm thấy nhiều tí-dụ khác ở lịch-sử hội-họa.

Ánh sắc Ấn-Tượng thấp thoáng ở nước mây từ giữa thế-kỷ XIX: nhưng mây nước của họa-phái Venise thế-kỷ XVI không kém lung linh và bóng tối của họ không đen, cũng nâu thẫm, hồng nhạt, xanh mờ như của Sisley hay Monet (bức *Moïse sauvé des Eaux* của Véronèse, bức *Bacchanale* của Le Titien v.v...)

Những loa-thê nằm trong chiếc đùi lợn, những quý không đầu rong chơi, những bộ ngực có mắt mũi mồm, những con ngựa trợn trừng

(1) De l'Art le plus ancien à l'Art le plus moderne — Regarder la Peinture — của Jean Guichard-Meili. Les Voix du Silence. Les Métamorphoses des Dieux của André Malraux.

thò cổ qua màn nhìn cô gái chết ngất... chẳng phải là tranh Siêu-Thực: những cảnh quái-dị kia đã được phơi bày trên họa-phẩm thế-kỷ XIV, XV, của Jerôme Bosch (như *La nef des fous*, *Bateau des Sots*, *Jardins des Délices terrestres* 1500) của Signorelli (như *Le Damnés en Enfer* 1500) (1) của Henry Fussli (như *Le Cauchemar* 1781) của William Blake (như *Le Pape Simoniaque* 1825).

Mộc-mạc ngây-ngô là đặc-tính của nhiều tranh vô-danh thời Trung-Cổ, hoặc ở Hoa-Kỳ đầu thế-kỷ XIX, rồi lại hiện ra người và cảnh của Henry Rousseau, Camille Bombois (2).

Vẽ như tạc tượng, thay bình-diện trên các khối bằng những mặt nhỏ (facettes), giản-dị-hóa: Poussin và Dürer đã từng thí nghiệm, và mấy thế-kỷ sau, Lập-Thể cũng áp dụng kỹ-thuật đó.

Biểu-Hiện phải chẳng mới ra đời mấy chục năm nay? Những vẻ buồn vui vẫn lộ rõ ở rất nhiều chân-dung cổ; ông già của Van Gogh ôm đầu nức nở, thì người đàn-bà trợ trợ của Botticelli gục cổ đau thương (*La Derelitta* 1490); những nỗi niềm thắc mắc hay kinh hoàng của nhân-vật trên tranh Michel-Ange,



La Derelitta 1490 của Botticelli, một họa sỹ không thuộc Biểu-Hiện

cũng ám ảnh những bộ mặt chiều dăm của Rembrandt hay khổ-não của Rouault.

Những khóa-thân thì mới hay cũ? Thử bịt kín tên tác-giả, mấy ai phân biệt nổi những mỹ-nhân của Ingres và của Le Titien, của Vouet, Jordaens, của Rubens, Vélasquez, Le Tintoret... Phải sành mắt lắm, may ra nhận được đặc-sắc ở mỗi tác-phẩm với một đề-tài mà người ta vẽ đi vẽ lại trải mấy ngàn năm, và chẳng lẽ người họa tranh tạc tượng Brigitte-Bardot đã quá lỗi thời nên trở lại đường lối Botticelli, hoặc Praxitèle 2300 năm trước? (1)

(1) *Livre des Merveilles...* Jardin des Arts n° 63 tháng 1/1960.

(2) *Les Peintres naïfs* — Jardin des Arts n° 79 tháng 6/1961.

(1) *Eternelle et Changeante Beauté* của Madge Garland.

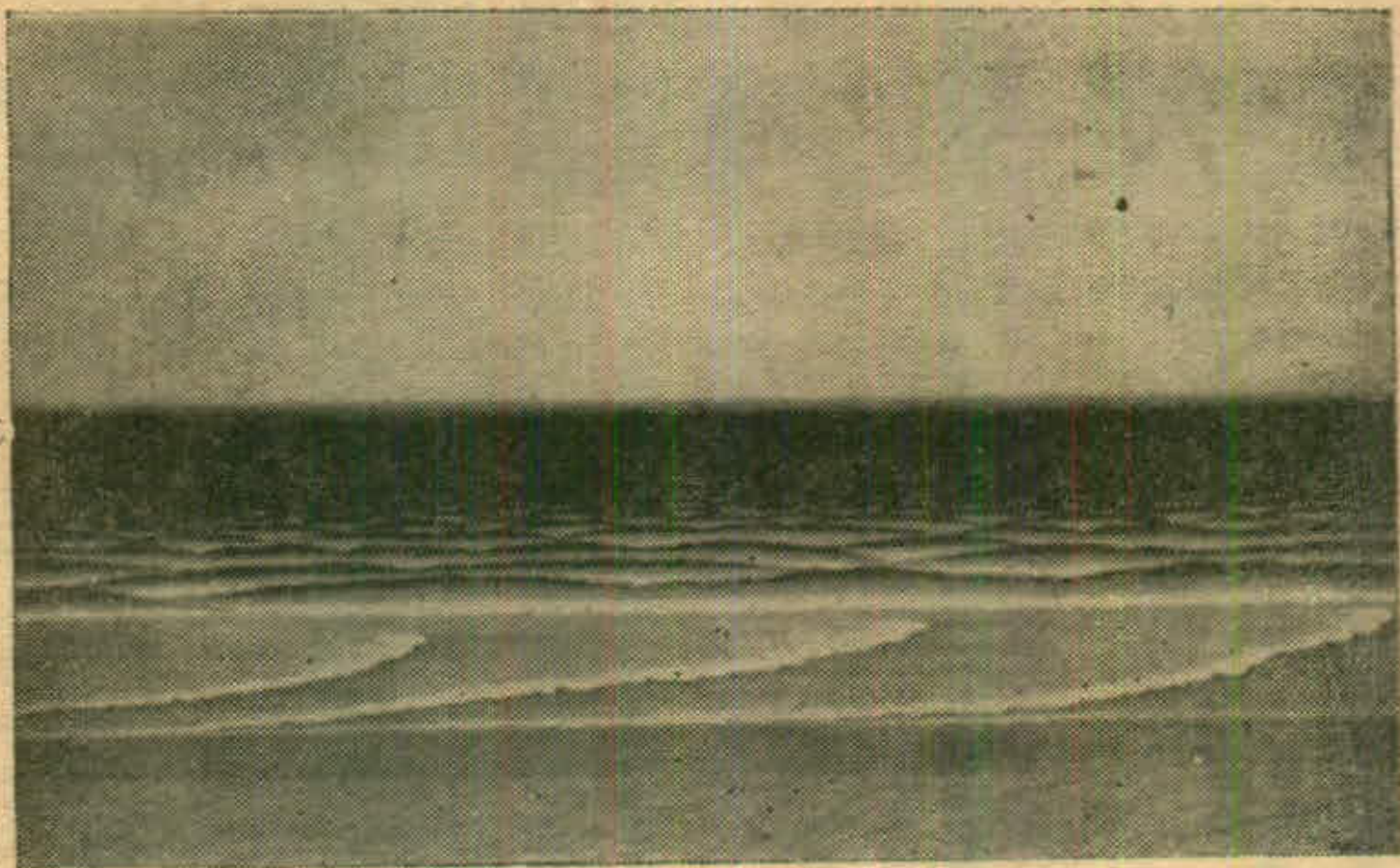
Nhưng quay về dĩ-vãng, đâu phải là dẫm theo những vết bước đã mòn, hoặc biến thủ những kỹ-thuật không còn sinh-lực? Họa-sỹ nhận thấy một ý-niệm tuy đã biểu lộ, nhưng mới phôi thai, chưa được khai thác hết, nên tìm cách biến cải mà lợi dụng triệt-đề. Cũng như thuốc pháo của Tàu được người Âu chế hóa ra bom đạn, ánh tỏ mờ hay rực rỡ trên tranh thế kỷ XVI, được Ấn-Tượng tận dụng với tất cả sắc-điệu diễm ảo.

Nếu sáng tạo nhiều khi chỉ là tái tạo dưới hình thái rõ rệt, đầy đủ, mạnh mẽ hơn, thì quá-khứ dầu lu mờ đi, rất có thể còn gặp dịp rạng tỏ, và trong vũ-trụ nghệ-thuật không tuổi, vẫn ẩn hiện bóng ráng của ngày qua, ngày nay và ngày sắp tới.

Bởi vậy, sau những thời-kỳ xung-đột, giới họa-sỹ Âu-Mỹ lâu nay bình-tĩnh hơn, ít thấy những vụ mặt-sát-đả-kích; mặc dầu họ vẫn thường tranh luận, mỗi người hoàn-toàn tự-do tìm hướng, không ai nỡ chê ai lạc-hậu hay cuồng-loạn (2). Thể-hiện và Trừu-Tượng mọi ngành mọi lối bây giờ chung sống đễ-huế ở các tiệm tranh, các phòng triển-lãm, các báo chí hội-họa, cũng như trong lòng người tin tưởng nghệ-thuật.

Đ. T.

(2) Tuần-báo Arts mới mở một mục riêng nói về các họa-sỹ hiện-dại: nhiều người trẻ tuổi và đầy triển-vọng, lại trở về các lối Thể-Hiện (Dictionnaire vivant de la peinture par les Artistes d'aujourd'hui)



Trùng-dương 1942 của Peyronnet

ĐẠI NAM VĂN HIẾN TRẦN TRỌNG BẢO TIN
VÀO DỊP GIÁNG - SINH 1962 PHÁT HÀNH :

VƯƠNG MIỀN MAI - A

Thơ THẾ PHONG

Bìa THÁI TUẤN và nét phác họa tác giả của VỊ Ỗ

Một tập thơ tô đậm hình hài tác giả ở tuổi 30, khắc sâu hình dáng nàng được mệnh danh như Elsa Triolet - Aragon.

In 300 bản, giá phổ thông để mọi người yêu thơ tác giả dễ cơ hội có thi phẩm trong tay và còn là đèn đáp thịnh tình bạn đọc ủng hộ nhà xuất bản bấy lâu nay.

Thư từ giao dịch với ông : PHẠM NGỌC DAO
201-11, Nguyễn-Huệ — Phú-Nhuận — Saigon

ĐÃ PHÁT HÀNH :

TÂM TÌNH NGƯỜI ĐẸP *(LES 28 ETOILES)*

THƠ VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Kèm theo bản dịch Pháp văn của thi sĩ B
Simone K. de la Cœuillerie

Bài tựa của thi sĩ Ý Lionello Fiumi
« Đây là bó hoa Đông - Tây kết lại
bằng sợi tơ cầu vòng kỳ diệu »

(Trích Bài Tựa)

Sách in trên giấy CROQUIS dày, giá 110\$

HY VỌNG

Thơ HOÀNG-BẢO-VIỆT

phát hành đầu tháng mười 1961

THÁI ĐỘ CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI

NHỮNG NGUỒN TIN

CỘNG - SẢN

NGUYỄN - HỮU - DUNG

TRONG khi các chính phủ, các chính trị gia thiếu tài liệu xác đáng về các sự thực Cộng Sản, thì từ ba năm nay ta thấy hình như một chiến dịch đã được gây ra để đưa các nhà hữu trách tới kết luận rằng có một sự xung đột càng ngày càng gay go giữa Liên-Sô và Trung-Cộng. Các báo chí các đài phát thanh nhắc lại những luận điệu của báo khác đài khác, những tin đồn do các cơ quan phản gián ngấm ngấm tung ra, nhiều khi coi như là tin của mình, rồi bào chữa một cách cồ chấp.

Chính vì vậy mà vẫn để kiểm soát các nguồn tin có một giá trị trọng đại; dù là một tin của một nguồn đứng đắn, ta cũng không tin ngay được.

Chiến dịch nói trên đã phát huy mạnh nhất từ đầu năm 1961, đặc

biệt từ cuối tháng 2 năm 1961, với sự phát giác đồng thời ở nhiều nước, nhất là ở Nữu-Uớc và Luân-Đôn, những tài liệu nói lên sự xung đột Nga-Hoa; tài liệu nào cũng căn cứ vào tài liệu « tòi mật » của các đảng Cộng Sản, nhà báo đã mua chuộc được, nhờ những vận động bí mật không nói ra được.

Ta không nên quên rằng Cộng Sản chuyên môn làm giấy giả, kẻ cả tài liệu, và tùy trường hợp nghiên cứu các chi tiết để « tiết lộ » các tài liệu giả.

Báo Observer ở Luân-Đôn và báo New-York Times ở Nữu-Uớc đã cùng một tháng phát giác hai tài liệu tòi quan trọng, lấy ở hai nguồn khác nhau, đưa tới cùng một kết luận: sự xung đột Nga-Hoa tới thời kỳ trầm trọng.

NHỮNG NGUỒN TIN VỀ CÁC NƯỚC CỘNG-SẢN

Các người lưu tâm tới vấn đề phải cho kết luận trên là chắc chắn vì ba lẽ :

— kết quả tìm thấy do hai nguồn tin khác nhau, vậy có bảo đảm :

— hai ông E. Crankshaw (Observer) và Harry Schwartz (New York Times) là những chuyên môn danh tiếng về các vấn đề của Điện Kremlin : uy tín của hai ông là một bảo đảm ;

— thái độ biết điều, đỡ ương ngạnh của Khrouchtchev từ cuối năm 1960 tới tháng 2 năm 1961 là một xác nhận (hai tài liệu làm xôn xao dư luận thế giới của hai tờ báo nói trên đã phát giác cuối tháng 2/61).

Từ tháng 8/61 nhiều việc đã xảy ra khiến ta nghi ngờ lẽ thứ ba.

Về hai lẽ trên, ta đã thấy những trường hợp mà một hình thức bảo đảm chính ra chỉ là một xếp đặt, và những người chuyên môn chưa chắc đã là những người không bao giờ nhầm.

Bồn nhận xét sau đây đáng được lưu ý :

10) tính cách đồng thời của sự mua được tài liệu, có thể là một sự ngẫu nhiên, nhưng cũng có thể là một sự xếp đặt của các tổ chức ẩn hình đã bán tài liệu ;

20) tính cách phối hợp của các nguồn tin, sai nhau ở một vài chi tiết nhỏ, nhưng cốt ý thì hợp nhau. Hai tin đều xác nhận có một sự xung đột mạnh giữa hai nước Cộng-Sản đàn anh, hai tin đều chứng minh rằng có hai thứ Cộng-Sản, một thứ

xấu, cực đoan, cò chấp, gây chiến là chế độ Cộng-Sản kiểu Mao-Trạch-Đông, và một thứ hòa hoãn, biết điều, ưa chuộng hòa bình, là chế độ Cộng-Sản của Khrouchtchev ;

30) Tính cách cô đúc của các tài liệu. Nếu là tài liệu giả thì bọn làm tài liệu đã không mệt nhọc mất công lắm, chỉ việc sưu tầm ý kiến của các chính trị gia, các ký giả trong hai năm trước, xê đi xích lại, thêm bớt tí tình, trích lại một vài quãng trong một tờ trình đã công bố, một vài câu trong một bài báo, nhắc lại một vài câu nói của Mao và của các chòm Trung-Cộng, tách các câu ấy ra khỏi toàn thể bài báo hay bài diễn văn, rồi bỏ cục như một tài liệu thực. Sau khi tài liệu giả đã hoàn tất, thì đóng kịch, làm như tài liệu có giá trị « tối mật » (top secret), bán một cách khó khăn, rắc rối, thận trọng tốt bụng, với một giá cũng « tối mật ».

Hai tài liệu « giật gân » quan trọng nhất đã không đem lại cái gì mới cả, nội dung là những cái cũ, chỉ có hình thức giật gân là mới. Phải chăng vì thế mà sau mười hôm âm ỉ, không ai khai thác nữa ?

40) Sự im lặng của các chòm đỏ Liên-Xô và Trung-Cộng. Thường lệ thì khi có một tin không lợi cho chúng, một lời bình luận thất ý chúng, chúng cãi chính om sòm thô bỉ, có khi mở một chiến dịch để « phản công », thiếu gì hần học, thiếu gì chua ngoa, bao nhiêu danh từ mạt ly được đem ra dùng hết.

Trái lại khi có tin làm chấn động dư luận thế giới về sự xung đột giữa hai nước Cộng - Sản đàn anh, kèm theo là những bài bình luận không hay ho gì cho chế độ Cộng-Sản, đăng trong những tờ báo lớn, ai làm chính trị cũng phải biết phải đọc mấy báo ấy, thì Liên-Xô và Trung Cộng đã im lặng tuyệt đối ! Sự xung đột còn là một nghi vấn, đâu đã đến mức quá lộ liễu không cải chính được ? Phải chăng bọn trùm đỏ quốc tế đã im lặng vì tin này có lợi cho Liên-Xô vẫn giữ địa vị lãnh đạo trong Khối Đệ Tam, vì tin này có thể gây ra nhiều ý kiến dị đồng, nhiều chủ trương khác biệt khiến thế giới tự do không thể hoàn tất sự nhất trí được. Phải chăng vì chính Đệ-Tam đã làm ra các tài liệu ấy để huyênh hoặc luôn một lúc tất cả các nước không Cộng-Sản, hữu khối hay trung lập ?

Tôi cũng xin nhắc thêm rằng các bình luận gia, kể cả hai ông Crankshaw và Schwartz, trừ ông Branko Lazitch (Paris) đều đã không đặt ra vấn đề kiểm soát sự thực hư của hai tài liệu nói trên. (Tôi nói đây là các báo danh tiếng, đăng các bài bình luận về chính trị quốc-tế thường được lưu ý).

Ông Lazitch đã phân tách các tài liệu phát giác, theo biện chứng Cộng-Sản, với tâm lý một người đã thảo tài liệu Cộng-Sản (Bây giờ ông không phải là Cộng-Sản). Tôi xin dịch quăng nhập đề của ông.

Đứng trước một tài liệu mang đầu « Mật », việc đầu tiên là phải kiểm soát sự thực hư ; đó là một công việc

khó và có nhiều khía cạnh. Phương pháp thứ nhất, chắc chắn nhất, là lần dần tới nguồn gốc của tài liệu ; phương pháp này không thực hiện được vì một lẽ giản dị : những người đã xử dụng tài-liệu mà họ cho là có thực — các nhà ngoại-giao, ký giả, chuyên môn về các vấn đề Sô-Viết chuyên môn về các cơ quan phản gián quốc-tê — không chịu nói ra nguồn gốc vì lý do bí mật nghề nghiệp ; vì lý do quyền lợi họ không chịu ưng thuận mở cuộc điều tra về một tài-liệu mà họ đã khai thác như một tài liệu thực, thuộc quyền sở hữu của họ. (Lời của dịch giả : tác giả không cần nhắc lại một sự kiện ai cũng đã biết, là không có cách gì vào trụ sở của một đảng Cộng Sản, trên một lãnh thổ Cộng Sản để kiểm soát nguồn gốc của một tài liệu ; và chẳng nêu kẻ làm giả đúng là đảng Cộng Sản, họ có thể xếp đặt trước). Phương pháp thứ hai là giao tài liệu cho một giám định viên chuyên môn, trước khi công bố như một tài liệu thực ; chắc là hai ông Crankshaw và Schwartz đã tự làm giám định viên nên mới nói rằng tài liệu của mình là thực ; về phương diện xét giấy giả, các giám định viên chuyên môn ở Luân - Đôn cũng đã nhăm lẩn nặng ; giáo-sư E.H. Carr đã chẳng viết bài tựa cho nhật ký giả hiệu của Litvinov đó sao ? ký giả Deutscher, trong quyển « Nga-Xô sau Staline » đã chẳng dựa vào một tài liệu làm giả ký tên Svanidzé, sau đã xét ra là đã do tên Bessedovski làm giả từ đầu đến cuối đó sao ?

Phương pháp thứ ba là phương pháp duy nhất ta có thể xử dụng, là phân tách nội dung của tài liệu, không lưu ý đến nguồn gốc và cách thức phổ biến; ta chỉ cần xét xem tài liệu có chứng đầu nguyên bản không? Tinh thần của tài liệu, luận điệu lập lý và danh từ đã dùng có đúng với các tiêu chuẩn Cộng-Sản không?»

Sau khi phân tách tỉ mỉ, giải thích tỉ mỉ, ông Lazitch đã kết luận rằng hai tài liệu đã làm chân động dư luận thế giới là tài liệu giả. Phải chăng vì thế mà như trên đã nói, sự khai thác hai tài liệu này đã không kéo dài, xứng đáng với tầm quan trọng của sự phát giác? Tôi rất tiếc không dịch cả bài của ông Lazitch được vì bài này sẽ dài quá.

Đối với các nước Cộng-Sản, muốn tìm biết một việc nhỏ nhặt, như lương trung bình của một người thợ cũng không có được kết quả chắc chắn, huống hồ là việc kiểm soát sự thực hư của một giả thuyết tẩy đình như vụ xung đột giữa Liên-Xô và Trung-Cộng.

Đã không thể chắc được thì âu bằng chỉ căn cứ vào việc làm. Ta tổ chức ta và ta đề phòng đề lúc nào cũng can thiệp kịp thời và mạnh mẽ: như vậy thì mệt lắm, nhưng làm thế nào khác được khi còn chiến tranh lạnh? Ta chỉ lưu ý đến các diễn văn, các lời tuyên bố của Cộng-Sản để biết, khi nào thành việc mới hành động. Nói như vậy không có nghĩa là lơ đãng không tiên liệu; ta vẫn tiên liệu theo chính sách chống cộng về

mọi phương diện; không có việc lớn nào có thể khởi sự mà không sửa soạn, khi Cộng-Sản bắt đầu sửa soạn, (ta đã tổ chức và đề phòng, tức là ta phải biết những việc sửa soạn của Cộng-Sản), ta sửa soạn để kịp can thiệp đúng lúc và đúng chỗ, bản đáp của ta là hệ thống phòng thủ mà ta đã có sẵn. (Đây là nói trường hợp kẻ thù chung chưa vào đất của ta).

Các hành động khôn khéo và cương quyết của ông Kennedy cho phép ta nghĩ rằng Mỹ quốc cũng chủ trương như vậy đối với các phần đất mà Mỹ đã tuyên bố bảo vệ. Ông Kennedy không muốn bị động, và không bị rợn vì một giả thuyết.

Còn một vấn đề nữa quan hệ trực tiếp tới ta, ăn khớp vào giả thuyết Nga-Hoa xung đột, là thái độ của Việt-Cộng. Hàn tâm mà suy xét, ta có thể tưởng tượng rằng Việt-Cộng dám chống đối với Trung-Cộng không?

Dù là theo Nga hay theo Tàu, hay theo cả hai chỉ giả vờ cãi nhau đánh lộn con đen, Việt-Cộng vẫn bị đẩy ra để ra mặt xâm lăng Nam-Việt, mục đích mà chính Việt-Cộng cũng chủ trương.

Việt-Cộng quan niệm ra sao đối với các quan thầy, ta mặc kệ hẳn, nếu ta nhắc tới nhiều quá, vô hình chúng ta đề cao hẳn.

Điều ta cần nhắc nhở luôn là Việt-Cộng đang sửa soạn xâm lăng ta.

Ta cần chống lại bằng việc làm, mà việc làm quan-hệ nhất là tổ-chức. Hậu tuyến là yếu tố sống còn của

một cuộc chiến tranh bền bỉ, ác nghiệt; hậu tuyến là yếu tố quyết định sự thắng bại ở tiền tuyến. Việt-Cộng sẽ mở chiến tuyến sau khi vấn đề Ai-Lao giải quyết xong, và Việt-Cộng tổ chức xong lực lượng xâm lăng. Các trận đánh hiện giờ, dù huy động nhiều hay ít người, chỉ là những tập kích để quấy rối hậu tuyến, không thành một chiến tuyến.

Vấn đề hậu tuyến là vấn đề tâm lý quần chúng, vấn đề sinh hoạt và an ninh và mọi mặt của nhân dân.

Bài này đứng về phương diện cứu xét khả năng lợi dụng một mâu thuẫn trong thế giới Cộng-Sản, không liên

quan gì tới tính cách đứng đắn của bài xã thuyết do bạn Huỳnh-Văn-Lang đã viết, tới thực nghĩa của các tài liệu mà bạn đã sưu tầm. Việc nhận định các sự thực Cộng-Sản không bao giờ đưa tới kết luận chắc chắn trước khi Cộng-Sản hành động.

Ta chỉ chắc được khi nào nghe chúng vẫn nói và thấy chúng vẫn làm. Tỉ dụ như mục đích xích hóa toàn thế giới, Cút và Mao đều xác nhận và mưu toan thực hiện theo đúng chiến lược chính trị của Đệ-Tam-Quốc-Tề. Tito đã phủ nhận mục đích và chiến lược ấy, phủ nhận bằng lời và bằng việc, sự xung-đột ấy mới là có thực.

NGUYỄN-HỮU-DUNG

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VỪA LÒNG :

MAU CHÓNG — ĐỦ TIỆN NGHI
TIẾP ĐẢI ÂN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chúa Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THÁNH TÔN

ĐIỆN THOẠI : SAIGON 34

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE **pour le Commerce et l'Industrie**

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135, *Đại-lộ* N G U Y Ê N - H U Ê
(ex Charner)
Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 543
B.P. 422

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Vật giới trong tiểu thuyết của ALAIN ROBBE - GRILLET

HOÀNG-THÁI-LINH



Alain Robbe-Grillet

Sinh ở Brest năm 1922, Kỹ-sư nông-nghiệp, làm việc trong Nha Thống-Kê quốc-gia, và Viện khảo cứu về thực phẩm vùng nhiệt-đới.

Hiện nay Cố vấn văn chương của nhà xuất Bản « Ban Đêm »

Tác phẩm :

- Les Gommès, tiểu thuyết (N. R. F. Ban Đêm 1953)
- Le Voyeur — 1955)
- La Jalousie — 1957)
- Dans le labyrinthe — 1959)

Bài xã thuyết :

- Une voie pour le Roman futur N.R.F. tháng 7/1956
- Nature, Humanisme, Tragédie — 10/1950

TRONG các nhà văn thuộc nhóm « tiểu-thuyết mới » Alain Robbe-Grillet là một người tiêu biểu nhất và do đó cũng được nói đến, nghĩa là được khen, chê nhiều hơn cả. Nếu xác định một khuynh hướng mới như một từ chối những khuynh hướng cũ, thì những truyện của Alain Robbe-Grillet đã thể hiện được sự từ-chối đó không những trong quan niệm về nội dung

mà cả trong những kỹ-thuật diễn tả. Nét đặc điểm nhất của tiểu-ti thuyết mới « là sự từ chối nhân vật », hiểu theo nghĩa phơng phú và vai trò quan trọng của nó trong tiểu-thuyết cổ điển và sự chú-ý, đề cao thể giới đồ vật. Đọc tiểu - thuyết là theo tác-giả nhìn bằng mắt đồ dùng, cảnh vật chung quanh. Chữ nhìn hiểu theo nghĩa đen của nó như một khả năng của đôi mắt

lãnh hội cái bên ngoài của sự vật mà thôi. Đàng khác nhìn là chú ý, nhận xét chi tiết, không phải là thoáng qua như trông thấy, chợt thấy. Một nhà phê bình đã gọi tiểu-thuyết của Alain Robbe-Grillet là thuộc về môn phái của « cái nhìn ». Chữ nhìn hiểu theo nghĩa nhận xét tỷ mỉ và chỉ chú ý tới cái bên ngoài của sự vật bằng con mắt thật.

Có thể nói rằng Alain Robbe-Grillet viết tiểu-thuyết cũng không khác gì phác họa lược đồ, đo lường tính toán tỷ mỉ về ruộng đất. Nhà kỹ sư đem áp dụng những đức tính chính xác, quan sát khách quan, phân tách tỷ mỉ của chuyên môn vào kỹ-thuật mô tả tiểu - thuyết. Ông xây dựng tiểu-thuyết cũng như xây dựng những lược đồ kế hoạch đặc điền.

*
* *

Cốt truyện trong những tiểu thuyết của Robbe-Grillet thật là đơn giản, ít ỏi. Không có những nhân vật phong phú sống-động với những tác-động phức tạp, trong những khung cảnh trứ tình, đầy vẻ quen thuộc, tính chất nhân loại. Trái lại, có thể nói càng đi vào những tác phẩm mới xuất bản, càng thấy nhân vật nghèo nàn đi và sự vật... nổi bật hơn.

Trong cuốn truyện đầu tiên, Les Gommes, xuất bản năm 1953, người ta còn nhận ra nhân vật chính của truyện là một nhân viên cảnh sát có một tên gọi, dưới quyền điều khiển của một giám-đốc, có những hoạt-động điều tra, khám xét, hỏi cung v. v. . . như là bốn phần phải thi hành và tương trình với cấp trên. Nhưng ngay từ cuốn truyện này, người ta đã thấy phác họa chủ đích viết tiểu thuyết mà tác

giả sẽ mô tả một cách rõ rệt trong cuốn truyện sau cùng vừa xuất bản gần đây : Dans le labyrinthe. Đi vào tiểu thuyết như lạc vào một khu đường màng nhện, đường bàn-cờ, không biết đâu là hướng phải đi tới hay ra khỏi. Tất cả những hành động của nhân vật, người đọc chỉ có thể ước đoán, phỏng chừng. Viên thanh-tra đi điều tra mà như vẫn ở nhà, bắt và giết nhằm người tưởng là thủ phạm nhưng có lẽ lại là con của mình.

Truyện thứ hai, Le voyeur, cũng theo một lối xây dựng tương-tự. Một khách buôn lên một đảo để bán đồng hồ. Độc giả có theo dõi và biết từng chi tiết những công việc đi lại của Mathias, nhưng có một hành động quan trọng nhất là trụ cột của cuốn truyện thì độc giả lại không bao giờ được biết rõ. Tác giả chỉ kêu gọi và làm cho người đọc bị hành động đó ám ảnh mà không nói rõ đó là hành động gì.

Một buổi trưa trong ngày, có một giờ giữa hai việc thăm viếng của Mathias, tác giả không cho biết giờ đó Mathias làm gì. Có lẽ là một hành động hiệp dâm. Nhưng không thể quả quyết hẳn một cách chắc chắn. Tuy nhiên tác giả kêu gọi và làm cho người đọc không thể không nghĩ tới tội ác đó bằng những gập gờ, đối thoại, những sự vật được mô tả và nhắc đi nhắc lại. Hơn nữa, chính nhân vật lúc nào mở mắt nhìn chung quanh mình cũng va chạm với những người vật như nhắc nhở tới tội ác đó mà người đọc chịu không thể biết được anh ta có phạm hay không. Khi Mathias trở lại bến tàu, trông có vẻ khả nghi nhưng vẫn được tự do, người ta có cảm tưởng như chẳng có gì đã xảy ra và câu chuyện kết luận ở cảm

tưởng đó, cảm tưởng về một hành động chính yếu bao trùm cả cuốn truyện mà lại như không có.

Đến cuốn «Jalousie», nhân vật chính không những là không có tên, mà còn không xuất hiện bao giờ như tác giả đã xin người đọc ở đầu cuốn truyện : « nhân vật này không có tên, mặt nữa nó là một trống không ở giữa cuộc đời, Một chỗ trống ở giữa các đồ vật. Nhưng bởi vì mọi con đường đều bắt đầu từ nó và kết thúc ở nó, cái chỗ trống đó rút cục cũng trở thành cụ thể. vững chắc ».

Khung cảnh của cuốn truyện là một đồn điền chuối ở xứ nóng, một người đàn bà có chồng, một người đàn ông bạn của gia đình đó có những giao thiệp khả nghi với người vợ; tất cả những điều đó đều được mô tả kỹ càng tỷ mỉ từng chi tiết cho người đọc có thể nhìn thấy, nhưng còn người chồng, nhân vật chính, không bao giờ ra mặt hay chỉ ra mặt bằng « chỗ trống » mà sự vắng mặt của chàng đã tạo nên ; Tác giả không đặt ta đứng trước một người ghen để quan sát những cử chỉ hành động, tình cảm của một cái thói bao giờ cũng thường là mãnh liệt và gây cắn, nhưng đứng trước một cảnh vật ghen mà người đọc đoán được khi theo dõi những cử chỉ, cách xếp đặt và di chuyển những đồ vật được mô tả.

Cuốn truyện sau cùng, Dans le labyrinthe, có thể coi như là tác phẩm diễn tả một cách đầy đủ những quan niệm và kỹ thuật xây dựng tiểu thuyết của Alain Robbe-Grillet. Những nhân vật trong truyện là những tên chung : người lính, người đàn bà, đứa trẻ, và người đọc không biết họ muốn gì, nhằm cái gì khi họ cử

động, đi lại, nói năng. Nhân vật chính là một người lính. Có lẽ là một người lính vừa thua ở mặt trận về lang thang trong thành phố, cầm một gói của một người bạn khác gửi mà chàng không nhớ tên, cũng không biết trong gói đựng gì và phải đưa cho ai, ở phố nào.

Người đọc thực sự đi vào một « mê lộ » mà chủ đích của tác-giả không phải là để cho người đọc thoát ra khỏi, nhưng là lạc và mất hút trong đó.

*
* *

Tiểu thuyết của Alain Robbe - Grillet gây nhiều dư luận sôi nổi và để tránh một phần nào những ngộ nhận, tác giả viết những bài như những bản tuyên ngôn về tiểu thuyết để biện chính quan-điểm xây dựng của mình (1)

Dụng ý của Alain Robbe - Grillet là trả lại cho sự vật vai trò quan trọng của nó trong tiểu thuyết mà trước đây người ta đã chỉ dành cho con người. Hơn nữa, tác giả còn trình bày như thể con người bị chìm đắm, trong thế giới sự vật, bị chúng đè bẹp.

Trước hết sự mô tả vật giới có tính cách *chi tiết*, tỷ mỉ, cặn kẽ như do một cái nhìn xa, nhìn gần, nhìn tứ phía, nhìn ở nhiều vị trí để lột cho hết cái *lẻ bề ngoài* của sự vật. Tác giả viết đến bảy tám giòng để tả một miếng cà chua lần

1) hai bài chính là : Une voie pour le Roman futur, đăng trong tạp chí Nouvelle Revue française tháng 7-1956, bản dịch trong tạp chí Đại-học số 20 tháng 4-1961 và bài Nature, humanisme, Tragédie cũng trong tạp chí Nouvelle Revue française tháng 8-1958.

trong rau salat, hay một cái cầu thang hoặc hành lang. Ví dụ tả cái hành lang : « Đó là một hành lang hẹp, tường quét màu nâu thẫm đến nửa chừng và ở trên là màu vàng nhạt, màu này cũng là màu của trần nhà rất cao, những cửa bên trái và bên phải đều rất nhiều. Những cửa này cũng sơn màu nâu thẫm khắp mặt và cũng có một kích thước giống nhau rất cao và hẹp ngang. Hành lang có vẻ cũng dài hơn. Bóng đèn điện cũng giống nhau tròn, sức điện yếu, treo ở đầu một sợi dây quăn. Nút bấm chuông bằng sứ trắng ở ngay đầu cầu thang góc tường ».

Mô tả tỷ mỉ và chính xác. Hơn nữa sự mô tả còn có tính cách *khách quan*. Tác giả tránh dùng những trạng từ kêu gọi hình ảnh hoặc cảm xúc, tình tự; và chỉ dùng những trạng-từ tầm thường nhưng xác thực. Như để tả màu đỏ của cà chua tác-giả viết; « d'un beau rouge chimie, một màu đỏ của hóa học ». Dụng ý là đặt một quãng cách giữa người và sự vật, để sự vật xuất hiện như một vật độc lập, tự tại.

Sự chú trọng vào đồ vật làm cho tác giả bỏ rơi những tương quan nhân loại, hay đúng hơn tác giả xử với người cũng như xử với đồ vật. Tất cả đều giới hạn vào cái *bề ngoài* mà cái nhìn có thể lãnh hội được. Hơn nữa cũng cùng một thái độ khi nhìn : vô tư, khách quan, lãnh đạm. Người đọc không biết tên gọi, mặt mũi người lính trong « Dans le labyrinthe » nhưng biết rõ đôi giày của chàng « màu da thô kệch với những vết mòn ở đế giày » hay cái mũ của chàng trên có thêu số lính bằng một thứ vải dệt v.v.. Cũng như đồ vật, người với người trong truyện chỉ giao thiệp với nhau như một tình cờ,

bằng những liên hệ rất lỏng lẻo, hời hợt và mau hết : gặp nhau ngoài phố, trong quán rượu, trên xe v.v. và trao đổi những câu nói rất tầm thường : « Đi con đường nào thì tới làng kia ? Anh mang gì trong bọc thề. Anh đi đâu ? v.v... Con người bị bóc hết mọi qui định về tâm tình, địa vị xã-hội, nghề nghiệp hoàn cảnh và chỉ còn một hiện-hữu bên ngoài mà thôi : Có người. Người lính trong « Dans le labyrinthe » không có dĩ vãng, không có hiện tại, không có liên hệ gì tới những bạn đồng ngũ vừa chiến đấu với mình, hay với dân chúng trong thành phố mà chàng vừa tới, không có gia-đình để trở lại, không thấy tủ nhục vì thua trận hay mừng rỡ vì được sống trở lại. Tất cả những cái đó, thường là chất liệu của tiểu thuyết cũ, đều bị gạt đi trong truyện của Alain Robbe-Grillet.

Ngay cả những cử chỉ bạo động như giết người, người ta cũng chỉ thấy như một sự kiện tầm thường. Truyện « Le voyeur » xoay chung quanh một sự kiện rất dã man : Hãm hiếp và thủ tiêu một đứa trẻ gái mười ba tuổi do một nhân vật chính. Nhưng tác-giả không tả cảnh lúc xảy ra hành động trên, cũng không nói gì đến những tình cảm hoặc những lý do đã thúc đẩy thủ phạm giết người. Người đọc chỉ được biết câu chuyện hãm hiếp giết người qua lời đồn của dân làng như một câu chuyện hàng ngày.

Tác-giả chỉ trình bày những đồ vật dần dần xuất hiện và liên lạc với nhau trong những xếp đặt nào đó và chính những xếp đặt đó làm cho người đọc có cảm tưởng hay dự đoán đang đứng trước một cảnh hãm hiếp và giết người.

*
* *

Tại sao Alain Robbe-Grillet nhấn mạnh vào vật giới trong tiểu-thuyết? Tác-giả nhằm tẩy rửa, gạt bỏ những ý nghĩa, cảm xúc mà con người đã gán cho sự vật. Sự vật trước cái nhìn của con người thường chứa đầy những tính chất nhân loại đến nỗi mất cái vẻ riêng biệt của nó là sự vật. Văn chương từ trước đến nay cũng không làm gì khác là diễn tả sự lệ thuộc của sự vật vào con người và hơn nữa còn làm tăng thêm sự lệ thuộc đó. Cho nên phải trả lại sự vật cái vẻ sơ thủy nguyên vẹn của nó xác định nó là nó, trước khi là thế này, thế kia cho con người.

Thái độ thông thường của con người đối với sự vật là một thái độ chiếm đoạt để sử dụng hoặc thưởng thức: Sự vật biến thành đồ dùng, dụng cụ của con người nghĩa là một phương tiện để thực hiện những mục đích của người. Sự vật mất ý nghĩa tự tại vì nó chỉ « có », chỉ hiện hữu nếu được ràng buộc với con người, và xuất hiện như một vật « hữu ích ». Cái bàn để viết, cái cửa để ra vào, nước để uống; cũng như « cái ghế trống chỉ biểu lộ sự vắng mặt hay một chờ đợi, bàn tay đặt lên vai chỉ là ký-hiệu của lòng Thiện-cảm, những chấn song cửa chỉ có ý là không thể đi ra »... (1)

Ngoài ý định coi sự vật như một công dụng, con người còn gán cho sự vật ý nghĩ, cảm xúc, tình tự hay ngược lại, dùng sự vật để diễn tả những ý nghĩ, cảm xúc, tình tự của mình. Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ. Trời nổi giận. Lòng sông lở bờ chảy. Rừng âm thầm. Những kiểu nói đó biểu lộ một nhân cách hóa sự vật. Hay trong những câu như: Lời nói ngọt ngào. Trái tim lạnh

lòng. Lòng cứng rắn v.v... Người ta đã chủ quan hóa những đặc tính khách quan của sự vật.

Theo Alain Robbe-Grillet, đó là những lạm dụng tai hại, vì che giấu mất thực tại của những sự vật đồng thời ngăn cản không cho ta thấy thực tại đó.

Người ta tạo ra những tương quan với sự vật thực sự không có và cứ nhất định tin tưởng là có. Cho nên khi nhận thấy không có, người ta đau khổ. Đó là nguồn gốc của tình cảm bi đát sinh ra từ một ly dị giữa con người với cuộc đời.

Nhưng thực ra sự vật là sự vật, ta là ta và tình cảm bi đát sẽ không còn nữa một khi chấp nhận sự kiện đó như Alain Robbe-Grillet đã nói:

« Chúng ta không còn thể nhìn cuộc đời với con mắt tự do. Mọi sự quanh ta từ đồ dùng rất quen thuộc đến những hiện-tượng thiên nhiên, đều bị một thứ văn chương bao bọc những ý-nghĩa trí thức hoặc tình cảm không cho phép ta trực tiếp tiếp-xúc với sự vật bên ngoài. Tiểu thuyết cổ-điển « nhân-loại-hóa » cuộc đời và như thế đã đặt giữa cuộc đời và độc giả những màng lưới sắt, những bảng che chỉ giáo cho ta một cuộc đời với những hình ảnh xuyên tạc » (2)

Văn-chương thường dùng những ẩn dụ để diễn tả những tương quan giữa người và sự vật: Núi hùng vĩ; giữa lòng đời; gió dịu dàng v.v...

1) Une voie pour le Roman futur N. R. F. trang 81.

2) Nature, Humanisme, Tragédie N.R.F. p. 586

« Những ấn dụ đó không làm cho ta biết gì hơn những sự vật đó, trái lại vật giới vì bị thẩm nhiễm tinh thần của ta quá nhiều đến nỗi từ nay nó có thể mặc bất cứ một đặc tính nào hay rung động với bất cứ một cảm xúc nào. Tôi quên rằng chỉ mình tôi đang cảm thấy buồn hay cô độc; và những yếu tố tình cảm đó đã được coi như *thực tại sâu xa* của vũ trụ vật chất, cái thực tại độc nhất đáng cho ta chú ý ». (1)

Nhưng thực sự, vật giới chỉ có một đặc tính là nó *có*: Thay vì đi tìm cái chiều sâu giả tạo bằng cách gán cho nó những đức tính hay nét xấu mà thực ra nó không có, nhà văn từ nay chỉ nhằm thể hiện sự vật trong cái vẻ bề mặt khách quan của nó.

« Nhưng cuộc đời không có *nghĩa*, cũng không *vô nghĩa*. Nó có, thế thôi.

« ... Chung quanh ta, các sự vật có đấy bất chấp những tĩnh từ linh động hay quen thuộc. Bề mặt của chúng rõ ràng, nhẵn nhụi và còn nguyên vẹn, nhưng không phải chói lọi, mờ đục hay trong sáng. ...

« Vậy thay vào vũ trụ những « ý nghĩa » (tâm lý, xã-hội, chức-vụ) cần thử xây dựng một vũ trụ vững chãi hơn, trực tiếp hơn. Trước hết, chính sự hiện diện của các đồ vật và cử chỉ buộc ta phải chấp nhận chúng, và sự hiện diện này vượt khỏi mọi lý thuyết giải thích nhằm ghép chúng vào trong một hệ thống tham-khảo nào đó hoặc về tình cảm, xã-hội-học, tâm-phân-học, siêu-hình-học hay gì khác ».

« Trong vũ trụ tiểu-thuyết tương lai, các cử chỉ, và đồ vật sẽ *có đấy* trước khi trở thành « một cái gì ». Và sau đó vẫn còn

đấy, cứng rắn, bất biến, hiện diện mãi mãi và bất chấp ý nghĩa riêng tư đang cố gắng giản lược chúng một cách vô hiệu quả vào vai trò dụng cụ tạm thời giữa một quá khứ bất thành và một tương lai vô định ». (2)

Như thế, cử chỉ đồ vật sẽ mất tính cách huyền bí, sâu xa giả tạo và chỉ còn cái bề mặt mà nhà văn có thể « đo lường, xác định vị trí, giới hạn »

« Thiếu chiều sâu » là đặc điểm cốt yếu trong tiểu thuyết của Alain Robbe-Grillet. Tiểu thuyết cũ bao giờ cũng là một khai-thác theo chiều sâu, chiều sâu xã-hội, chiều sâu tâm lý. Robbe-Grillet không nhìn người vật với con mắt tra hỏi ý nghĩa của một ông quan tòa, một thượng đế, nhưng với con mắt của một người đang đi ngoài đường chỉ thấy có một cảnh tượng là phố xá, với tất cả cái vẻ bề ngoài của nó mà thôi. Không có gì là nội tâm — mọi sự đều phô bày ra bề mặt. Ngay những trang đầu cuốn « Jalousie » tác giả tự đặt vào ý thức của một người chồng ghen và không bao giờ ra khỏi đó; nhưng không phải để phân tích trình bày những ý nghĩ, tình cảm rung động người chồng ghen hay mô tả những lý do của lòng ghen đó. Thực ra chúng ta biết là có một người ghen như tựa cuốn truyện giới-thiệu, nhưng chỉ có thể thôi và đó là tất cả những gì ta biết được về một thói quen tâm lý thường gây nên cảnh đổ vỡ tàn bạo như gió bão, khi đọc xong cuốn truyện.

1) Nature, Humanisme, Tragédie N.R.F. p. 586

2) Une voie pour le Roman futur N.R.F. p. 82

Để làm cho độc giả nhận thấy sự quan trọng của vật giới và hơn nữa để trình bày sự vật là yếu tố cấu tạo câu chuyện, tác giả thường dùng một kỹ thuật mà người đọc nếu không hiểu dụng ý rất chán nản và ngạc nhiên: đó là sự nhắc đi nhắc lại.

Sự mô tả những đồ vật được nhắc đi nhắc lại nhiều lần để cho độc giả có thể lãnh hội sự vật dưới nhiều ánh sáng khác nhau như thể không bao giờ lãnh hội hết và nhất là để cho độc giả bị ám ảnh như thể ý thức lãnh hội của mình bị nhốt trong vật giới như trong một « mê lộ » không thể thoát khỏi được. Đi rồi trở lại, vừa thấy những phố xá nhà cửa đó một lúc sau lại như thấy lại hay như « đã » trông thấy rồi.

Trong cuốn « Dans le labyrinthe », chỉ thấy tả đi tả lại mấy phố vắng, tuyết rơi; những mái nhà giống nhau « vẫn là những mái nhà ấy, những phố vắng ấy, những lớp tuyết trắng xám, và cái lạnh ấy. »

*
* *

Chủ-dịch Alain Robbe-Grillet là phản kháng lại quan-niệm thần-thoại-hóa tiểu-thuyết trong đó người và vật chỉ là nạn nhân của nhà văn.

Tác giả phản ứng lại thái độ bi đát hóa cuộc đời trong các nhân vật mà tiểu thuyết cũ đã dựng lên như thể sự lo lắng, cô độc, xao xuyến v.v.. là thuộc về thân phận làm người. Để chống lại một thứ tiểu-thuyết bi đát siêu hình, đượm bầu khí tội lỗi, hay thất vọng, thất bại, Robbe-Grillet chủ trương một thái-độ

khách quan vô tư, như là điều kiện để xây dựng một tiểu thuyết hiện thực:

« Trong khi nhân vật cổ điển luôn luôn quàng vào trong một nơi khác trống không, bất biến xa xăm, mờ ảo, trái lại nhân vật tương lai vẫn « ở đây ». Và chính những lối giải thích bình phẩm sẽ là được thêu dệt, hoặc bị chiếm đoạt hay phá lũng bằng những lối giải thích mà tác giả gán cho nó, như thể nhân vật luôn luôn bị ở « nơi khác ». Trước sự hiện diện cố hữu của nhân vật, các lối giải thích sẽ xuất hiện như thừa thãi vô ích và lắm khi bất chính nữa » (1).

Trong dự định của Robbe-Grillet, có một phần mà người ta dễ dàng chấp nhận là nỗ lực muốn gạt bỏ khỏi nhân vật những qui định giả tạo do một sự lạm dụng gây nên, nhưng đồng thời Robbe-Grillet cũng gạt bỏ luôn mọi qui định. Vấn đề là con người có thể thoát khỏi mọi qui định không? Nếu có thể có một chiều sâu giả tạo thì sự kiện đó có chứng minh rằng con người không có chiều sâu, hay chiều sâu có phải cũng là một khía cạnh thiết yếu của con người. Và do đó vấn đề là vì có chiều sâu giả tạo, vậy không có chiều sâu gì hết và do đó phải xoá bỏ nó đi hay vì có chiều sâu giả tạo, vậy phải xoá bỏ chiều sâu giả tạo đó và tìm lại chiều sâu đích thực của con người?

Alain Robbe-Grillet cũng phủ nhận chiều sâu của sự vật. Tác giả nhằm một mô tả về bề mặt và đi vào chi tiết. Nhưng dụng ý không phải là để lãnh hội đầy đủ sự vật, nhưng là để nhấn mạnh vào tính cách xa lạ, độc lập của sự vật đối với con

(1) Une voie pour le Roman futur N.R.F. p. 87

người, như thế, càng mô tả, càng thấy sự vật chống lại với cái nhìn lãnh hội của con người.

Nhưng sự độc lập giữa người và vật có tính cách tuyệt-đối không? Người ta có thể tránh được tiếp xúc và liên hệ với sự vật không? Có những lạm dụng trong việc chiếm đoạt sự vật. Nhưng vấn đề

là có phải vì thế mà xoá bỏ sự tiếp xúc hay chỉ xoá bỏ những lạm dụng để tìm lại những tương quan đích thực?

Đó là những thắc mắc mà người đọc có thể nêu lên khi đi vào tiểu thuyết của Alain Robbe-Grillet.

HOÀNG-THÁI-LINH

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸 金字烟

Cigarettes **JOB** Surfiner

COFAT CHOLON

THƯ HÈ

MỘNG-TRUNG

Chị Th... mến,

BAO lần được thư chị tôi tự hẹn sẽ hồi-âm, nhưng mãi bận lo may sắm cho các con đi nghỉ hè, nên cố gắng hết sức tôi cũng không tìm ra thì giờ và bình tĩnh để viết cho chị một bức thư.

Mấy đứa nhỏ vừa đi theo đoàn nghỉ hè ở các vùng biển, núi và đồng bằng do thị-xã sở tại tổ-chức hằng năm, tôi cùng với mấy đứa lớn đi nghỉ ở vùng Normandie.

Chị đừng lấy làm lạ thấy năm nào tôi cũng chú trọng, lo lắng đến việc đi nghỉ hè, vì không phải riêng tôi mà tất cả người dân lao-động trí-thức hay chơn tay bên này đều không cho đó là xa xỉ mà là cần thiết.

Ở xứ mình, quanh năm nắng nhiều gió mát mọi người ăn mặc nhẹ nhàng. Nhà phố đều mở cửa trước sau, thời tiết bốn mùa không thay đổi nhiều nên con người không thấy bị tù túng, sống cách biệt với cảnh vật bên ngoài. Dầu nghèo đến đâu : chỉ có chiếc áo cánh, quần đùi, dầu mực sống kém không có tổ chức xã-hội nâng đỡ để được đi nghỉ hè như dân Pháp, người dân nghèo xứ mình thỉnh thoảng vẫn có thể mở cửa nhìn trăng, hứng gió xả hơi sau một ngày làm việc mệt nhọc.

Bên này đời sống quá chật vật, lúc nào con người cũng thấy thì giờ và công việc thúc bách sau lưng. Khi đi thì phải chun xuống hầm « métro » chen chạy, vào sở ngày ngày làm mãi một công việc cũ rích trong những gian phòng lúc nào cửa cũng đóng kín, ngửi mùi suorì ngòm ngợp tanh tanh. Khi về phần đông dân lao công ở các đô thị lớn đều ở nhà thiếu cả không khí và ánh sáng mặt trời, vì vậy họ rất thêm cảnh bao la nắng gió. Hơn nữa luật bảo-hiểm xã-hội bên này rất chú ý đến đời sống dân chúng, nhờ vậy tất cả thầy thợ các sở xưởng công tư mỗi năm đều được thay phiên nhau đi nghỉ hè bắt đầu từ hạ tuần tháng bảy cho đến thượng tuần tháng chín ; mỗi người nghỉ 3 tuần lễ được chủ phát lương đủ.

Nhờ điều kiện xã hội thuận tiện đó mà hằng năm phần đông dân Pháp đều có sẵn một chương trình nghỉ hè. Dành một ít tiền trong số lương tháng nhập chung vào lương nghỉ hè và tiền thưởng cuối năm, lại còn được đi xe lửa rẻ hơn người thường 30%, người công nhân Pháp có dịp đi gần xa, đây đó, thưởng thức cái đẹp, cái lạ và dưỡng sức sau một năm làm việc vất vả. Do đó tất cả hoạt động các ngành kỹ nghệ và thương mại vào mùa này đều bị ngưng trệ. Dầu ai có công việc gấp muốn tiến hành cũng phải bó tay. Như thế chỉ thấy nghỉ hè bên này chẳng những cần thiết mà gần như là một cái luật tự - nhiên : mọi người đều nghĩ tới và tuân theo. Cho đến những người dư dả không công rảnh việc cũng thừa dịp này đi đòi gió, viếng những nơi danh lam thắng cảnh hoặc du lịch nước ngoài.

Thời tiết bên này thay đổi bộ mặt thành phố và thôn quê một cách rõ rệt. Chiếc áo mùa đông buồn thảm bao nhiêu thì gấm vóc của trời hè rực rỡ bấy nhiêu. Không khí sinh hoạt ở Ba-Lê mùa đông rộn rịp sống động bao nhiêu, thì về hè biếng nhác, vắng lặng bấy nhiêu. Hầu hết hãng xưởng thay phiên nghỉ việc, Nhà phố phần nhiều đóng cửa, ngoài đường xe cộ và người đi thưa thớt. Nhưng khi chỉ đến các nhà « ga » to chỉ sẽ thấy thiên hạ tay bế con tay hành lý đứng làm đuôi dài thướt mua giấy ở các « guichet ». Mỗi năm sở hỏa xa phải tăng gia số xe lên mấy trăm chiếc mới đủ cho hành khách đi nghỉ hè, thế mà trong các « toa » người ta vẫn chen chúc lớp ngồi lớp đứng. Có khi suốt khoảng đường dài ba bốn trăm cây số mình phải đứng sòng sả chen chúc ngoài « cu loa ».

Lúc trước có biến động ở Cuba và Bồ Đào-Nha, ai cũng nghĩ du khách tứ phương không dám đến các vùng nghỉ hè của hai nước này thì mùa hè năm nay nước Pháp sẽ thu được lợi to. Nhưng ngược lại với ước đoán trên, nông dân Pháp năm nay nổi lên cản đường lưu thông đòi chánh-phủ cải-thiện đời sống của họ, làm thiên hạ sợ có việc lòi thối xảy ra nên số người đi nghỉ hè năm nay ít hơn mọi năm. Gần đây chủ nhân những khách sạn, nhà hàng thuộc các vùng nghỉ hè lên tiếng kêu gào xin chánh-phủ giải quyết vấn đề nông dân Pháp để họ được yên tâm làm ăn, vì nghề của họ mỗi năm sống được chỉ nhờ ba tháng hè mà thôi. Nay vì du khách các nơi phần đông bỏ tiền cọc mà không đến nghỉ hè mà khách sạn nhà hàng và nhà cho thuê bị thiệt hại không ít. Chính tôi cũng sợ nên không dám đi xa, chỉ đi vùng Côte Fleurie cách Ba-Lê hai trăm cây số.

Lại còn một việc khác khiến mình ghê sợ hơn : Sở Vô-tuyến-điện sáng nay kêu rêu các ông « sếp-phơ chúa nhật » (chauffeur du

Dimanche) tức các ông cả năm làm việc rồi đến hè mới đem xe ra chạy đi nghỉ hè! Vì các ông không quen lái xe mà mỗi mùa hè tai nạn xe hơi nháy trên bản thống kê vùn vụt mình nghe mà mọc óc. Mỗi dịp lễ, mỗi mùa hè người ta xem số người chết về nạn xe hơi như là dĩ nhiên. Để tránh bớt tai nạn một vài hãng xe bên Mỹ hiện nay có sáng kiến như sau: khi tài xế cho xe chạy đến 100 cây số một giờ thì tự nhiên kể bên cây kim chỉ tốc lực hiện ra hình vợ con để tài xế nhớ mà hãm bớt tốc độ.

Mới sáng bừng tung, vô-tuyến-điện đã nhắc đi nhắc lại giọng oang oang: Du khách! Hãy coi chừng! Tuần này sẽ có hai trăm người trong số các ông chết trên các nẻo đường!»

Nông dân hăm dọa! Vô tuyến-điện nhắc nhở như trù ẻo! Thế mà trên các quốc lộ vô số xe nhà cũ, mới lớn nhỏ đủ hiệu chớ nghẹt người lớn, trẻ con, trên mũi đầy hành lý cũng nối đuôi chạy phăng phăng đưa thiên hạ đồ về, biền, rừng, núi và đồng quê để tìm không khí tốt, mặt trời, nước mặn.

Rời chốn thị thành bùng bít, rẽ quanh tường vôi cao ngất lúc nào cũng sừng sững chắn ngang trước tầm mắt mình, chúng tôi cho xe len lỏi vượt qua đoàn xe đông nghẹt, bỏ mặc những cửa hàng rực rỡ, những bóng đèn màu quảng cáo chớp tắt lia lịa lúc nào cũng như nhăm nháy mời mọc mình, chúng tôi tìm lối ra và hướng về « Côte Fleurie » để đến nơi hẹn hò muôn đời của đất và nước. Tuy phú số mạng cho rủi may nhưng tôi vẫn không dám cho xe chạy trên tám chục. Giữ gìn như vậy mà lòng vẫn không yên. Nhiều chiếc xe chạy vong mạng, mình lo các ông tài xế háo thắng, nóng nảy, say rượu, ngủ gục không biết sẽ có thể tông vào xe mình lúc nào. Tôi chỉ còn độc một tin tưởng nơi mười lăm ngàn người lính gác đường ở các ngã ba ngã tư, một số khác đi tuần hành bằng xe hơi và xe máy dầu trên các quốc lộ. Hai mươi lăm chiếc máy bay trực thăng đi quan sát tình hình đường sá cho tin từng giờ độ nhân-viên của một văn phòng trung-ương chỉ cho dân chúng biết đường nào để đi và ít xe. Vô-tuyến-điện thường-trực cho dân chúng số điện-thoại ở văn phòng này để họ gọi lại hỏi thăm.

Chị ơi! Khoan khoát lạ! Nhìn tới trước con đường thiên-lý xa mù như vô tận, giăng thẳng cánh tay dài như đón mời mình mạnh bước phiêu lưu....

Gió phây phây vào áo vào tóc như phúi rớt lại phía sau tất cả bận bịu, ưu phiền.

Ra khỏi Ba-Lê ít chục cây số, chúng tôi bắt đầu hình dung ra cảnh sống từng bừng vui trẻ của miền duyên hải sóng nước muôn trùng, Bao giờ đến nơi tôi sẽ viết thư cho chị.

THAO THỨC

VŨ - HÂN

Màn nhung núi khép giăng sàn thượng
Chứa biết giờ nao mở diễn tuồng ?
Ta với biển sông chờ khoắc khoải,
Đã mòn con mắt bấy đêm suông.

Nào rõ sau nhung có những gì...
Hay là xanh, đỏ đủ xiêm y ?
Kép đào ngáp oải còn thềm ngủ,
Son lệch vành môi, phấn ố mi !

Ta buồn, sông biển cũng buồn theo.
Bỗng mới đêm qua, nguyệt ghé đèo,
Sáng cả rừng tùng, chim tấu nhạc,
Biển sông gõ phách sóng vang reo !

Tuồng sắp diễn hồi : « Du nguyệt điện » ?
Có Dương Quý Phi — Đường Minh Hoàng,
Có lầu Lộng-Ngọc — sáo Tiêu-Lang,
Có cả tình duyên Ta với Nàng...

Ta mời biển sông cùng nhấp rượu.
Đất trời hừng hừng men liên hoan,
Vui niềm vui chung trăng quên xế,
Rộn rã gả thôn gáy mở màn ..

Trên đèo Hải-Vân — Bước vào Thu 1961
(MAI - SAU)

V. H.

BACH KHOA CXIV

TINH SƯƠNG

• DOÀN - THÊM

Khuya bừng hy-vọng sao mai
Canh trăng ngả hướng lữ-hoài sáng trong
Ánh hiền mở giấc hư-không
Sương mơ thoảng tiếc ráng hồng then mây
Xanh rờn riu rít thơ ngây
Vàng non ngỏ ý đợi ngày nắng rung
Bóng vang tìm gió gieo cung
Giờ tươi ngân tiếng náo nùng gọi thu
Nhạc đời lay mộng hoang vu
Cỏ say hương biếc, lòng ru điệu thầm
Thanh-bình trót hẹn quang-âm
Phải yên đáy nước mà ngâm sắc trời
Giã tình lảng cánh dậm khơi
Buồn vui lướt sóng trao người đảo tiên...

D. T.

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
 { **CAM** MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ONG-VĂN-CHÔM

Được khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

NGƯỜI

YÊU TÔI CHẾT

(AMINTA)

Nguyên tác : Giovanni
Comisso

Bản dịch : Phong-Nhã

COMISSO là một trong những văn-tài chân-chính của nền văn-học hiện-đại Ý-Đại-Lợi. Tên tuổi ông được nhắc tới nhiều trong khoảng 30 năm gần đây.

Sinh ở Venetia, vùng Treviso vào năm 1895, Comisso đã tham-dự Đệ-Nhất Thế-Chiến, và sau đó ông đi theo nhà thơ Gabriele d'Annunzio trong cuộc chinh-phục thành phố Fiume. Một phần cuộc hành-quân này đã được ghi lại trong tác-phẩm đầu Trong Gió Biển Adriatique. Ông đi đây đi đó viết báo nhằm xây dựng một văn-nghiệp có chân giá-trị. Ông cũng đã cố viết tiểu-thuyết với một trình-độ nghệ-thuật cao hơn tỷ như cuốn Lịch-sử Một Di-sản, nhưng tác-phẩm mới nhất của ông là một tập tiểu-sử tự-thuật nhan-đề Ngôi nhà nông-thôn của tôi. Truyện thuật lại đời sống nông trại từ những năm 1930 tới chiến-tranh, trong đó ông cụ-thể-hóa dực-tình một cách đầy thi-vị và đem pha trộn một cách thật khéo léo với một ý-niệm lịch-sử ăn-tàng nhưng thật là sâu sắc.

Đoản-thiên Aminta mà tôi lược dịch sau đây (1) rút trong tập truyện ngắn nhan-đề là Những Cuộc Phiêu-lưu Vô-vọng.

GIỜ đây tôi có thể thú nhận cái nguyên-do chính đã sui khiến tôi bỏ dở việc học ở Đại-học-đường Siena. Đó là vì chuyện nàng Aminta.

Cái tên của kẻ chăn cừu đó đã được đặt lầm lẫn cho một cô gái kỳ-diệu. Thời thường, dân vùng Siena hay lựa chọn trong thi-ca nhữag mỹ-hiệu đẹp để đặt tên cho con cái họ. Vì thế có những anh thợ đóng móng ngựa lại tên là Nar-

cissus hoặc Fidelio, những anh hàng thịt tên là Zephyr hay Apollo, đó là chưa kể tới tất cả những mỹ-danh khác như là Lauras và Beatrices.

Để thuyết-phục gia-đình, tôi viện lẽ là độ sống ở Siena thật rẻ, rằng ở đó không có trò du-bí (cả đô-thị thu gọn và bao quanh bởi một bức tường giống như một

(1) Theo bản dịch Anh-ngữ của Lowry Nelson, Jr.

học-đường có ký-túc-xá), rằng các giáo-sư thật là tài giỏi, và như vậy chỉ trong một thời-gian ngắn là tôi đã có thể tốt-nghiệp và bắt đầu ra đời kiếm sống được rồi.

Tôi đã gặp Aminta ở thành-phố quê-hương của tôi vào mùa thu năm trước. Nàng đến chơi, lịch-sự và tươi cười, đi cùng với một người bạn của tôi. Hắn đã thuyết-phục được nàng bỏ nhà ra đi, với hi-vọng là sẽ xây dựng nên tổ ấm gia-đình. Công việc duy-nhất mà hắn ta làm là kéo vĩ-cầm. Hắn kiếm được việc làm trong một rạp hát bóng. Nhưng sau một tuần hóa-đơn của khách-sạn trở nên quá nặng nề khiến cho họ không sao trả nổi. Từ trước chưa bao giờ Aminta được đi khỏi thành-phố quê-hương nên những sự khám-phá mới mẻ khiến cho nàng vô cùng thích thú. Nhưng sau những ngày vui vẻ đầu tiên ấy, nàng trở nên thất-vọng và có vẻ đau khổ ngấm ngấm.

Người bạn đến hỏi ý-kiến tôi. Aminta không ngừng nhớ tới mẹ nàng và Siena; và nàng cũng chắc chắn sẽ được tha thứ cho mọi lầm lỗi. Tôi khuyên bạn tôi nên theo phương-kế tốt nhất là để cho nàng về quê. Nàng đã trở nên quá xanh xao khiến cho tôi bắt đầu có ý nghĩ là bạn tôi đã để cho nàng phải nhịn đói. Một đôi khi nàng lại húng hắng ho, nhưng tôi cho là tại tiết trời trở lạnh.

Một buổi sáng tôi gặp nàng trên đường phố, dáng điệu lo ngại và run rẩy, hấp tấp đi về phía nhà ga. Bạn tôi đã bỏ rơi nàng, không để lại lấy được xu nhỏ. Hắn đã ôm đèn bỏ đi xây dựng sự-nghiệp, viết lại cho nàng được mấy giòng vĩnh-biệt mà nàng đang nắm chắc trong lòng bàn tay.

Nàng đi tới nhà ga và hi-vọng sẽ còn tìm thấy hắn ở đó. Số tiền còn sót lại trong túi tôi đủ để cho nàng tới được Siena. Một chuyến tàu đang đợi giờ khởi-hành. Nàng nhận lời, đầu gục xuống vai tôi. Nàng trông thật đáng thương quá, cô đơn và xinh đẹp quá, khiến cho lúc nàng đã bỏ đi rồi, tôi lại cảm thấy tiếc là sao lại để nàng ra đi như vậy; và tôi tự hứa với tôi, nhiều hơn là hứa với nàng, rằng có một ngày tôi sẽ đi tìm gặp lại nàng.

Năm sau, khoảng cuối mùa hạ, tôi đi tới Siena. Một mùi khó ngửi ở những xưởng thuộc da bốc lên từ thung - lũng Fontebranda. Tôi không có địa-chỉ nhà nàng; và chỉ được biết tên Thánh của nàng. Nhưng thành-phố nhỏ bé và tôi hi-vọng sẽ chóng tìm lại được nàng.

Thật là thích thú khi được đi dạo trên những bờ lũy của pháo-đài. Từ đó ta có thể nhìn ngay thấy mặt biển gợn sóng và đỏ dỏ, màu đỏ lạt hoặc nâu tươi, đập mình vào những lùm cây trắc-bá (cypress) hoặc những khe nước sâu. Xa tít về phía Nam, chân trời được viền lại bởi dãy núi Maremma màu xanh lợt, và các vòm trời đều sáng và khô. Thành-phố có những chòi cao và tháp chuông nhà thờ mọc theo chiều dài dọc đỉnh đồi, và ban đêm mọi khuôn cửa sổ đều có đèn thấp sáng chùng, trông giống như một con tàu đang sửa-soạn nhỏ neo. Trên bờ lũy phía Đông là nơi khuất gió nhất, có nhiều thiếu-phụ và thiếu-nữ nhàn-tản dạo quanh. Họ đều có nhịp thở không điều-hòa nhưng cố giữ cho khỏi ho thành tiếng e sợ những người qua lại sẽ biết là họ ốm đau. Chính ở nơi đó tôi đã gặp lại Aminta vào một buổi sáng đẹp trời. Nàng mặc ít quần áo mỏng.

manh cốt để mọi người tưởng là nàng khỏe mạnh. Chúng tôi trao đổi những tia nhìn, cùng cảm thấy rằng khó mà lại nhận ra nhau, nhưng rồi mặt nàng bừng đỏ lên và bàn tay nhỏ nhắn của nàng run lên. Nàng không hỏi gì tới người bạn cũ của tôi cả. Chúng tôi đồng thỏa-thuận một cách nhanh chóng là rời ra mỗi buổi sáng chúng tôi sẽ gặp lại nhau, để nếu tiện thì cùng đi dạo quanh, và viếng thăm thành-phố của nàng. Tôi cảm thấy là nàng cần được an ủi, nên tôi đề-nghị với nàng dạo chơi về vùng quê, đi xa tới những thôn xóm khuất nẻo mà nàng sẽ dẫn đường và cho tôi biết tên. Tôi đưa nàng về nhà, trong một khu phố nhỏ hẹp và ngợp bóng tối. Trước cửa nhà nàng có một hàng hoa và tôi mua tặng nàng một bó hoa Mắc-cơ (2). Chúng tôi lại gặp nhau trong buổi sáng hôm sau, một buổi sáng chớm Thu, cơn gió lạnh đầu mùa thổi ngoài góc phố, những đám mây thấp phủ lên những ngọn tháp cao và đôi khi, chúng sà hẳn xuống che kín những công-viên.

Thỉnh thoảng mặt trời lộ mặt ra, rồi đột nhiên lại sa sầm dường như bị sương mù che khuất hẳn. Nàng trang-sức thật suề-soà, áo để hở tay và mang theo một cây dù. Tôi cảm thấy buồn lòng vì tay nàng đã bị lạnh cóng. Tôi cố kiếm một chỗ khuất để tránh gió. Nàng tỏ ra không e ngại gì cả, nhưng môi nàng đã trở màu tím ngắt. Tôi hi-vọng là mặt trời sẽ lộ ra, nhưng vô-ích. Từng đám bụi bị gió cuốn tung lên và đuổi theo chúng tôi, những đám mưa sương thì càng lúc càng nặng nề thấp xuống, và chúng tôi phải vào trú trong một quán cà-phê ở công-viên. Trong cái quán tối tăm này chẳng những thức uống đã tệ, mà còn có một đợt gió lạnh lùa

qua khung cửa không được đóng chặt. Nàng bắt đầu ho. Nàng bảo tôi là không sao cả ; nàng cố gượng vui bởi vì nàng thấy tôi quá lo lắng cho nàng. Nhưng tôi cũng thu xếp để đưa nàng trở về nhà. Người bán hoa có vài bó nguyệt - hạ - hương (3) bày trên quầy hàng. Aminta thường ưa thích loại hoa có hương nồng và tôi mua tặng nàng một bó. Người bán hoa rất lịch - sự và mời chúng tôi vào thăm vườn hoa của ông ta. Đó là một khu vườn xinh tươi đầy những hoa, và có một cây lớn chiu những chùm nho. Từ khu vườn đó, ta có thể chiêm-ngưỡng quang cảnh toàn-diện của cả kinh-thành, mãi đến tận thung-lũng Fontebranda, Mặt trời đã lại hiện ra và chói chang rọi xuống ven biển. Trời không một gợn gió. Bởi vì cuộc đi chơi đã bỏ dở nên tôi đề-nghị với Aminta là chúng tôi sẽ cùng ở lại trọn buổi sáng trong khu vườn này — nơi mà tất cả mọi vật đều sẵn lòng tiếp rước chúng tôi. Nàng ưng-thuận, nhìn tôi mà mỉm cười, nhưng tôi nhận thấy trên mặt nàng có thoáng hiện vẻ đau đớn.

Chúng tôi ngồi rất lâu ở mảnh vườn đó. Chúng tôi hái những chùm nho-xạ (4) thật lớn, ngắm nghía và nhẹ nhàng mơn trớn những bông hoa mà lát nữa người chủ vườn sẽ cho biết tên hoa. Nàng giục tôi cái duyên dáng trong thổ-ngữ của quê nàng : « *Spicciola quel fiore* » (hãy hái bông hoa này), « Có hai loại đào, *duracine e partitoie* » (đào dóc hột và đào không dóc hột (5)). « Khi nước mùa xuân ào ào đổ xuống nổi đầy bóng bọt, chúng tôi

(2) Mimosa — (3) tuberoses — (4) muscat grape.

(5) Clingstone and free peaches.

gọi là *mussante* chứ không gọi là *torbida* (có bọt chứ không phải là vẩn đục), và nàng thích thú sửa giọng nói cho tôi.

Từ phía dưới Fontebranda có tiếng la diếc tai của những con heo bị thọc tiết vọng lên cùng với tiếng cười đùa của bọn đồ-tể đột nhiên khoái chí chạy ủa ra khỏi lò heo phía bên nước để rửa những cánh tay dính đầy máu. Mặt trời chói sáng trên những tấm da căng phơi trên sân xưởng thuộc da, và làm lóng lánh mặt nước đựng trong cái thùng lớn, nơi mà các bà thợ giặt đang vừa vò quần áo vừa ca hát. Ngồi trên mảnh tường nhỏ bé, nàng trở nên nhạy cảm với độ sống chung quanh, tâm-hồn tràn ngập một mối cảm kích nồng nàn, và tôi phải bám theo nàng e sợ là nàng không đủ nghị-lực để mà tiếp nhận sự háng hái bất thần ấy.

Dường như sự chăm sóc của tôi khiến cho nàng thật sung sướng và tạm quên được căn bệnh mà nàng đang chịu đựng. Nhưng có thể là sự thật không giống như tôi mừng tượng: hơn nữa, chính nàng đã cố gượng vui, hi-vọng rằng nhờ đó mà tôi quên được là nàng đang đau ốm. Và nàng đã cố minh-chứng niềm hi-vọng đó bằng cách đưa tấm khăn tay mà nàng thường bưng lấy miệng mỗi khi nổi cơn ho để tôi lau chùi giòng nước nho ngọt lịm ứa ra khỏi miệng tôi.

Chán nản với cái tình bạn quá trong sạch của tôi, nàng quyết-định thuật cho tôi nghe chuyện đời nàng và đưa ra những dự tính cho tương-lai, làm như muốn rút được từ nơi tôi, một cách thật tàn nhẫn, chiếc hôn mà tôi chưa hề ban cho nàng, chiếc hôn mà nàng thường ao ước như

một bằng chứng cuối cùng của cuộc sống mà nàng cảm thấy sắp tàn phai.

Cha nàng đắm ra nghiện rượu sau khi bị tai-nạn trong khi làm việc và bị tàn-phế một phần thân-thể. Một đứa em trai nhỏ mới chết cách đây ít tháng. Buổi chiều ngày thẳng bé qua đời, người ta đưa tiền cho cha nàng đi mua dương-khí. Thay vì đi mua thuốc về chữa cho con, ông ta lại bỏ đi nhậu nhẹt say sưa. Và trong khi thẳng bé nằm ở trong giường, toàn thân run lên với tiếng khò khè trong cổ người hấp-hối, thì cha nàng nằm dài trên ghế *sofa* ở phòng bên, ca hát ầm ĩ và nguyên rửa không tiếc lời. Cha nàng tàn-nhân tới mức là đôi khi vì thương nàng ốm yếu, bà mẹ có làm riêng cho nàng một mẩu thịt nướng thì ông bỏ lại lè nhè: «Họ sức thịt nướng sướng chưa. Mình thì chỉ được ăn toàn hạt đậu. Chà thức ăn họ làm mới khoái khẩu làm sao!» Thế rồi Aminta biếu cha nàng miếng thịt nướng và ông ta ngồi chén rất bả hê. Rồi càng ngày bệnh của nàng càng tăng. Nàng phải dùng nhiều thứ thuốc rất cần thiết nhưng cũng rất đắt tiền, mà trong nhà thì chẳng bao giờ có lấy đủ tiền mua thức ăn cả. Muốn sống, Aminta phải dùng tới nhan-sắc của nàng, và rồi, với một ly rượu chát đái bôi, cha nàng sẵn lòng dẫn về nhà những người mà ông ta quen biết.

Nàng đã bỏ trốn với người bạn của tôi, hi-vọng là sẽ tự giải-thoát khỏi nếp sống nhục nhằn nơi gia-đình. Giờ đây thì nàng đã mất hết mọi hi-vọng. Nàng thuật truyện tôi nghe, mắt không ngừng đăm đăm nhìn vào những bước chân vang nặng của mấy người lính đang đi xuống phía dưới mảnh vườn, tới con đường

mà nàng sẽ bỏ ra đi trong một tuần lễ nữa. Nàng không muốn cho tôi biết là nàng sẽ đi đâu; nàng mơ hồ kể tới một bà di ở đâu miền Leghorn, nhưng tôi cảm thấy là nàng nói dối. Nàng hứa sẽ viết thư cho tôi. Trong một lúc dường như tôi cảm thấy vô cùng thất vọng về điều quyết-định đó của nàng. Ngoài ra tôi còn nhận thấy ở trong nàng có một tấm lòng can đảm vô bờ khiến cho tôi đâm ra tủi hổ. Nhưng tôi chẳng muốn tin. Nàng tiếp-tục lắng nghe những bước đi của toán lính.

Sau bữa đó tôi không gặp lại nàng lần nào nữa. Thành phố bị bao vây phía trong những bức tường cao giữ được tôi chăm chú học hành. Tôi chuyên cần lên lớp nghe giảng và học hỏi được nhiều. Buổi tối không có trò giải-trí gì khác hơn là đánh bạc. Ở Siena họ chơi bạc bữa bãi trong những tiệm cà-phê, trong các hội-quán, và trong các gia-đình. Càng chơi bạc người ta càng dễ cảm thấy cô đơn và đâm ra buồn bực. Rồi ngày hội hóa-trang (Carnival) tới. Một buổi tối, tôi đánh bài cứ bị thua hoài, k'ô-g phải vì gặp ngày vận sui mà chính vì tôi lơ đãng quá. Không-khí đầy khói thuốc của căn phòng khiến cho tôi mất bình-tĩnh, vừa lúc đó một anh bạn cùng lớp đứng giữa đám người châu rìa lại mỉm cười với tôi và hỏi tôi với giọng cợt đùa :

— Cậu có biết cái cô gái thường hay lui tới với cậu đã tịch rồi không ?

— Aminta ấy à — tôi hỏi lại, hi-vọng là anh ta đã làm lẫn.

— Đúng rồi, Aminta. Kỳ đấy chứ nhỉ. Em bé lại có một cái tên đực rựa.

Mặc dầu những người khác phản đối âm ỉ, tôi ngưng canh bạc và bỏ chạy ra ngoài. Tôi đi ngay tới giấy phở u sầu với những căn nhà cổ xưa. Phía trong khuôn cửa sổ phòng nàng có thấp sáng nhiều ngọn nến. Không-khí ở lối vào thật là lạnh lẽo và nồng nặc mùi thuốc sát-trùng. Tôi không có đủ can-đảm để leo lên. Gần đó mấy người đàn bà thì thảo tán gẫu và một bà khi thấy tôi đi ngang vụt nói lớn lên như muốn giữ tôi đứng lại :

— Nàng đã chết rồi — Cô gái đẹp nhất khu phố này đấy.

Đôi lúc tôi chắc mình là người ngoại cuộc tuy rằng tôi có bốn-phận phải tới thăm nàng lần chót. Buổi sáng hôm sau tôi tới. Ở cửa hàng bán hoa tôi thấy các bà trong phố góp tiền nhau làm một vòng hoa phúng-điếu. Tôi mua vài bó hoa có hương nồng mà nàng thường ưa thích. Anh hàng hoa bảo tôi là anh ta thường rất ngạc-nhiên khi thấy tôi đi chơi với cô gái ốm đuối ấy, và giờ đây tin chắc là chẳng còn bao giờ tôi tới đó mua hoa nên anh ta đòi tôi một giá đắt kinh khủng. Khi leo lên cái cầu thang lạnh lẽo và lung lay, tôi liên tưởng tới nỗi đau đớn mà nàng thường phải cam chịu mỗi khi leo về phòng như vậy. Có vài bà đứng ở đầu cầu thang nhận ra tôi và dẫn tôi vào nhà như một người thân-quyến. Một bà lão nhỏ bé nói với tôi :

— Em Aminta nhỏ nhắn đáng thương của tôi lúc nào cũng nhắc nhở tới ông.

Tôi bước vào trong phòng. Mọi vật đều đã thu xếp gọn gàng. Một quan tài đặt trên bốn chiếc ghế, nắp còn mở và có phủ một tấm màn. Những ngọn nến gần

dọc hai bên bình-thản cháy. Giường ngủ của nàng sơn màu sẫm và cứng như là đá. Căn phòng thật trơ trọi. Bà mẹ cúi xuống gần nàng và lật tấm khăn phủ lên :

— Này, hãy nói thật là con gái Amin-ta của tôi xinh đẹp lắm.

Tôi trông thấy một khuôn mặt màu đất, nghiêm trang, với một cái mồm hé mở, rồi tôi cúi xuống đặt hoa phía dưới chân nàng.

Tôi không muốn trông thấy gì hơn nữa. Tôi bỏ ra đi, lòng thật kinh hoàng. Tôi không biết mình sẽ đi đâu. Tôi đi vào phố chính đông đặc những người chững chạc đi về phía tôi. Những tử kính chứa đầy những mặt nạ bằng giấy cứng, những mặt nạ thật nghiêm-trang với những cái mồm hé mở. Đám bộ-hành thật đông, và họ ngấm nhìn tôi làm như họ đều quen biết tôi, và mỉm cười với tôi. Tôi trốn vào trong một lớp ở Viện Đại-học. Vị giáo-sư giảng bài với một giọng nói êm ái, chính xác và tự tin ; ông đang cố công giải đáp một bài toán có phương-thức thích thú. Tôi nhìn vào mặt ông ta và cảm thấy ghét giận ông, bởi vì ông đã để tất cả tâm trí vào trong cái mong muốn thuyết-phục được chúng tôi về một ý-kiến đặc-biệt của riêng ông nhằm giải đáp bài toán đó. Tôi ngấm nhìn ông ta, mơ hồ như tự một phòng bên trong sang, và tôi mỉm cười thích thú khi thấy ông ta chịu tổn công như vậy. Nếu tôi có cúi đầu xuống tập vở làm ra dáng ghi chép thì đấy chính là lúc mà tôi đang thử vẽ, một cách vui mừng đến nỗi điên lên, một khuôn mặt nghiêm-trang có cái mồm hé mở.

PHONG - NHÃ

phù dung

Sao trên rừng

Em chải tóc sầu
Làm thu cô quạnh
Hồn anh thêm lạnh
Lá rụng thay màu

Sợ buồn héo hắt
Một thoáng phù dung
Hồn anh se thắt
Nao nao cõi lòng

Tím sẫm đầy chiều
Tím qua giấc ngủ
Hồn anh cồ thụ
Dài sông tiêu điều

Ôi thời con gái
Gió thoảng bay qua
Bao nhiêu thơ đại
Xuân đi nắng tà

(Những bài tình đầu)

S. T. R.

hoài vọng

SAO TRÊN RỪNG

còn có ngày phiêu bạt nào anh sẽ trở lại hôn
ngôi nhà ngói đỏ có vườn tim non
mái dạ lan có chim câu gù vào xanh mộng寐
trưa thoảng buồn gió nhạt nắng bay thơ
em vẫn đứng bên thềm tuổi nhỏ buông tóc làm rèm
đời mồ côi anh rất thềm bóng mát
hoa lá nhỏ quanh em sẽ hát
những lời xuân hạ thu ca dịu ngọt êm đềm
em sẽ múa cho anh xem một trời nắng đẹp
em sẽ dẫn anh vào thăm từng ngăn nhà bếp
đời mồ côi hiu quạnh anh chưa từng được ăn
món những ăn tình ái chăm chút bởi những đợt lay mắng
em sẽ dẫn anh thăm lại khu vườn thời gian
những chiều xanh thềm kỷ niệm lốt băng trắng
tay nhẹ cầm tay cuộc tình hoang trở dậy
chúng mình nhìn nhau đi trở lại thiên đàng
em sẽ khoe với anh linh hồn em bày biện
vẫn mắt thủy tinh làm ướt nắng ban xưa
vẫn tóc thu làm ảo vượn mùa
vẫn trái chín môi hường xuân mới hiện
em nhớ đừng đề khu vườn tình mắt mát
dù hoa hường hoa phượng hay tàn phai
lời xuân hạ thu ca anh về anh sẽ hát
hồn anh mơ đời mồ côi không còn dài

(Những bài tình đầu)

S. T. R.

thơ tình tháng sáu

TRẦN-DẠ-TỬ

Mộng sẵn sàng rồi, lòng trong sạch đó
Em ngồi đây coi dùm anh giấc ngủ
Chiều hôm nay, trời sức nức hương thơm
Lá biết dong chơi, cây biết giận hờn
Hoa biết khóc và bướm vàng biết đỗ

Đôi cánh ăn năn dịu dàng khẽ vỗ.

Bấy nhiêu thơ từng ấy lượt đi về
Tóc đã dài thu hẹp trán say mê
Thân đã đuổi quá xa tầm vóc cũ
Em ngồi lại coi dùm anh chút nữa
Ôi những ngày không viết một bài thơ
Bao nhiêu đêm nằm với ngực mơ hồ
Bao nhiêu sáng dậy nghe đời xế lụn.

Vâng lòng tôi đây, đại khờ bé bỏng
Bấy nhiêu ngày, ăn chữa hết cô đơn
Bấy nhiêu thơ, không nói, đề trong hồn
Bấy nhiêu đó không ai nhìn thấu cả.

Em ngồi đây, ngồi sát nữa, người thương

Kìa những ngày thơ rụng đỏ chân tường
Em vẫn sống như những chiều bãi biển
Anh vẫn đẹp như những giờ em đến
Thơ có đầy vơi vẫn đủ nuôi sầu
Tay có khô mình vẫn vuốt ve nhau
Xếp dùm trán, hôn dùm môi, và hát

Nỗi vui đó anh chờ em sắp đặt.

Huế, 58

T. D. T.



VÔ-PHIỂN

những buổi mai đẹp

TRUYỆN 4 KỲ

(xin xem B. K. từ số 111)

Bốn năm sau, bây giờ nằm bên cạnh Quỳnh đã thành ra vợ mình, chàng chợt sững sờ trước sự đổi thay hiện ra đột ngột. Trong cái đêm ở cù lao Phương-hải chưa có ai nói với ai một lời, cũng không hề trông thấy nhau, không nghe một tiếng nào của nhau, chỉ có mình chàng nằm bên cạnh một người bạn trai ngủ say giữa gió lộng cuồng đại quanh nhà, thế mà chàng với Quỳnh đã gần gũi biết bao nhiêu. Còn bây giờ, hai người gần sát bên nhau, nhưng chàng âm thầm lo nghĩ, còn Quỳnh thì... (Hữu trở mình nhẹ nhàng nhìn vợ)

có lẽ nàng đang ngủ. Mà dù có thức, có không giận hờn, nàng cũng không tham dự được vào những lo nghĩ âm ỉ triền miên của chàng. Con đường đi về nghĩa địa mỗi ngày một hẹp lại, chỉ có một mình chàng run sợ, linh cảm biết nó đưa tới đâu, và chỉ có chàng đi một mình.

Trong cái đêm ở cù lao Phương - hải chàng thích ra ngồi dưới chân một ngọn đèn pha trong đêm khuya không ai hay biết. Vậy mà chàng không hề cô độc, chàng cảm thấy tự mình đủ sáng lên trong đêm tối.

Còn bây giờ, ngay những lúc ngồi giữa cái hoạt động của các bạn đồng nghiệp ở công sở, nhìn người này người nọ lảng xảng, lúc ngồi nói chuyện với ông Năm Thành đang mừng rỡ tíu tít, lúc sống bên cạnh vợ con, thỉnh thoảng chàng lại chợt thấy mình lạc ra, rơi lại một mình, không theo kịp nhịp sinh hoạt, không theo kịp cái vui của họ, câu chuyện đang hăng của họ... và chàng cô độc ngay giữa mọi người, kể cả những người thân thiết.

Hữu nghĩ đến nhân vật trong cuốn *Người lữ hành cô độc* của Perry Burgess, một người bị bệnh hải sống lẻ loi nhưng ngày đơn chiếc khủng-khiếp ngay giữa năm triệu người của thành phố Nữu-Uớc. Nhưng đó chỉ mới là cái cô độc của một người không được tiếp xúc với đồng loại, của người ở bên trong cửa phòng nghe náo nức cuộc sống ồn ào bên ngoài; chàng này Hữu sống cái cô độc trong khi vẫn tiếp xúc với mọi người. Kể kia còn mong vượt được cửa phòng tù túng ngăn cách, chàng lại không còn cách nào trở về gia nhập vào cuộc sống cũ nữa sao? Những kẻ thân thiết của chàng hãy còn đây. Chàng không còn có thể gần họ được nữa sao? Không thể đánh thức dậy tình thân kháng khí giữa họ với chàng một lần nữa sao?

Hữu xôn xao cả người. Chàng nhồm mình ngồi dậy. Chàng quay đầu nhìn, và mắt đã quen với bóng tối khiến chàng có thể trông thấy mờ mờ nét mặt Quỳnh. Về hướng bình hàn học không còn nữa, đây chính là nguồn vui của chàng cách đây mới bốn năm. Chàng nhớ lại những ngày hai người yêu nhau, nhớ cái nhà nhỏ lợp nửa tôn nửa tranh trên ngọn đồi ngoài hải đảo, nhớ ông Tư Ngang vui vẻ lúc

nào cũng tin tưởng ở « người An-Nam mình » (bởi vì chính ông cũng chỉ là một cơ khí viên *An-Nam* hai mươi ba năm trong thời Pháp thuộc, thế mà lúc Tây về rồi, có thể làm một quản đặng trưởng xứng đáng), ông Tư Ngang ngày nay đã thành cha vợ chàng, chàng nhớ người dì ghẻ của Quỳnh mà chàng đã bắt chước Quỳnh gọi là chị, không hiểu thói quen bắt đầu từ đâu, người dì ghẻ rất ham nói chuyện và luôn luôn mơ ước được xem hát cải lương (điều rất khó thỏa mãn, bởi vì quanh năm gia đình ông Tư Ngang rất hiếm khi có dịp rời ngọn đèn pha vào ban đêm)... Hữu đột nhiên thấy yêu mến tất cả cái cảnh sống ở đó, tất cả những người ấy, yêu tha thiết như là lâu nay chàng đã quên lãng một cách bất công.

Nhìn Quỳnh chàng thấy mình vô lý, lấy làm tiếc về những sự ngờ vực hàn học của mình: người con gái đang nằm đó vẫn là người đã sống với chàng những giờ rung động êm thú ở Phương-Hải, và nhất định ngày nay vẫn còn tha thiết với kỷ niệm ấy. Nàng đang đưa cánh tay làm gối cho đứa con kê đầu ngủ, mặt nghiêng nghiêng, nàng thõ lên mái tóc của đứa con. Hữu có cảm tưởng nàng không thể quan niệm có cái hạnh phúc nào ngoài hạnh phúc do tình yêu của chàng đem đến, hạnh phúc cùng hưởng trong cuộc sống với chồng con. Chắc hẳn những ngờ vực của chàng đều « bệnh hoạn » cả, những ngờ vực gây ra sự bức bối phiền hà trong gia đình thật đáng trách. Quỳnh đã phải khổ sở nhiều, thật là tội nghiệp.

Hữu cúi xuống, nhưng bỗng chàng ngập ngừng; cử chỉ âu yếm không hướng về người vợ, mà hướng sang đứa con. Chàng



CLICHÉ DAU

xoa bàn tay lên mông nó, rồi luồn thẳng lên lưng, xòe ra, ôm lấy cái lưng nhỏ bé của nó, vuốt nựng. Đứa con cựa mình, nằm ngửa ra. Chàng rút tay, vỗ nhẹ nhẹ lên đùi con. Vợ chàng giật mình, đưa một tay lên ôm con, chạm phải bàn tay chàng.

Hữu thấy vợ ngừng tay lại một chút, rồi đặt tránh sang phía khác, im lặng như đã ngủ lại. Tuy thế chàng kêu: « Quỳnh ! »

Người vợ không có một cử động gì. Nhưng Hữu cảm thấy vợ đã thoát hẳn ra khỏi giấc ngủ ; có lẽ nàng đang nhớ lại cơn giận hồi đầu hôm, cũng có lẽ nàng đã hiểu ý định của chồng.

Một phút yên lặng trôi qua, vừa đủ cho sự lưỡng lự của người vợ. Rồi chàng ngoảnh mặt trông ra ngoài rạch, nói :

— Tháng sau anh xin nghỉ, chúng ta về thăm nhà ít ngày.

Quỳnh mở mắt nhìn chồng. Chàng nói tiếp :

— Phải về nội tháng này hay tháng tới, không thì bước qua mùa mưa, về mất vui.

Quỳnh nhòm mình đỡ đầu đứa con đặt lên gối, rút cánh tay ra, ngồi hẳn dậy. Trong giọng nói của chồng, nàng đã thấy có điều khác thường ; nàng ngồi bên chồng, vẫn chưa biết nói gì. Chàng không quay lại :

— Mình về chuyến này, nếu may gặp đoàn ca kịch nào diễn ở Qui-Nhơn, thế nào cũng đưa chị Tám đi coi liên tiếp hai ba đêm « cho đã đời ».

Quỳnh bật cười :

— Coi gì mà coi dữ vậy ? rồi ai giữ đèn cho ?

— Em đi với chị Tám và con Nga, thằng Lưu. Anh ở nhà với cha...

Dừng lại một lát, chàng tiếp ngay :

— Chị Tám mà được đi xem cải lương thì dù khuya về có gặp ba con « bêu » ra chặn đường một lượt chị cũng không gớm đâu.

Hai vợ chồng cùng cười. Hôm đầu tiên mới làm quen với gia đình Quỳnh, Hữu được chị Tám — dì ghẻ Quỳnh — kể cho nghe chuyện beo bắt gà. Chị kể rằng nhà nuôi hơn một trăm mái gà mà rồi mới bốn tháng sau chỉ còn lại sáu mái với vài chục gà con chưa lú đuôi tôm. Còn bao nhiêu đều bị trăn nuốt, chồn ngậm, các-ca và beo bắt ăn cả. Chị Tám ham nói chuyện, thèm nói chuyện, vì ở nơi mồm đôi giữa hải đảo ấy ít khi có dịp gặp một người khách để người đàn bà kể lể con cà con kê « cho đã đời ». Vì có mặc cảm tự cho là quê kệch, cho nên trong khi nói chuyện với khách chị Tám sửa đổi giọng nói, mất hẳn tự nhiên : « con beo » chị sửa thế nào mà nghe giống như « con bêu ». Hôm ấy chị trợn mắt hoa tay thuật lại cái chuyện khủng khiếp chị gặp « bêu » bắt gà chạy ngang qua sát bên chân chị. Về sau, đã thân nhau, Hữu nhắc lại với Quỳnh cảm tưởng của mình về cuộc tiếp xúc đầu tiên với gia đình nàng, cả hai cùng thú về « con bêu » của chị Tám.

Thấy chồng tự nhiên muốn về thăm nhà, tự nhiên nhớ đến tính nết mỗi người trong gia đình nàng, nhớ lại kỷ niệm của

những ngày gặp gỡ đầu tiên, Quỳnh lấy làm cảm động. Gần đây, thường ngày nàng vẫn thất vọng khổ sở thấy chồng như mỗi ngày một khô khan, lãnh đạm ; đối với người đàn bà không có gì đáng lo sợ đau khổ bằng thấy rằng thời kỳ yêu đương nồng nhiệt đã qua rồi. Vì thế chỉ vài câu nói làm sống lại buổi đầu của tình yêu, Hữu đã làm nàng xúc động.

Quỳnh không hiểu tại sao nửa đêm chồng nàng lại thức dậy, ngồi nhớ về ba bốn năm trước ; nhưng nàng không muốn hỏi, vì có cảm tưởng một câu tra-vấn như thế sẽ đánh tan mất không khí cảm động thân mật.

Trong lúc ấy câu chuyện « con bêu » của chị Tám làm cho Hữu nghĩ đến cảnh sống quanh quẩn của gia đình phía vợ, ở trên một mỏm đồi cao chơ vơ, nơi đó vừa người vừa vật góp lại không đến ba mươi mạng, quanh đi quẩn lại gặp nhau luôn, đến nỗi họ biết rõ hết tính nết và thói quen của nhau ; chị Tám biết cặp vợ chồng trăn có bao nhiêu con, con « bêu » gan lì thế nào, con các-ca sáng ăn ở đâu, tối ngủ ở đâu v. v... và chắc con « bêu » cũng không lạ gì từng người trong gia đình ông Tư Ngang. Chàng thấy cảnh sống ấy vừa tội nghiệp vừa ngộ nghĩnh thích thú. Và tất cả những điều đó như làm cho mối tình giữa chàng với Quỳnh thêm một vẻ đẹp riêng mà chàng mới nhận thấy. Cách xa bốn năm, chàng ngoảnh lại ngắm nghía, với một nụ cười vừa hòa dịu vừa quyến luyến cảm động trên môi, không ngờ rằng tình yêu của mình cũng có những nét hay ho độc đáo như thế. Chàng như một người lâu ngày không có thì giờ ngó ngang tới đứa con, bỗng một hôm

rảnh rồi, thấy vợ mặc cho con nhỏ bộ quần áo mới, và vui vẻ chợt nhận ra con mình trông xinh đáo-đẻ.

Chàng nhớ lại những buổi bơi thuyền dọc theo mép gành, cạy những con sao-sao, vỏ-nàng đem về xúm xít ăn cả nhà, những hôm tắm bể...

Chàng chợt hỏi :

— Em còn nhớ tên thứ cá gì nhỏ và đỏ xanh, đẹp lắm đấy không ?

— Cá gì đỏ xanh mà lại chẳng đẹp ? Nhưng ở đâu mà bảo em nhớ ?

Chàng lấy ngón tay búng vào vành tai vợ :

— Ở bên phía bãi Cây Tra, chỗ mình thường hay tắm đó.

— À, cá miêng-bát.

— Cái giống cá hay quá, mình ngồi tắm nó cứ bơi quanh quần lẫn tăn xung quanh. Anh chưa thấy ở bãi bể nào mà người tắm được gần cá như ở bãi ấy, thích lạ.

Quỳnh cười :

— Gần nhất là cá bống-nhảy.

Hữu lại búng vào vành tai vợ một cái nữa. Quỳnh nũng nịu nhích sát lại gần chồng. Cá bống - nhảy là những con cá xấu xí, giống như con thằn lằn, bám lúc-nhúc xung quanh chân đá, gần mép nước. Hữu trông thấy chúng góm và sợ như đàn bà sợ sâu. Một hôm mọi người đang đi dọc theo mép nước, chàng dậm phải một con cá bống-nhảy, hoảng-hốt hét lên, nhảy lò cò suýt chụp vào vai chị Tám. Quỳnh đi bên cạnh cố nhịn cười nhưng trông thấy chàng cứ liếc mắt nhìn trộm mình mấy lần có vẻ lo lắng, nàng bật cười, và họ cùng cười với nhau lần đầu.

Nghe vợ nói đến cá bống-nhảy, Hữu đã biết là nàng đang nghĩ đến đâu. Chàng nói :

— Thế nào mình cũng về trước mùa mưa để tắm biển.

Trong câu nói ấy, hai vợ chồng đều hiểu cái nghĩa : giữa chúng mình đâu phải không còn ái tình ? hãy làm sống lại mối tình của chúng mình đi !

Quỳnh nghiêng sát gần dựa vào vai chồng. Hữu im lặng trông ra ngọn đèn gương lay động nhẹ nhàng trên chiếc ghe neo ngoài rạch. Một hồi lâu đầu Quỳnh mỗi lúc một áp nặng vào vai chàng. Bỗng bên tai chàng tiếng Quỳnh cất lên nói : « Em tức anh lắm... Có chuyện gì không vừa lòng thì anh nói cho em biết chứ. Bây giờ mỗi ngày anh mỗi khó tính, anh không biết sự khổ tâm của em. Nhiều lúc em không hiểu tại sao anh như thế ; cách anh nhìn em, giọng anh nói với em làm em phát sợ... Em ngờ là anh đang nuôi những ý định gì quái gở. Sao có gì anh không nói thẳng với em ? »...

Giọng nói của Quỳnh đặc lại, và nghẹn. Nàng không nói nữa và bắt đầu khóc sục-sịt. Hữu yên lặng như đã chờ đợi tiếng khóc của vợ từ trước.

Chàng quàng tay ra sau, ôm ngang mình vợ. Cử chỉ âu yếm ấy thoát tiên đem lại sự an ủi cho chính chàng. « Mình đâu có đơn chiếc. Còn gì thân thiết đầm ấm hơn thế này nữa ? Dù có phải đi đến đâu ta cũng có nàng bên cạnh. Nàng chỉ tìm thấy sung sướng bên ta. Tại sao ta vội mất hy vọng, bối rối, sợ hãi... như chỉ còn có mình mình đối diện với cái chết ? ». Bàn tay chàng xoa nhẹ trên lưng

người vợ dọc theo xương sống, xoa dịu dàng như người ta dỗ dành một đứa trẻ con. Quỳnh im lặng một lúc, lắng nghe cảm giác mơn trớn yên ủi trên lưng mình ; dần dần nàng nguôi hết uất ức, lòng sung sướng dạt dào nàng lại bắt đầu nói tiếp, phân trần, trách móc, bắt chàng hứa hẹn v. v. v.

Hữu vẫn xoa nhẹ bàn tay trên làn áo mỏng, ngồi yên, không chú ý nghe những lời vợ nói, và tự hỏi không biết cái cảm tưởng êm đềm sung sướng mỗi lúc mỗi tăng nơi mình là do giọng nói dịu dàng của vợ bên tai hay chính là do cử chỉ của bàn tay chàng như đang xoa trong một giấc mơ...

Sự vui sướng làm tỉnh táo cả người và lại thao thức âm ỉ trong lòng Hữu rất lâu. Mãi đến khi vợ chồng nằm xuống một hồi lâu, Hữu nghe tiếng vợ thở đều đặn như có lẽ đã ngủ lại rồi, chàng vẫn còn thức. Chợt chàng tự bắt gặp mình đưa tay lên vuốt qua mặt và ngừng lại trên má, tần ngần kẹp một chút da giữa ngón trỏ và ngón cái, mân mê. Cũng như mọi lần trước, chàng không thể nào rời bỏ miếng da mềm nhèo trên má mình trước khi lưu ý đến ý nghĩa báo động của nó. Chàng kéo nhằng nó ra, bóp, nắn, để thấy rõ cái cảm giác nhều nhèo dưới ngón tay, như có một ma lực quái gỡ bắt chàng tự hành hạ mình, chà xát ngay vào chỗ đau và thương thức sự đau khổ của mình. Đang vui, bỗng bàn tay chạm vào mặt, và chàng tưởng như là hơi thở lạnh lẽo của tử-thần vừa tạt vào khuôn mặt hơn hở của mình.

Hữu thở dài, tưởng nghe tiếng trống ngực mình đập rõ mồn một, lẻ loi. Chàng có cảm tưởng mình lúc nào cũng đứng mấp

mé bên một hố sâu, và mỗi động chạm vào xác thịt mình đều đánh thức sự lo hãi, đều như là một luồng gió lạnh làm chàng ghê ghê, rợn người, nghĩ đến cái vực thẳm cô đơn ngay dưới chân. Bàn tay thật tai hại !

*
* *

Sáng hôm sau, hai vợ chồng đều thức dậy muộn. Hơn bảy giờ rưỡi chàng mới mở mắt, vén màn, ngồi dậy. Chàng rón rén để cho vợ ngủ yên. Nhưng Quỳnh thấy động đã giật mình. Nàng vừa gỡ bàn tay của đứa con đang ôm lấy cổ mình vừa nói : « Buông ra cho má còn dậy chứ. Trưa rồi ». Hữu bảo : « Bằng nhỏ tẻ quá, sáng nay nó *buông* má nó ra chậm hơn mọi hôm gần một giờ mà không hay ».

Quỳnh ngó chàng, hai người cười xòa. Họ tưởng còn giữ nguyên cái tâm trạng sung sướng thân mật của lúc chuyện trò hồi đêm khuya, mang y nguyên sự sung sướng ấy trong lòng, vừa nhắm mắt lại một chút, rồi chợt mở mắt cùng nhau ủa ra ánh sáng. Hữu quên mất những cảm tưởng lúc tay chàng chạm vào má mình.

Buổi sớm không có một chút gió. Các cây dừa nước đứng im, không lay động một cái lá con. Ánh mặt trời sáng lóa trên mặt nước ngoài rạch, sáng trên những chiếc lá dừa dài. Chiếc thuyền nho nhỏ vẫn neo bên gốc một cây dừa nước, ngọn đèn gương đã tắt từ lúc nào, treo lủng lẳng phía trước mũi ghe, bên cạnh một cái chum sành to tướng. Trông chiếc ghe và chiếc đèn con, Hữu có cái cảm tưởng giống như một người đã cùng tình nhân hẹn hò gặp gỡ và tình tự trong một đêm trăng — giữa khung cảnh đó tất cả mọi

rung động xôn xao hồi hộp thiết tha của người ấy đều liên hệ, chan hòa với ánh trăng huyền ảo — bỗng sáng hôm sau, sau khi xa nhau, người ấy tỉnh cò trông thấy mặt trăng vẫn còn, một mảnh trăng khuyết mỏng dính, lạt thếch giữa trời, lơ trên, vô nghĩa, lơ lảo, như mắc cạn lại giữa cái náo nhiệt tung bừng của ban ngày. Ngoài rạch, giữa nước sáng, cây xanh, lá xanh, giữa cái nắng rực rỡ của buổi mai, chiếc ghe và chiếc đèn gương con trông đen nhóp, bần thiu, vô vị. Mang y nguyên sự sùng sượng đêm qua trong lòng, chàng vừa nhắm mắt lại một chút rồi chợt mở mắt ra, và tưởng như chính niềm sung sướng của chàng đang bỡ ngỡ trước cảnh mới.

Lấy cớ là chủ nhật và chàng vừa khỏi bệnh, Quỳnh đề nghị thay thế bữa cơm bằng một bữa ăn gì « khác khác ». Thu và nàng bàn tán. Cuối cùng họ chọn bánh hỏi. Quỳnh quay lại hỏi ý kiến chàng, chàng gật đầu ngay. Biết cái cớ thực của bữa ăn « khác khác » này không phải là chủ nhật, cũng không phải là vì mình hết bệnh, chàng mỉm cười vu vơ. Trong lúc ấy Thu — cô con gái — ngờ vực trước sự vui vẻ của người dì ghẻ, đang thử dò đoán cái lý do khiến hai vợ chồng chàng đột ngột hòa thuận sau một đêm vừa qua. Nhưng lúc yên lặng kín đáo như thế, trông Thu già dặn hơn Quỳnh. Hữu lại nhận thấy để con gái lớn sống chung trong gia đình với người cha có vợ trẻ không phải chỉ bất-tiện những khi bất hòa mà thôi.

Quỳnh đi chợ rồi Hữu bước ra ngoài hiên. Ông Hai mặc áo thun và cái quần đùi dài quá gối, vừa ra tận chỗ gánh phở ngoài đường một tay bưng tô phở, một

tay cầm đũa lom khom đi vào nhà, chợt trông thấy chàng, bíp mắt lại cười hề-hề, hỏi thăm vui vẻ :

— Khỏi rồi đấy hả ? Hôm nay coi bộ anh tươi lên nhiều chớ.

Chị Tám đang quét, đưa mạnh một nhát chổi rồi ngẩng lên nhìn chàng. Hữu nghĩ : nhìn một người tươi nhiều ! Ý nghĩ tuy mỉa mai nhưng cũng làm chàng phấn khởi. Ông Hai chỉ đôi đũa về phía gánh phở. Hữu cười, ra dấu cho người bán làm một tô.

Lúc bưng tô ra trả, lại gặp chàng, ông Hai hỏi :

— Phở anh này khá đó chớ, phải không ? Sáng chủ nhật thầy có tính đi chơi đâu không ?

— Có chớ.

— Đi đâu ?

Chàng ngập ngừng :

— Để rồi coi. Cũng chưa biết...

Ông Hai phá lên cười, bàn tay mặt dơ lên ngang tai làm dấu xô ra :

— Hồi vậy chớ tôi có định đi theo đâu mà dấu ! Tôi già rồi, theo mấy thầy sao nổi ?

Ông Hai lại cười hề hề. Chị Tám lại ngó ra về phía chàng, nhưng cái nhìn không lên đến quá gối chỉ quét ngang phía dưới chân chàng.

Trở vào nhà, chàng ngẫm nghĩ : « Ừ, sao lại không đi ? Trời sáng sủa đẹp thế này ! » Chàng đứng giữa cửa, xoay mặt ra, hít vào thở ra thật mạnh mấy cái, khoan khoái, cảm thấy mình khỏe hẳn thực. Chàng thay đồ, ra đi.

Hữu đi qua cầu Thị-Nghè, ngừng lại, bước xuống bờ sông, đứng xem mấy người câu cá một lát. Đứng ở chỗ không có bóng cây, nắng chiếu vào vai, vào gáy hơi gắt, một ít mồ hôi đã rướm ở chân tóc, nắng đập vào màng tang. Hữu quay đi, nhưng không biết đi đâu. Vài chỗ bạn bè thì ở hơi xa, vả lại không hẹn trước, chưa chắc tới lúc này có thể gặp họ ở nhà. Nghĩ đến chuyện mất công đi xa như thế mà không kết quả chàng đã thấy chán nản. Chàng lưỡng lự, nhận thấy quả thực mình không tìm ra một chỗ để đi chơi! Ông Hai không tin là có thể như thế; thật thảm hại. Đã lâu không hay chơi bời, kết bè kết bạn nữa, bây giờ chàng mới sực thấy là mình đã dứt mất hết liên lạc với những chỗ giao du cũ.

Cuối cùng chàng đi vào thảo cầm viên bằng lối ngõ sau. Không khí đột nhiên mát rượi. Hữu cho cả hai tay vào túi quần bước giữa những hàng cây to lớn, tàn che rợp cả những khoảng đường nhựa rộng. Một đám đông xúm xít trước chuồng voi; người đi lao xao khắp nơi; một thiếu phụ Tàu cao, thân hình nở nang thật đẹp, mặc áo và váy trắng toát, bước thong thả, tay dắt đứa con trai chừng bốn tuổi có cái bong bóng cao su màu vàng bay theo ngang đầu buộc bằng một sợi chỉ nhỏ vào cúc áo; hai vị linh mục một đã già một chừng trên dưới ba mươi tuổi, đẹp trai, đeo kính trắng, đi vòng xung quanh chuồng chim yến, ngắm xem một cách chăm chỉ; một người có vẻ là công chức đã đứng tuổi đứng bên một cái ghế bằng xi-măng cạnh chuồng nai, rút trong túi quần ra một tờ giấy lộn lau những giọt nước trên ghế thực kỹ lưỡng, rồi ngồi xuống ghế, ngẩng mặt nhìn mọi người qua lại... Hữu cũng tìm đến một

cái ghế xi măng bên một góc cây bàng, ngồi nghỉ chân. Chàng ngửa đầu dựa vào thành ghế, nghe tiếng máy thu thanh của quán nước gần chuồng khỉ phát ra một điệu cổ nhạc miền Nam, tiếng vượn hú, lơ đãng trông con cò bay thấp thoảng trên những tàn cây cao về phía bờ sông.. Như thế cho đến khi cảm giác mát lạnh ngấm dần vào người khiến chàng giật mình đứng dậy. Chàng nắn tay lại, các ngón tay chạm vào lòng bàn tay lạnh ngắt, chàng xoè ra nhìn: màu da tay trắng tái đi, móng tay hơi tím-tím. Chàng lo sợ, đi gấp về nhà.

Nhà chỉ còn có Thu, cô con gái. Quê đi chơi. Vợ chàng đi chợ về xong lại trở ra phố mua thêm mấy tắc vãi. Thu ru em trên võng ở buồng trong,

Hữu thay đồ, lại giường nằm, kéo mền ra đắp kín chân. Chàng hy vọng rằng lần này chàng qua khỏi: bệnh chàng cứ trở chứng như thế là thường, có khi vì một cơn cơn con, một cơn xuất nhỏ nhất (bị luồng gió lạnh, bị một tia nắng chiếu vào gáy, bị mất ngủ một đêm...) cũng có khi không vì có gì cả nó lại phát ra hành hạ chàng. Những lần như vậy có thể là mở đầu cho một cơn bệnh nặng nề kéo dài ra nhiều ngày, nhưng cũng có thể là một báo hiệu vu vơ, một báo động lầm, chỉ là một khó chịu thoáng qua rồi thôi.

Lúc thức, Hữu quen nằm úp xuống nệm, ôm một cái gối mềm dưới ngực, gằn chỗ cổ, ngẩng đầu lên. Nhà vắng vẻ. Thu nằm trên võng quặt một tay lên đầu vuốt từng sợi tóc, nghĩ xa xôi. Tiếng võng kêu chậm rãi, biếng nhác. Ngoài hiên, áo quần mới giặt xong phơi

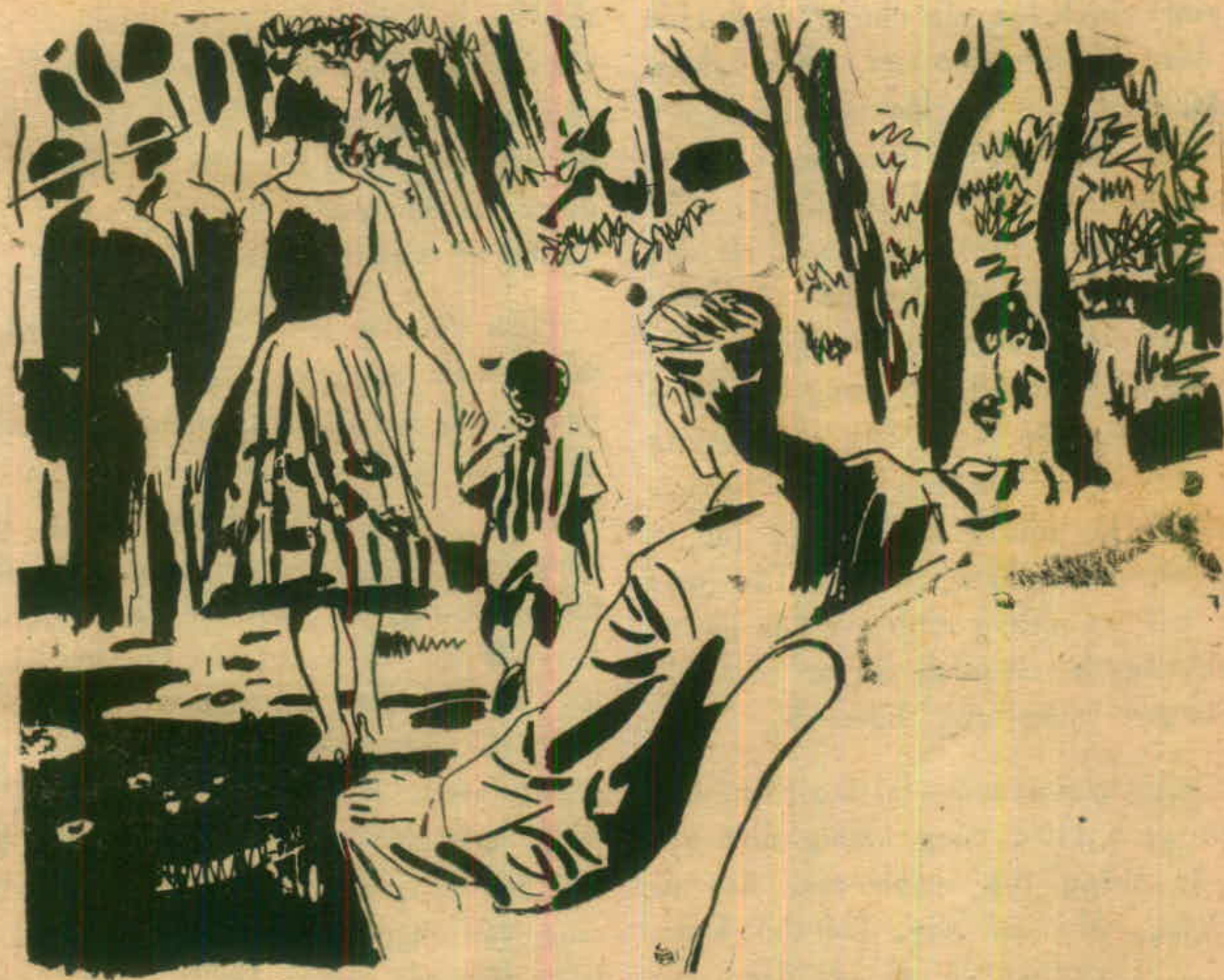
trên một sợi dây thép, giảng dọc theo tường nhà, từ trước ra sau. Nước rạch dưới nhà sàn phản chiếu ánh sáng chạy loáng-thoáng trên những áo quần trắng tinh. Cách nhà chừng bốn mươi thước có cái cầu gỗ, mỗi lần có người dắt xe đạp đi qua tiếng những thanh gỗ long đinh nháy rầm-rập cách cách một lúc lâu, đưa người và xe từ bên này qua tới bên kia cầu ..

Buổi mai hây còn mát, trong không khí phảng phất mùi nước, mùi lá ướt, say sưa. Hữu nằm ngảng đầu với chiếc gối mềm dưới ngực, trông ánh sáng loang loáng trên áo trắng trước hiên, nghe tiếng cầu ván khua, tiếng văng khoan thai trong gian nhà vắng mát mẻ ... lòng nao nức như một cậu học trò thời thái bình lơ đãng,

ngồi trong lớp nghe tiếng đoàn lính đông đảo đi tập về khua rào rào giày đinh rộn rã trên con đường ngoài cửa trường mà thêm ước được trốn ra nhập bọn với lũ trẻ hàng phố chạy theo bên cạnh những anh lính kèn.

Đồng thời Hữu cũng lắng nghe cảm giác ớn lạnh ngấm dọc xương sống, theo dõi cơn bệnh tiến tới xâm chiếm lần từng đốt xương của mình.

Như một cậu học trò nhác nhớn cảm thấy tù-túng trong lớp học giữa buổi mai tung bùng, ngồi lơ đãng mơ tưởng những cuộc chơi ngoài phố, Hữu nằm ấp chiếc gối mềm dưới ngực, mơ tưởng vẩn vơ và tình cờ nhớ lại một buổi sáng chủ nhật nào đó, đã lâu, chàng ngồi ở một quán



bình dân trước chợ Cầu Ông Lãnh ăn thử mấy món ăn kiểu Trung nam : năm ba cái bánh cống, cuốn với lá rau chiết chát chát, lá rau cần, rau diếp cá v.v..., với mít luộc. Chàng uống la-ve, ngồi bên cạnh những người phu xích lô ngồi ăn đội nguyên cả mũ nĩ sụp sụp, trộn tô hủ tiếu bằng đôi đũa cầm rất vụng về. Trước mặt chàng cục nước đá bốc hơi, nhiều giọt nước lạnh đọng lấm tấm xung quanh ly cà-phê ngon lành. Máy thu thanh trong quán cũng hát xông-xông một điệu cổ nhạc (như sáng nay trong sở thú) một bài xàng xê toàn giọng hiểu nghĩa trung hậu chí tình. Cuộc đời thật là ngoan ngoãn như không bao giờ tiên liệu nổi một cuộc đảo điên.

Trước mặt chàng, dọc theo bên kia con đường bên Chương-Dương, các cửa hàng của người chệch lộn xộn những đồ đạc lổn ngổn lảng ngảng : dao cưa, thùng thiếc, xích sắt, chảo gang, lẫn lộn với những con heo đất màu đỏ, những áo sơ mi, đèn pin, cao đơn hoàn tán v.v... Xe ba-gát, xích-lô, xe « poa-lua » chở hàng hóa,... cái đậu cái chạy chật đường. Sự lộn xộn luộm thuộm ấy dưới nắng rực rỡ bày ra một cảnh sống xô bồ mạnh mẽ, trong đó những ông cụ già lập bập đi lẫn bên cạnh những người phu khuân vác than củi lực lưỡng, ở trần, để lộ những bắp thịt gồ ghề to tướng, bên cạnh những cô gái Tàu mặc áo cộc bày ra những cánh tay nõn nà và quần chật ống bó sát mình rêu rao một sinh lực kêu gọi trong từng bước đi.

Buổi sáng chủ nhật ấy tại sao chàng đến đó làm gì ? Hữu cũng không nhớ rõ. Ngày ấy chàng còn mạnh mẽ, hay đi lảng nhãng, khi chỗ này, khi chỗ khác, nhiều lúc không có cơ gì xác đáng. Có

những buổi mai chàng hụt một cuộc hẹn hò, đi bậy ra ngồi quán nước như thế, và chàng cho là những giờ vô vị nhất, những buổi mai mất đi, những buổi mai « lỗ », những quãng thời gian trống rỗng.

Nhưng bây giờ đau ốm, nằm nhìn ra bóng nước phản chiếu ánh sáng chạy loáng nhoáng trên mái quần áo ướt phơi ngoài hiên, chàng đâm tiếc nhớ cuộc sống bừa bãi như thế, những giờ mất đi giữa những quang cảnh hỗn tạp như thế. Chàng nhớ lại cảnh xe cộ bán buôn lộn xộn ở bến Chương - Dương, nhớ những đồng củi đồng than to tướng, những đồng dưa hấu, đồng bí, đồng khóm xông lên cái mùi mạnh mẽ của trái cây tươi, nhớ lại sự nhộp nhúa trong chợ Cầu-Ông-Lãnh với nước giậm xùm-xụp dưới chân, tự nhiên chàng thấy có cái say-sưa trong hình ảnh một cảnh sống mãnh liệt. Bây giờ có lẽ nếu có dẫn xác lẫn mò tới chỗ cũ chàng không thể chịu đựng nổi tiếng ồn ào, không chịu được các thứ mùi và sự dơ bẩn ở đó nữa. Chàng tự thương hại mình.

Hữu vùi đầu hai bàn tay dưới cái gối mềm trước ngực cho ấm. Một lúc sau, ngẩng đầu mãi đã mỏi, chàng gục xuống, đẩy chiếc gối lên, nghiêng mặt áp một bên má lên gối. Ở buồng trong, tiếng văng của Thu vẫn đưa thông thả, thỉnh thoảng ngừng tắt một lúc, như quên đi vì lơ đãng. Chiếc cầu ván lâu lâu lại kêu lên rập rập đưa một người từ bên này sang tới bên kia. Và một mình trong phòng vắng, Hữu áp mặt trên chiếc gối mềm, nằm tiếp tục nghĩ đến những buổi mai đẹp đã qua. Chàng chợt nhớ tới buổi sáng gặp ông Năm Thành, tới bàn tay trắng trẻo của người đàn bà đặt trên vành

tay lái chiếc xe Mercédès, đến những chiếc lá sao rơi trên đường nhựa rộng, đến tiếng đàn chàng nghe khi ngồi trong chiếc ghế ở kho chứa đồ của sở .. Tiếng đàn sáng hôm ấy, lúc chàng ngồi cô đơn không ai hay biết, vào một buổi mai rực rỡ. Chao ôi, những buổi mai rực rỡ, với những tiếng động rộn rã, vô nghĩa, mà có thể đột nhiên kích động niềm vui bất ngờ của chàng : chàng nghĩ tới cái tiếng nắp thùng bằng sắt đóng xuống hộp thư ở một góc phố hôm ấy, tưởng như chính nó đã phát động tức khắc cơn vui của chàng. Chàng nghĩ tới buổi mai, tới cơn vui, và tai chàng chợt như vừa nghe thấy đâu đó có tiếng nắp sắt đập xuống một cái thùng thư.

Chàng giật mình ngẩng đầu lên. Quỳnh đã bước vào khỏi cửa, vui vẻ :

— Anh về lâu chưa? Em không đem bạc theo nhiều, lúc đi chợ về ngang qua phố thấy có thứ vải khéo quá, em về lấy tiền trở ra mua may cho thằng Hành. Anh coi.. Ờ, sao anh lại đắp mền?

Nàng đặt gói vải xuống trước mặt chàng rồi khoác mền ra, bóp bàn chân chàng, thấy lạnh ngắt. Nàng kêu lên :

— Khổ quá ! anh của em lại lạnh chân rồi ! Có sao không ?

— Không sao. Nhưng có cái phải trùm mền. Em phủ lại cho kín chân đi.

— Anh thực là một ông « trùm » ..

— ... Lạnh tự chó. Nói như em nôm na quá.

Quỳnh cười, bước tới đóng cửa sổ. Rồi nàng lấy dầu đèn ngồi bên cạnh chàng,

xoa vào gang bàn chân chàng, xoa lưng, dọc theo xương sống.

— Anh có muốn xoa hai bên mán tang không ?

Hữu vừa trở mình, ngửa mặt lên vừa nói :

— Thử một chút cũng được.

Chàng mỉm cười, hy vọng Quỳnh không thấy sự gượng gượng. Xoa thái dương xong, sẵn tay Quỳnh quẹt một chút dầu lên chót mũi, chàng la :

— Ấy !

Nàng cười :

— Em điểm trúng huyết rồi, chốc nữa có khối được là nhờ chỗ ấy đó nhé.

Hữu có tính ghét xoa dầu nóng vào mũi. Bị quẹt một tí, chàng đã vội há ra thở bằng mũi. Quỳnh tiếp tục vén tay áo chàng lên, bôi dầu và chà mạnh ở các khớp xương. Hữu nằm ngửa mặt trông vợ mình loay hoay nhanh nhẹn bên mình, tóc đổ xuống lòa xòa một phía má bên trái.

Không nói gì nữa, chàng lặng lẽ nhìn vợ, như người đang chìm dưới nước bỗng có thể bình thản, buồn rầu, bất lực, nhìn người trên bờ lãng xãng tìm cách cứu mình.

Chàng, một mình, lạc vào một sự cách biệt thăm thẳm. Vẫn cái đầu tóc của vợ chàng lòa xòa bên cạnh, và sự xa cách « xa cách ghê gớm, không có tận cùng », như một lần nọ chàng đã nghĩ.

VÕ-PHIÊN

(trích « Một Mình »)

MAI SỐ 30 (RA NGÀY 25.9.1961)

- Chính trị :** Lá bài cuối cùng tại Nam-Hàn.
Hoa-Thịnh-Đồn với chính sách trung-lập. (Tiểu-Dân và Hoàng-Minh-Tuynh)
- Kinh tế :** Phòng văn tòa Đại-Sứ Trung-Hoa Dân-Quốc về hợp-tác Quốc-tế. (Khánh-Trang)
- Văn nghệ :** Hương cau đêm hạ. (Minh-Khiết)
Lá vàng bay như mưa. (Cao-Thị-Vạn-Giã)
Cái chết của một người độc thân. (N. B. và K. 1.)
Thú chơi gà. (Vương-Hồng-Sến)
- Văn học :** Cơ sở chủ nghĩa hiện sinh Soeren Kierkegaard. (Bùi-Giang và Hoàng-Minh-Tuynh)
- Phóng văn :** Chương trình mới của B.Q.G.G.D. (Nguyễn-Ngu-Í)
- Câu chuyện**
Phụ-nữ : Cái duyên của người đàn bà. (Vân-Trang)
- Hạnh phúc**
chính nơi bạn : Cuộc sống bắt đầu từ hôm nay (Ngô-Bá-Lí viết theo M.A)

Và các mục : Tin văn, Tin khoa học, Câu chuyện giáo dục...

THÁNG MƯỜI SÁU MỖI ĐÓN ĐỌC :

THẾ - GIỚI CHÚNG TA

MẶT TRẬN VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT MỚI

Trầnthynhàca — Hươgnghậtkỳ — Cungtrầmtửơng —
Lêhuyoanh — Viênlĩnh — Nguyễntrung — Nghiêudễ
Đoànngọcquỳnh — Saotrên rừng — Trầndạtừ — Cùnguyễn
Trầndứccuyễn — Võphiến — Đổngợcyến — Bửusum
Nguyễnkháctrung — Lêthạchtâm — Vương dư — Nguyễnthiệndạt
Đỗhuythiếu — Nguyễntrungthực — Vũbìnhnghi — Songlĩnh
Bùiduythuyết — Trầnnuyênthảo — Lâmtriết — Kiểucôngnhị.

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách : **NGUYỄN-NGU-Í**

I.— Sáng-tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ? Để cho bây giờ hay để cho mai sau?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thạt-nghén cho đến lúc nó thành hình.

IV.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

XIV

★ THẠCH-HÀ

Sanh năm 1923 tại Huế.

Từng cộng tác với đài phát thanh Pháp-Á, phần Văn-nghệ (1952-54).

Từ 1958, viết truyện ngắn cho vài nhật báo ở Thủ-đô; cộng tác với giai phẩm Tân-Phong (còn kị: Linh-Vũ), tuần báo Vni-Sống, Văn-Nghệ tiền phong, Mai, Bách-Khoa...

Hiện ở trong Quân đội.

Kính gửi anh Ngu-Í,

Đọc thư anh mới « giật mình » suy ngẫm lại! Một nhân vật của Molière chắc cũng « giật mình » như thế thôi khi biết rằng « Thì đã mấy chục năm nay ta làm văn xuôi mà không biết »!

Thú thật với anh cho đến bây giờ, sống non nửa thế-kỉ rồi mà tôi vẫn còn sợ hai danh-từ « ... sĩ » và « ... sư ». Phải chăng vì tự ti mặc cảm hay vì một thành-kiến nào đã vô tình in sâu vào trí óc?

Bởi vậy khi đọc thư anh xong, tôi trịnh trọng xếp vào hồ-sơ « Xa lạ » cho đến khi anh thúc-giục tôi lần thứ ba thì tôi mới lấy ra trả lời.

Tôi tập tễnh viết từ hồi đang theo bạn Trung-học cũng như nhiều bạn bè khác và cũng vì ảnh hưởng của gia-đình khi thấy cha, anh, em lớn nhỏ gái trai đều « viết ». Tôi đã dò dẫm giữa những con đường : Thi, Văn và... Khoa-học. Có khi Khoa-học đã thu hút, hấp dẫn tôi mạnh hơn Thi Văn, nhưng cũng có khi Thi Văn lấn áp, nhất là những lúc cảm xúc mạnh mẽ trong đời. Cũng vì có sự dằn co giữa hai con đường mâu thuẫn ấy và cũng vì hoàn cảnh không cho phép, định mệnh không đưa đẩy để đi được đến nơi đến chốn theo một đường nào, cho nên tôi vẫn là con « bướm bướm ».

[...] Tôi viết để tỏ bày một niềm tâm sự, với một nỗi sầu, một niềm ân-hận, hoặc để chặn lại trong không và thời gian một sự kiện, một nhận xét, tất cả không ngoài mục-đích bỏ cho đầy ngăn kéo.

Tuy vậy muốn cho ngăn kéo được đầy cũng phải có những động lực thúc đẩy, những thỏa-mãn tinh thần nó kích-thích và duy trì cảm hứng. Anh cho phép tôi được

« méo mó nghề nghiệp » để nói rằng : « Tâm hồn của những thi-văn-sĩ cũng như những « mạch giao-động » trong những máy phát vô-tuyến điện. Dĩ nhiên là đã được cấu tạo đúng điều-kiện kĩ-thuật để giao-động nhưng cần phải có những yếu tố kích-thích phát sinh ra giao-động sơ khởi và duy trì nó trong thời-gian ».

Nếu không có những cây bút « đàn anh », những « linh-hồn chị », những người bạn quý thì thi-văn-sĩ sẽ không khác gì những vệ-tinh không có tầng nhiên-liệu để tung lên không gian và vào quỹ-đạo được !

Riêng tôi, tôi đã được thêm những bậc « đàn chị », những « linh-hồn em » mà anh đã biết — và tôi cũng không quên những người bạn — như anh !

— Anh hỏi tôi những bài tôi thích nhất thì cũng như anh hỏi một người mẹ « trong số các con yêu đứa nào nhất », thật khó trả lời. Cổ nhiên con đẻ ra thì phải thương đều nhau. Tôi thương cho những đứa thiệt thòi không danh vọng, lu mờ trong xã-hội... nghĩa là những bản nháp trong ngăn kéo.

Chào anh
THẠCH-HÀ

★ ANH-TUYẾN.

Tên thật Lê-Văn-Tuyến.

Sinh ngày 8-5-1923 tại Ngã-Ba-Đình (Rạch-Giá); quê nội vốn ở Bắc.

Còn lại : Ngọc-Cung, Bút-Bay hay « 13,2 » dưới những bài thơ trào phúng.

Làm thơ, viết kịch,

Đã cộng tác với các báo : *Tiếng chuông, Đoàn kết, Đại chúng, Đời mới, Tầm nguyên, Vui sống.*

Đã xuất bản : *Thâm cung* (kịch đã sử bằng thơ, 1957), *Tổ ấm* (thơ, 1960).

Kịch phẩm đã trình diễn ở sân khấu : *Thâm cung* (1945), *Đời chiến sĩ* ; ở đài phát thanh : *Nắng ấm, Tiếng còi sương.*

Kính anh Nguyễn-Ngu-Í,

[...] 1) — *Viết cho ai ?*

Thật sự, từ trước đến nay, tôi chưa bao giờ tự đặt cho mình câu hỏi đó.

Trong công-tác văn-ngệ, tôi chỉ biết chân-thành cảm-nghĩ, và thực thà diễn-tả, thế thôi.

Tôi có hai sở-thích : soạn kịch và làm thơ.

a) Tôi xin nói trước về thơ, vì dường như anh biết, tôi vì thơ hơn vì kịch.

Tôi cho là viết thế trước hết, tác-giả chỉ vì mình hơn là vì Người. Làm sao dám độc-đoán cho là cảm-nghĩ của mình, tư-tưởng của mình, tâm-ư của mình, « đại-diện » cho người khác được. Lời thơ của mình viết ra có làm cho mình thích-thú, mới là lời thơ hay được.

Vì thế, tôi cho là, là Trăng thì phải có Ánh-sáng, là Hoa thì phải trở bông. Có điều, ánh trăng có được sáng tỏ, Hoa có được người đem vào lọ mà chưng hay không, đó lại là việc khác.

b) Bây giờ tôi xin nói qua kịch : có lẽ tôi viết kịch cũng để cung-phụng cho một cảm-khoái tinh-thần cá-nhân, trước hết.

Là vì, phải có một đề-tài hợp với tâm-tư, hợp với sở-thích, mới dàn thành kịch được. Nhưng khác với thơ, là trong thơ thì cảm-tình được thật thà duy-nhất. không gò-bó, giả tạo. Về kịch, thì lại

được bổ-trí, thêm nhưn thêm nhị, chung quanh một cảm-tình, một sự việc mà mình đã sống. Cảm-tình có chân thật, kịch tính mới được tự nhiên.

Vở « *Thâm - Cung* » của tôi, nói về Huyền-Trân công-chúa, cũng do một đề-tài tình-cảm gia-đình mà ra (Anh xem trong bài tựa của Bạch-Sơn thì rõ).

Các vở khác của tôi đều có phảng-phất ít nhiều đặc-tính cá-nhân trong truyện.

Cũng vì lí-do nói trên, mà những tác-phẩm của tôi, ít khi đăng báo, hay nếu có được xuất-bản, thì rất trễ.

(Như vở « *Thâm-Cung* », hơn mười năm sau ; và trong tập Thơ « *Tổ ấm* », thì gần hết đều là... « inédit » cả).

2) *Cá-tính sáng-tác* : thường thường tôi viết rất dễ dàng ; nếu có một đề-tài nào muốn viết, tôi chỉ cần thoát ra được câu đầu, và tự nhiên ý-tư và lời thơ tự ở nó mà ra.

Về thơ, tôi ít khi có một dàn bài sẵn. Ví dụ, tôi nhớ đến một thằng bạn cũ. À, thằng ấy có thăm tôi một buổi chiều. Và các đoạn sau cũng tự nhiên mà đến.

Để Anh có một ý-thức rõ rệt hơn, tôi xin phép gửi đến Anh, một bản sao bức thư mà tôi đã gửi Anh Bình-Nguyên-Lộc, khi nhờ anh đề tựa cho tập thơ *Tổ ấm*.

Kịch cũng vậy, khi đã dàn xếp xong lớp lang, tôi viết rất nhanh. Nhưng, cái khổ nhất là lúc sửa lại bản thảo đầu tay, thì có khi đến hàng mấy năm không sửa rồi [...].

3) *Sáng-tác ưng ý nhất* : Trong số mấy đứa con của tôi, tôi thật tình không biết đứa nào là đứa mà tôi yêu nhất. Có điều là đứa nào sanh ra sau hết, thì mình tưởng là mình yêu nó nhiều hơn hết. Đến chừng nó có em nhỏ, thì tự nó, nó lại bị nhẹ bớt cảm-tình. Thế thôi.

Văn thơ, cũng vậy.

Tuy nhiên, có một bài sau đây, đã đem lại cho tôi một hứng-thú văn-ngệ, có thể gọi là khá hay ho. Đó là bài « *Năm mờ Nhật-Bản* », đã đăng trên một tờ tuần-san vào năm 1946 (tôi quên mất tên,

dường như tờ « *Đoàn - Kết* », nhưng không chắc lắm).

Bài thơ đăng độ một tuần sau, thì tôi thấy nó nằm trong tập vở « *Bài học thuộc lòng* » của con cháu gái. Hỏi ra thì Cô giáo đã cho nó học. Vừa ngạc nhiên, tôi vừa lo cho Cô giáo. Cô đã có dạy một bài thơ thời-sự, ra ngoài chương-trình của nhà trường.

Tuy nhiên, tự mình, mình cũng thấy thích thú.

Trên đây là thô-thiển vài nhận-xét và cảm-nghĩ của tôi, xin gởi đến Anh để tùy liệu khai-thác, và mong rằng nó cũng không đến đôi tẻ lắm, đối với anh trước, và đối với các độc-giả Bách-Khoa sau.

ANH-TUYỂN



★ DOÃN-QUỐC-SĨ

Sanh ngày 17-2-1923 tại xã Hạ-Yên-Quyết (ngoại thành Hà-Nội).

Cộng tác với các báo : Lửa Việt, Dân chủ, Sáng tạo, Tân-phong, Hiện đại. Thế-kỷ XX, Văn nghệ, Chỉ đạo, Gió mới, Luận đàm...

Đã xuất bản : Sợ lửa (truyện ngắn, 1956), U hoài (truyện ngắn, 1957), Gánh xiếc, (truyện ngắn, 1958), Dòng sông định mệnh (tản truyện, 1959), Gìn vàng giữ ngọc (truyện ngắn, 1960), Hồ Thủy-Dương (truyện cổ tích ngắn, 1960).

Hiện hiệu trưởng trường công lập Hà-Tiến.

Tôi đến Đại học xá đường Minh-Mạng mới hay anh và gia đình đã rời từ lâu cái căn phòng nhỏ hẹp dành cho sinh viên để đến ngụ ở một xóm lao động, trong một ngõ hẻm đường Thành - Thái. Tìm được nhà, thì lại vắng chủ nhân. đành để giấy, hẹn tối hôm sau.

Tối hôm sau, vừa bước vô cửa, là tác-giả « *Sợ lửa* » đã sẵn sàng để tiếp khách quấy rầy dưới ánh đèn điện mát. Nụ cười nhẹ của anh vẫn hồn nhiên và kín đáo như độ nào, nhưng gương mặt thì có phần đen và đượm vẻ suy tư hơn.

« Vì chức vụ mới ở cạnh hồ Đông, gần biển Thái-Bình, sát biên thủy Miên-Việt » tôi vừa tự giải thích thế vừa ngắm gian nhà trang trí giản đơn mà ấm cúng.

Tiếng anh làm tôi trở về với nhiệm vụ.

— Mời anh xơi rước. Và xin nói trước với anh, tôi chẳng có gì nói với anh nhiều. ., nhiều lắm là mười lăm phút.

Anh mở đầu thế, nhưng tôi không ngại ; chút kinh nghiệm trong nghề « quấy rầy thiên hạ » này đã hơn một lần cho tôi thấy : lắm người đã nói với tôi, rất thành thật : « Lần này là lần chót chiều anh... » nhưng rồi may thay ! lần sau cũng chưa là lần chót. Vả lại, ví dầu anh chẳng có gì để nói nhiều, mà tôi lại có nhiều điều để hỏi, thì ai cấm mười lăm phút anh hứa cho mình lại không thành... một trăm năm mươi phút ?

— Mau quá anh nhỉ.

Anh nhìn tôi.

— Mới đó mà đã sáu năm rồi. Anh còn nhớ cái Tết đầu tiên của các anh ở miền Nam, căng lều sống tạm trên miếng đất xưa là khám lớn Sài-Gòn ? tôi đến thăm các anh và mua mấy chục sổ Tết « Lửa Việt » gửi về một vùng mới tiếp thu.

Mắt anh mờ màng ; hẳn là ông hiệu trưởng bây giờ nhớ lại chàng sinh viên hồi ấy.

— Mau thật. Mà hồi ấy, sao mà vui thế. Ăn tạm no, ở chưa yên..., tay trắng, mà anh nào anh nấy đều say sưa và hăng hái. . . .

— Như lửa thiêng của dân tộc Việt. » Tôi nổi lời anh.

Và anh mỉm cười, đồng ý.

Năm phút đã qua.

— Chắc trong lúc vui, say, hăng ấy, anh sáng tác truyện đầu tiên ?

Tài...lộc cóc tử của tôi bị cái lắc đầu thân ái của anh đánh chánh liền sau đó. Và anh giọng nhẹ nhàng, cười mở :

— Tôi vốn có xu hướng về văn nghệ từ thuở nhỏ, nhưng mãi đến năm 1953, 54, tôi mới bắt đầu viết, lúc còn ở Hà-Nội. Truyện đầu tay là « Sợ lửa », kể đó là « Chàng nhạc sĩ ».

Di cư vào Sài-Gòn, tôi cùng một số anh em chủ trương tờ « Lửa Việt » ; cơ quan ngôn luận của đoàn Sinh viên Đại học Việt-Nam. Và « Sợ lửa » đăng vào số « Lửa Việt » ra mặt.

— Đứa con tinh thần đầu lòng chào đời, hẳn người vốn mang nặng nó vui như Tết, mặc dù là Tết di cư ?

Một thoáng buồn hiện ở mắt anh. Sao tôi lại liên tưởng đến cái buồn của nhà vua nọ trong « Sợ lửa », trọn đời phải sống xa lửa, mà lời cuối cùng khi sắp cùng đời vĩnh biệt vốn là :

« Ta chỉ tiếc không được sống cùng lửa để dù có chết với lửa cũng cam ».

— Không vui, mà lại bức.

Anh ngừng có hơi lâu. Tôi im lặng chờ.

— Bức vì lắm anh em tìm tôi, hỏi tôi đã phóng tác ở truyện ngoại quốc nào. Tôi trả lời đó là tôi sáng tác, thì có bạn tin, có bạn ngờ. Anh xem tôi bức cũng có lý chứ : Dường như dân tộc mình không thể nào viết một truyện tưởng tượng xảy ra ở Égée, vùng Địa - Trung - Hải !

— Nên anh quyết chứng minh ..

— Phải. Tôi nghĩ : mình phải cố viết thêm, không thì họ bảo mình dựa vào cốt truyện người nước này, mình mượn ý nhà văn ngoại quốc nọ mà viết, thì cũng tội cho mình.

— Và vì thế mà cái hứng nó đến.

— Hay nói cách khác, cái ý định trên đánh thức cái hứng dậy.

— Anh nói thế, nghĩa là anh cho là cái hứng vốn ở trong anh.

— Ở trong tôi và ở ngoài tôi. Nhưng ở trong là phần chánh, còn ở ngoài là phần phụ.

— Thế thì, anh đợi cái hứng nó dậy mới bắt đầu « làm tội làm tình giấy trắng mực đen » ?

Anh mân mê cây viết để trên bàn làm việc.

— Cũng tùy, anh ạ. Lắm khi, mình không ngờ rằng nửa chừng cái hứng sẽ dẫn mình đi xa thế. Như trường hợp « *Khu rừng lau* »... Anh còn nhớ nó chứ ?

— Đăng dở dang trên giai phẩm « Tân phong », Tôi lại còn nhớ có người ở hải ngoại cho nó là truyện dài đặc sắc nhất trong mười năm nay

— Mặt dù nó phải dở dang ?

— Mặt dù nó như đường tơ chưa dứt.

Anh cười cười, và chúng tôi không hện mà cũng nâng chén nước trà.

— Xin trở lại khu rừng của chúng ta. Ban đầu, tôi dàn rất mực đơn sơ, rồi càng viết, sự việc dồn dập, ý nghĩ kéo thêm, thành trở nên rườm rà...

— Rườm rà như một khu rừng hoang ?

— Một khu rừng hoang mà mình say sưa ra tay khai phá. Rồi cốt truyện nó biến, mình không ngờ. Rồi từ một truyện vừa vừa mình định viết, nó trở thành một tiểu thuyết trường thiên.

Và anh chợt đứng dậy, quay ra sau, mở cửa kính tủ sách gia đình, lấy ra một quyển sách.

— Như quyển « *Les frères Karamazov* » đây. Trường thiên chứ không phải trường giang. Một quyển dày, nhưng gồm nhiều cuốn, ta phải đọc từ đầu đến cuối, như anh thấy đây, livre premier, cuốn một, đến livre second, cuốn hai. « *Khu rừng lau* » là tên cuốn đầu của quyển trường thiên tôi đang tiếp tục viết ; tôi lấy tên truyện đầu ấy làm tên cả quyển.

Tay anh nhẹ nhẹ lật từng trang quyển tiểu thuyết danh tiếng Nga viết bằng tiếng Pháp ấy. Trong lúc đó, mặt anh trở nên khắc khổ như một nhà tu, không, như một kẻ tù chung thân đang làm việc khổ sai.

Tôi thấy cần cạn chén nước.

— Anh quan niệm việc sáng tác như thế nào, anh ?

Lời anh chậm và nhỏ, như là để nói với chính anh :

— Tôi bắt đầu đi từ cuộc đời, kể nhân vật, còn nghệ thuật thêm sau.

— Thế là anh « gia nhập (1) rồi !

— Là người sống với người trên một trái đất, thì làm thế nào mà đứng vòng ngoài cho được, anh.

— Nhưng cuộc đời nhìn kĩ nó lồi thối ; nó xấu xa ; nó bẩn thỉu : con người thường

(1) Tạm dịch tiếng « engagé » của Pháp.

bò sát hơn là vươn lên, thì trong tác phẩm, mình phải làm sao cho mình khỏi phụ mình?

Tác giả « *Gìn vàng giữ ngọc* » lại như nhìn vào trong sâu kín của lòng mình

Quả thật cuộc đời như đang phô bày ra trước mắt ta. Pháp họ gọi : la vie telle qu'elle — nó buồn quá, nó chán quá. thì trong các sáng tác của mình, những nhân vật mình tạo ra, li tưởng hóa họ đôi chút, cho đời nó tươi hơn, nó mát thêm nghĩa là nó đẹp phần nào tôi tưởng đó gần như là một bổn phận.

— Tò mò một chút, anh nhé. Có người cho rằng trong các truyện của anh, nhân vật chánh thường dễ thương, tốt, đẹp, phải chăng vì ngoài đời, anh đã từng chung đụng, va chạm với những con người dễ ghét, xấu, hèn?

Nụ cười trên đôi môi hiền của anh rộng hơn bao giờ hết.

— Không phải thế đâu anh. Ngoài đời, tôi có gặp người tốt, bạn hiền, nên tôi cho mình có quyền lí tưởng hóa số nhân vật trong truyện mình

— Đó là những truyện tâm tình, tâm lí, còn những truyện khoa học, anh có căn cứ vào gì không?

— Có chứ. Tôi không để toàn quyền cho tưởng tượng đâu. Tôi cũng dựa ít nhiều vào khoa học. Như trong « *Hồ Thủy-Dương* », tôi đã xem sách, báo nói về Vật-lí học trước khi đưa ra cái « *miroir hyperbolique* » (1) để thu vũ trụ tuyến hầu kiểm soát thế giới nguyên tử trên khắp địa cầu.

(1) gương hình hi-pe-hol.

— Còn như khi anh viết những truyện về những thời xưa...

— Thì tôi phải đọc và nghiền ngẫm những truyện của người xưa như Liêu trai chí dị, Truyền kì mạn lục..., đắm mình trong bầu không khí cổ, thấm nhuần cái giọng văn xưa ..

— Nói chung, anh phải « *dự bị* » kĩ càng trước khi hạ bút?

— Thường thì thế. Tôi cho rằng, cũng như ăn uống, cứ ăn rồi sẽ thấy ngon, bắt trớn mà ăn nhiều, viết văn cũng thế : ta cứ sửa soạn, rồi thì ngồi vào bàn viết, ý, lời sẽ dần dần ra.

— Anh viết chắc là khó?

Anh trở nên đắm chiêu.

— Khó khăn, anh ạ. Một truyện ngắn, có hứng, có thì giờ, tôi viết một mạch..., cũng một tuần lễ mới xong. Còn khi phải viết « *lai rai* », thì một vài tháng mới rồi. Tôi lại có thói quen viết trên giấy một mặt.

— Anh có sửa đi sửa lại nhiều lần?

— Có. Khi in lên mặt báo, được sửa ản cảo, là sửa một lần. Sắp cho ra sách. sửa lần nữa. Khi máy sắp chạy, sửa. Và khi sắp tái bản, đó là lần sửa chót.

Sực nhớ anh cũng thường viết kịch theo một đường riêng, tôi hỏi :

— Anh vẫn viết kịch?

— Thỉnh thoảng. Kịch của tôi nếu diễn được thì hay cho người soạn, nhưng mà khó diễn. Nên tôi đã theo một kĩ thuật đặc biệt để đọc mà cũng thấy những ý tôi lồng vào đấy. Tôi định cho in vào một tập, bốn vở kịch : *Mùa xuân tin tưởng* (1955)

Trái cây đau khổ (1956), *Trăng sao* (1957), *Tiếng hú tâm linh* (1960) để được trình bày một loạt những đau buồn cùng tin tưởng của tôi trong một đoạn đời.

« Tôi muốn sau khi cho ra đời bốn vở kịch này chung một tập. là bề mặt một chu kì sáng tác.

« Và với « *Khu rừng lau* » là tôi bước sang một chu kì mới, với một kĩ thuật mới ».

Tôi nhớ một đoạn văn anh trong tập « *Gìn vàng giữ ngọc* » :

« Ở thế giới thực dân Tư bản, người ta tung vật chất ra để giam lỏng linh hồn ; ở thế giới thực dân Cộng sản, người ta phong tỏa vật chất để mua rẻ linh hồn. Cả hai cùng thất bại ! Linh hồn nhân loại chỉ có thể mua được bằng tình thương yêu rộng rãi và chân thành ».

Tôi nâng bình, rót nước cho hai, vừa làm vừa hỏi :

— Anh có thể cho biết trong chu kì mới này, anh vẫn còn Yêu Đời, còn tin Nhân loại, còn ca ngợi tình Thương ?

Anh để bàn tay lên quai chén nước, dịu dàng :

— Tôi vẫn còn Yêu Đời, còn tin Nhân loại, và vẫn còn ca ngợi tình Thương.

Chúng tôi im lặng một hồi.

— Anh viết truyện ngắn vừa, dài, rất dài, anh lại viết kịch, mà anh cũng làm thơ, anh quả là tham lam quá. Chẳng hay anh có thường gieo vần lựa điệu ?

— Thơ, tôi thỉnh thoảng mới làm, mà thường vài câu, một đoạn, để phụ vào trong các truyện mà thôi. Tôi chưa làm được một bài thơ nào trọn vẹn để in lên báo.

— Nàng Thơ chưa chịu kết duyên với anh ? Hay là...

Thấy tôi có vẻ lúng túng, anh cười :

— Chẳng có hay có là gì cả. Chỉ tại tôi xét Thơ không thể nói hết những tình những ý của mình.

— Nhưng một khi anh nói được những tình những ý trong anh rồi, nghĩa là một khi tác phẩm đã hoàn thành, anh có thấy anh thế nào ? Sung sướng vô biên hay chán ngán vô cùng ?

— Tác phẩm viết xong, tôi thấy tâm hồn, thần trí như là trống rỗng, làm mình trở nên nghèo như kẻ tay không. Tưởng đâu mình chẳng còn gì để viết. Chắc là phải cùng bút. . .

Tôi ngắt lời anh :

— Nói như Shakespeare, mà một nhà thơ của ta đã dịch :

« *Xin chia tay và nếu là mai mai,*

« *Thêm một lần xin mãi mãi chia tay.* »

Nhưng mà... »

— Nhưng mà rồi mình như cái giếng. Múc hết nước, rồi dần dần, nước trong mạch trào ra. Giếng lại đầy. Vì cây bút với mình như...

— Anh với em...

« *Anh với em như một cặp vẩn.* »

Anh cười nhẹ, tôi hỏi tiếp :

— Nhân vật của anh, anh mượn ở cuộc đời hay nhờ tưởng tượng ?

— Tôi mượn ở cuộc đời, hoặc ít hoặc nhiều. Tạo xong, tôi còn phải theo dõi chúng...

Sực nhớ đến những truyện về lão phù thủy với lũ âm binh, tôi vội hỏi :

— Có khi nào anh khổ sở vì cái lũ « con em tinh thần » đó không ?

— Tránh đâu cho khỏi. Chúng làm mình thao thức : một phần sự sống của mình đã gởi vào chúng. Dầu sao chúng vốn có thật phần nào, nghệ thuật tiếp theo, và phần lí tưởng của mình làm nốt công việc dựng chúng.

Tôi liên tưởng ngay đến .. đàn bà. Vì bỗng nhiên nhớ đến mấy lời Bạt trong tập thơ « Tiếng thu » của Lưu-Trọng-Lư : « ... trong những tác phẩm của tôi, chỉ có một sự cộng tác rất tầm thường, rất dung dị, rất lương thiện, — ấy là sự cộng tác của những người đàn bà. Những con vật rất xinh ấy nhiều khi cũng độc ác, tàn nhẫn một chút, nhưng vẫn là đàn bà ».

— Anh này. Trong đời văn nghệ, hay trong mộng văn chương, anh đã có cái may và cái rủi, cái vui và cái buồn gặp những...

Thấy tôi đang tỉn chữ, anh cười, cứ vớt :

— ... Những « *aventures sentimentales* » chứ gì !

Tôi cười theo anh.

— Có. Đời văn ai mà chẳng có. Tôi cũng có đôi cuộc phiêu lưu tình cảm thơ thơ, đôi lần gặp gỡ li kì..., còn anh ?

Tôi nhìn vào mắt anh, mà ngâm bôn một của Kiều :

« *Nghĩ mình mình lại thương mình xót xa* ».

Anh tỏ vẻ nghi ngờ đôi chút. Tôi phải hỏi anh tiếp để khỏi bị anh... hỏi.

— Nhưng đôi cuộc phiêu lưu, đôi phen gặp gỡ ấy nó làm anh giàu thêm hay nghèo bớt ?

— Chúng làm tôi thêm hứng khởi.

Tôi mừng cho anh bằng cách uống cạn chén trà. Và vẫn chưa thể rút được... đàn bà, những con vật — lại nói theo Lưu-Trọng-Lư — « những con vật xinh xinh ấy, biết tĩa lông mày, đánh móng tay, nhưng cũng biết nuôi tầm, quay tơ và dệt những tấm áo cho thể chất và cho linh hồn của Nhân loại ».

— Tôi có một nhận xét này. Trong đa số truyện thời nay, người ta ít khi nói tốt đàn bà, nhất là nói tốt các cô con gái. Chẳng biết họ có bôi nhọ cái phái nhận mình là đẹp mà không chịu mình là yếu ấy chẳng, chớ các nhân vật chẳng-đàn-ông của họ thường là nếu chẳng tinh ma thì cũng quỷ quái, không thác loạn thì cũng hồ li... Riêng anh thì gần như trái lại : nhân vật phụ nữ của anh hầu hết là đáng mến, đáng thương... Tôi tự hỏi phải chăng vì ngoài đời, anh...

— Tôi đã gặp, đã biết những người thanh nữ, những nàng thiếu phụ cũng dễ mến, dễ thương.

Hai tiếng dễ thương nhỏ nhẹ anh vừa thốt khiến tôi ghó đến tình thương bằng bạc trong khắp tác phẩm của anh.

— Anh này. Có phải vì anh đã đau khổ nhiều, đã xót xa lắm trong đời, mà anh phản ứng lại trong văn chương thế ? Có người cay cú, hằn học, tàn nhẫn, có người lại rộng lượng, thương người mình tạo, một cách thương mình. Truyện « *Chiếc chiếu cặp điều* » (1) của anh làm tôi có ý nghĩ trên. Đó là chuyện thật ?

(1) Trước đăng trong « *Sáng tạo* », sau in trong *Gìn vàng giữ ngọc*, kể truyện một gia đình tản cư trong thời kháng chiến.

Anh gật đầu. Và anh ngâm lại câu Kiều :

— *Nghĩ mình mình lại thương mình
xót xa.*

Tôi lại liên tưởng đến một quan niệm sống và viết của tác giả « *Trái cây đau khổ* ».

« Nghệ thuật sống với nhau — nếu quả sống với nhau là một nghệ thuật — chính là ở những điểm đó.

« Hãy dừng lại nơi thiện chí chân thành của nhau !

« Hãy gìn giữ cho nhau khỏi sa ngã !

« Đại gì mà đồn nhau vào thế cùng để rồi cất lời phê bình bi quan : tình người vụ lợi ?

« Hãy giúp nhau thối thêm ánh sáng vào những lúc hờn chột loé bình minh để cùng chia vui giây phút thiên thần. Như thế mới là thái độ trân trọng, thái độ *gìn vàng giữ ngọc* cho nhau, vàng ngọc của tâm hồn ».

*
* *

Tôi chợt nhìn đồng hồ. Gần 11 giờ khuya, mà khi tới, chưa đầy 8 giờ rưỡi. Hơn mười lần cái mười lăm phút khá nhiều rồi. Tôi vội hỏi :

— Anh có thấy giữa tác phẩm và tác giả, có cái gì ràng buộc với nhau chăng ?

— Có chứ. Tác phẩm và mình xây dựng lẫn nhau. Mình và tác phẩm như là một khối. Tác phẩm cụ thể hóa tâm hồn mình. Tác phẩm đang thành, mình cố vươn lên ; tác phẩm xong rồi, mình trở lại đời thường..., vốn sà sà mặt đất ; có cái đà khi sáng tác, mình cố vươn cho xứng với những nhân vật mà mình lí tưởng hóa. Nhờ đó mà mình « đẹp » hơn phần nào.

Tôi nhìn anh. Người ốm, mặt xương, mắt thâm, tóc hớt để chẳng phiền chiếc lược... Và sự nhớ lời một người đàn anh : « Ai cũng đẹp cả ! » — nhất là khi ai đó từng đau khổ, biết bất bình, cố vươn lên, và lòng thương mở rộng — mà thấy người bạn gần bốn mươi ngồi trước mặt mình cũng đẹp chẳng kém ai.

— À, một số truyện của anh lấy khung cảnh các nước ngoài thế anh đã đi đến các chốn ấy chưa ?

— Đi, thì tôi chưa đi được bao nhiêu. Nhưng nhờ những tài liệu chết : sách, báo, tranh ảnh, và nhờ các tài liệu sống : bạn bè kể, tả, tôi lại hỏi người này người nọ, nên cũng làm sống lại được phần nào những khung cảnh mình chưa đến chân đến.

— Anh sợ cái gì nhất ? Tôi muốn nói sợ trong nghề viết văn..

— Tôi sợ nhất là chính mình lại ăn cắp của mình, mình nhai lại những gì mình đã nói. Có lẽ vì sợ thế, mà tôi quyết thay đổi — không nhiều thì ít — kĩ thuật, cách nhận xét trong giai đoạn tới. Tôi còn sợ mình để cái « ta » lộ liễu quá trong tác phẩm ; nếu có thì sao cho lẫn đi, ở trong chi tiết.

Tôi đứng dậy. Không hẹn mà chúng tôi cùng nhìn đồng hồ, rồi nhìn nhau, cười nụ. Trên tường êm, chân dung một thiếu phụ dịu hiền, chân dung hai em bé mũm mĩm. Cái gì cũng dễ thương. Sao tôi lại hỏi một câu cuối cùng :

— Còn quên ! Này anh, anh sáng tác cho bây giờ hay cho mai sau ?

Anh bắt tay tôi, trả lời bằng một nụ cười trông rất dễ thương..

Tôi bỗng thấy mình sao dễ ghét lạ.

NGUYỄN-NGU-Í viết lại

ĐI TÌM

BÙI-GIÁNG

Rừng và rú một lần trăng lay động
Mùa thu mưa mùa thu gió sang đông
Thổi hiu hắt bay về bên trang mộng
Màu cỏ thơm thiên cổ lục phai hồng

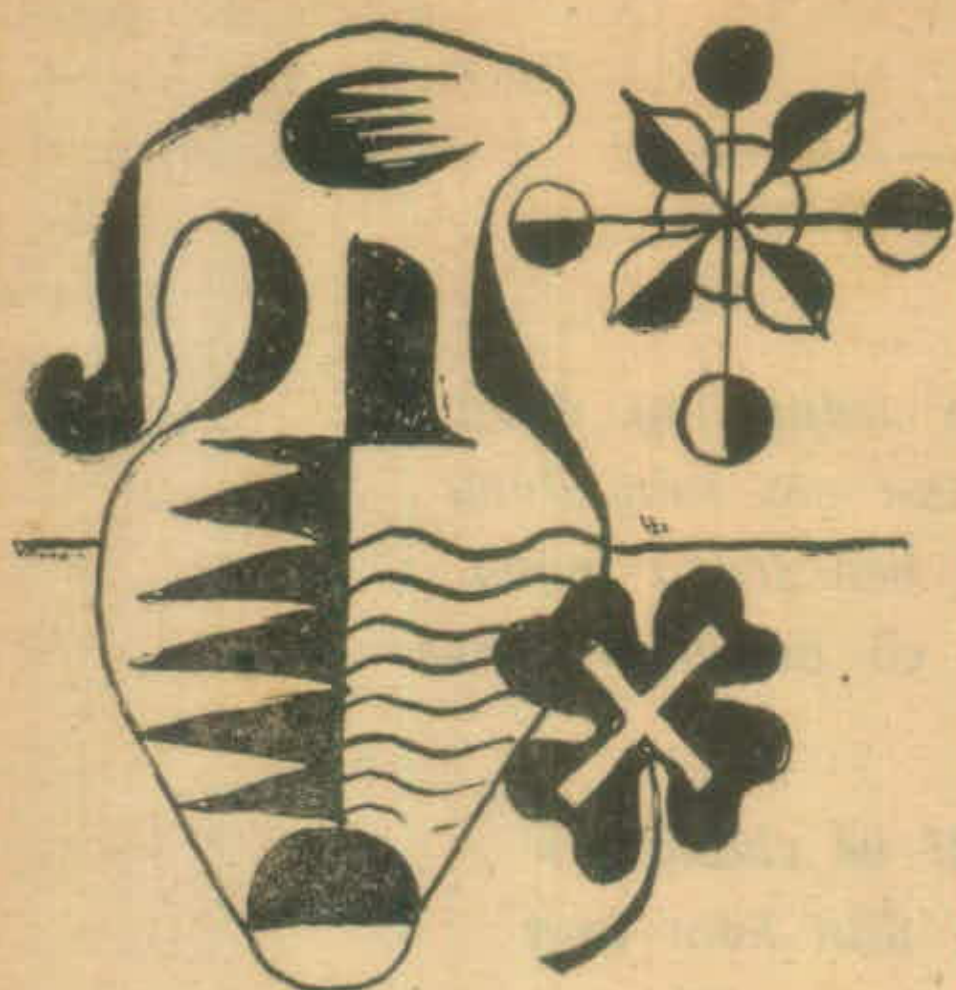
Em chưa tới? Em đi về chẳng đủ
Chỉ một lần sầu lặn đạn hôm xưa
Vàng phơ phất lò xoà tơ biếc tụ
Quá mong manh một bận quả chưa vừa

Môi và mắt môi và mi môi rượu
Phút giây nào huyền ảo đã đi xa
Nhìn vói vói bốn phương trời cảm cựu
Kiếm linh hồn vô hạn vẫn không ra

Ở trong gió trong đất đồng cồn nội
Ở trên đường về Lục Tỉnh bao la
Bờ trắng nước đón chào chân bước vội
Lối muôn vàn cung bậc giấc bẽ tha

Ngày ngoảnh mặt chiều hôm sương ngả bóng
Cuối thời gian dằng dặc chảy sai nguồn
Dàn lên mắt lệ trùng quan viễn vọng
Bước chân dồn bắt tuyết dưới mưa tuôn.

B. G.



SINH-HOẠT

Một quan-điểm về vấn-đề Bá-Linh

*« Quyền tự-quyết không phải chỉ dành riêng cho
« các dân-tộc ; nó cũng là quyền của mỗi người ».*

ĐÊM 12 rạng ngày 13 tháng 8 vừa qua là một đêm thứ bảy. Dân chúng Bá-Linh cũng như dân chúng ở mọi nơi, đêm thứ bảy họ đi chơi rộn rịp hơn những đêm khác trong tuần. Ở Đông Bá-Linh họ kéo qua bên khu Tây để nhảy nhót, để xem những phim chiếu bóng không có mùi chính trị. Ở phía Tây Bá-Linh cũng có nhiều người qua bên khu Đông để thăm viếng bà con, dẫu - điểm tặng một ít món quà vặt nhưng rất hiếm đối với bên ấy : thuốc thơm, cam, bơ, vớ perlon v.v...

Quá nửa đêm chợt nghe tiếng máy đập vỡ mặt đường nhựa, trông trụ để giăng

dây thép gai, rào kín lần ranh giới giữa hai khu. Cái tin động trời ấy lan đi khắp Bá-Linh nhanh như điện. Những kẻ đang còn ở bên khu Đông vội vã đâm đầu chạy về thì đã .. quá muộn ! Nhiều gia đình đã chuẩn bị sẵn sàng để di cư dành kêu trời.

Những ngày trước đó, cứ mỗi hôm có chừng 2, 3 nghìn người từ Đông - Đức trốn qua Tây Bá-Linh. Cuộc rào biên giới đã gây ra nhiều thảm trạng bi đát. Trong trại di cư người ta thấy một thiếu phụ còn trẻ ngồi ôm một đứa con gái chưa đầy 6 tháng, dáng bộ hoàn toàn thất vọng. Hỏi ra thì hai vợ chồng đã sắp đặt xong chuyện

ra đi từ mấy tuần trước, bỗng anh chồng bị đau ruột phải nằm bệnh viện. Bác-sĩ bảo mấy ngày nữa anh mới có thể đi được. Mấy ngày nữa thì có gì là xa xôi, vậy người vợ mang con sang khu Tây trước để chờ chồng. Nhưng chợt xảy ra cái việc đêm 12, và chị đành bơ vơ với đứa con nhỏ. Trong trại di cư người ta thấy một thiếu nữ suốt ngày cứ đi lang thang như người mất hồn, lảo bầm trong mồm. « Thế nào anh ấy cũng tìm được cách sang. Klaus không bao giờ thay đổi ý - kiến ». Anh ấy và cô ta là vợ chồng chưa cưới, rủ nhau vượt sang khu Tây bằng cách bơi qua con kênh, nhưng « anh ấy » vừa nhường cho cô ta xuống nước trước thì « anh ấy » bị lính Đông-Đức chụp được ! Trong trại di-cư người ta có thể nghe kể không biết bao nhiêu thảm cảnh như thế.

Việc rào chặn hai khu Bá-Linh làm xôn xao nước Đức và chấn động dư luận thế giới. Mờ sáng ngày chủ nhật 13 tháng 8 dân chúng khu Tây Bá-Linh kéo nhau đến trước cổng Brandebourg. Số người mỗi lúc một đông thêm, cho đến chiều tối thì có hơn 15 nghìn dân Bá-Linh hội họp lại để phản đối. Họ đốt đuốc lên, và hát vang bản quốc-ca như thét vào mặt những hàng lính Đông-Đức xếp hàng dày bên kia rào gai.

Thị trưởng Tây Bá-Linh, ông Willy Brandt, là người chủ trương một chính sách mạnh đối với Nga-Xô. Sau khi Đông Đức rào ranh giới, ông phản đối đường lối của thủ tướng Tây-Đức mà ông cho là mềm yếu ông gửi thư đến tổng thống Hoa-Kỳ Kennedy... Ngoài những hoạt động trong giới chính trị, ông Willy Brandt còn yêu cầu sự can thiệp của giới

văn hóa. Ông đã gửi đến cho ông Chủ tịch ban chấp hành Hội nghị bảo vệ Tự do Văn hóa một bức thư, lời lẽ thống thiết, mong hội nghị vạch rõ trước dư luận quốc tế tính cách quan trọng của một hành động chà đạp nhân quyền, cấm con người « không được rời bỏ một quốc gia nơi đó họ không có tự do và họ không muốn sống nữa. » Trong bức thư trả lời, các nhà văn hóa trong tổ chức nói trên cho ta biết quan điểm của họ đối với vấn đề đang gây ra cuộc khủng hoảng đe dọa vận mệnh thế giới hiện nay. Dưới đây là lời lẽ trong thư :

« Mặc dù sống trong cái thế giới ngày nay đã quá quen với những cảnh tượng « vô nhân đạo thường xảy ra, mọi người « cả đàn ông lẫn đàn bà ở mọi quốc gia nghe « đến tin tức và trông thấy các hình ảnh về « Bá-Linh đều vẫn phải lấy làm sững sốt « kinh ngạc.

« Đã đành là sự áp bức và nổi bất « bình rải rác trên thế giới nơi nào cũng « có ít nhiều, và cái thảm kịch lưu đày « là định mệnh mà hiện thời nhiều dân « tộc, nhiều chủng tộc đang phải nhận « chịu. Tuy vậy, những biến cố vừa xảy « ra tại ranh giới thành phố của ngài « thực đã làm xúc động đến lương tâm « của thế giới. Một trật tự xã hội tổ « chức thế nào đó mà đến nỗi khiến cho « công dân trong nước phải bỏ ra đi « hàng triệu, ấy đã là một điều nguy hại « rồi; thế mà lại còn giăng dây thép gai, « còn xây tường xi-măng ngang các ngã « đường trong thành phố, còn đe dọa họ « bằng lưỡi lê, còn nổ súng vào họ để « ngăn cản không cho họ trốn đi, đều « ấy càng trầm trọng hơn nữa.

« Đây không phải là chuyện chính trị,
 « chuyện lý tưởng hay chuyện triết học
 « xã hội gì cả Đây là vấn-đề tôn trọng
 « một nhân quyền sơ đẳng nhất, một thứ
 « quyền mà tất cả mọi quốc gia trong
 « thế giới văn minh đều thừa nhận. Bản
 « Tuyên ngôn Nhân Quyền của Đại hội
 « đồng Liên Hiệp Quốc đã ghi rành
 « mạch :

« Mọi người đều có quyền rời bỏ
 « mọi xứ sở, gồm cả xứ sở của mình... »

« Chúng tôi thông cảm nỗi đau đớn
 « của ngài và của mọi người dân Bá-
 « Linh trước cảnh tượng bao nhiêu đồng
 « bào của ngài bên khu vực phía Đông trong
 « những năm gần đây phải rời bỏ nhà cửa,
 « công việc làm ăn và nhiều khi phải xa lìa
 « cả gia đình của họ để tìm đến một nơi
 « khác xây dựng cuộc đời mới, có tính cách
 « nhân đạo hơn. Đã nhiều lần ngài cho
 « chúng tôi biết rằng có nhiều lý do khiến họ
 « phải ra đi như thế. Kể ra đi không phải
 « chỉ chạy trốn sự ngược đãi và nghèo đói
 « mà thôi ; lý do khiến họ di cư lắm khi
 « là một tâm trạng lẫn lộn nửa khùng-
 « khiếp nửa bối rối hoang mang ; như
 « thế càng chứng minh rõ ràng rằng đây
 « là thuộc về một vấn đề quyền hạn
 « của con người, vượt lên trên tất cả
 « mọi lý do chính trị và kinh tế. Quyền
 « tự quyết không phải chỉ riêng dành
 « cho các dân tộc ; nó cũng là quyền
 « của mỗi người.

« Con người muốn được phát triển ý
 « kiến về nơi chốn và hững điều kiện làm
 « việc của họ, về những điều tín ngưỡng
 « riêng của họ ; các bậc cha mẹ muốn được
 « phát biểu ý kiến về cách thức nuôi nấng

« con cái, về tương lai con cái họ ; công
 « dân muốn được phát biểu ý kiến về những
 « người cai-trị họ và đại diện họ.

« Mất cái quyền tự tổ chức lấy cuộc đời
 « mình ấy, kẻ thì nổi loạn, kẻ thì lánh đi
 « nơi khác. Hai thái độ ấy là hai cách phản
 « ứng thông thường trong một hoàn cảnh
 « không thể chịu đựng nổi, dù là ở giữa
 « châu Phi hay giữa châu Âu cũng đến
 « thế thôi.

« Trong khi hàng ngày chúng tôi nhận
 « được tin tức về những điều xảy ra trước
 « cổng Brandebourg và dọc theo làn ranh
 « giới ngăn chia thành phố của ngài, chúng
 « tôi nhớ lại đoạn văn danh tiếng trong
 « truyện *Boris Godounov* của Pouchkine,
 « trong đó Nga-hoàng hạ lệnh « dùng mọi
 « biện pháp để tức khắc ngăn chặn không
 « cho một bóng dáng nào lọt qua ranh giới,
 « không cho một con thỏ nào vượt biên
 « giới..., không cho một con quạ nào... »
 « Bởi vì cái lệnh phản-động và phản tự-
 « nhiên ấy ngày nay lại được ban ra một
 « lần nữa và, điều này mới lại càng đặc
 « biệt chướng tai, ban ra do bọn người vẫn
 « tự xưng là nhân danh cuộc giải phóng
 « toàn diện cho nhân loại.

« Dây thép gai và lưới lê không thể là
 « những món trang trí cho một thứ tự do
 « mới mẻ và cao cả nào cả. Chúng tôi sẽ
 « luôn luôn xác nhận rằng chỉ có một tiêu
 « chuẩn căn bản để xét đoán về tất cả mọi
 « thứ chánh quyền : « ấy là cái quyền được
 « bảo vệ tự do và phẩm giá ».

Dưới bức thư này, có những tên tuổi
 từ lâu quen thuộc trên thế giới :

J. Robert Oppenheimer : nhà vật lý
 học nguyên tử của Hoa-Kỳ.

Denis de Rougemont : triết gia Thụy-Sĩ.

Ignazio Silone : văn sĩ Ý.

Stephen Spender : thi sĩ Anh.

Michio Takeyana : văn sĩ Nhật.

Raymond Aron : văn sĩ Pháp.

Jayaprakash Narayan : lãnh tụ đảng xã hội Ấn-Độ.

Michael Polanyi : triết gia Anh.
và nhiều nhà văn hóa khác của các nước Á-căn-đình, Pérou, Đan-mạch, Miến-Điện, Colombic, Ba-tây, Tây-Ban-Nha v. v...

THU-THỦY



Hội thảo về Ái tình và Hôn nhân

Trong số 111, chúng tôi tường thuật cuộc nói chuyện của ông Bùi Xuân-Uyên tại Câu lạc bộ Văn hóa, ngày 26-7-61, và hẹn với các bạn sẽ kể lại những ý kiến chánh của cuộc hội thảo.

Ông « văn quán » (1) Phạm-Xuân-Thái nêu lên sự quan trọng của « văn đề » (2), sự tế nhị của nó, nhiều khía cạnh cần phải xét, và ông mong ở sự tham gia sốt sắng của « văn thính hữu » (3) để làm sáng tỏ câu chuyện của « văn thuyết viên » (4) Hi-Di. Ông xin cử tọa cứ mạnh dạn phát biểu ý kiến mình, đừng thắc mắc gì đến vấn đề tuổi tác.

Cũng xin ghi : nữ thính giả bằng nửa nam thính giả, mà trong số nam, nữ này, giới sinh viên chiếm phần đa số, và cạnh đám đầu xanh, có những mái đầu bạc phân nửa hay trắng toàn phần.

Và có lẽ để cho cuộc hội thảo bắt đầu hào hứng (người phái nam đã trình bày, thì người phái nữ cần lên tiếng ngay sau đó), ông « văn quán » bèn gợi đến sự hiện

diện của vài « bà chị » có tên trong báo giới trong văn giới, và mời bà Tùng-Long lên góp ý.

Chiếc áo dài xanh của tác giả « Ái tình và Danh dự » còn quyến luyến ghế ngồi, thì bộ com-lê trắng của nhà ki giả kì cựu Hồng-Tiêu đã mạnh dạn tiến lên trước máy vi âm.

Tiếng vỗ tay lâu, tiếng cười vui của thính giả trẻ chào sự sốt sắng rất thanh niên của bậc đàn anh hai thứ tóc này. Lại có tiếng ai đùa : « Về sự ích lợi có cái mà người ta gọi là một đức ông chồng ». (5)

Ông Hồng-Tiêu chinh phục ngay cử tọa bằng những cử chỉ hồn nhiên và lời ngay, thẳng.

— Tôi là một kẻ cổ không ra cổ, kim không ra kim, lỗ trẻ lỗ già nhân thấy vấn đề đặt ra rất là quan trọng, nên mạo muội bày tỏ vài ý kiến.

« Tôi còn nhớ xưa vua Lỗ có hỏi Đức Khổng-Tử sao không để những người

(2,3,4) Danh từ riêng của câu lạc bộ Văn hóa.

(5) Nguyên văn vốn bằng tiếng Pháp :

« De l'utilité d'avoir ce qu'un appelle un mari »

thương nhau được tự do lấy nhau, thì Khổng-Tử trả lời: cần có lễ để ràng buộc vợ chồng đời đời kiếp kiếp.

« Kinh nghiệm cho ta thấy rằng tự do kết-hôn, không được gia đình công nhận, pháp luật chứng nhận, thì dễ đến chỗ rã tan, hạnh phúc của vợ chồng đã mất, mà còn liên lụy đến tương lai của con cái.

« Đứng về mặt phụ huynh mà góp ý, tôi thấy nếu để bạn trẻ tùy theo cái thích một thời mà quyết định việc trăm năm, thì e sau phải hối hận; còn như cha mẹ mà giành quyền chủ động thì là áp bức rõ ràng, thế nào con em chúng cũng « nhảy rào », rồi cuộc chẳng bên nào có lợi cả.

« Vậy, theo thiên ý, tuổi trẻ được tự-do trong việc Ái-tình, nhưng khi đi đến Hôn-nhân, thì phải có người lớn. Già, trẻ dung hòa nhau thì kết quả thường tốt đẹp, hơn là mỗi bên cứ làm theo ý mình muốn.

« Tôi lại có ý kiến này, xin anh chị em thanh niên nghĩ lại, là: người ta, ai cũng đẹp cả. Đàn bà đều đẹp cả (*giới phụ nữ tím tím*)! mà đàn ông cũng đều đẹp cả (*giới tu mi cười ồ*). Cái đẹp nó thiên hình vạn trạng, nó còn tùy quan niệm của mỗi người, à mà lại còn cái duyên khi ẩn khi hiện... Các bạn cũng từng nghe nói người mê cô một mắt rồi cho thiên hạ dư hết một con người sao? Vậy trong hôn nhân, thiết nghĩ đừng đặt vấn đề « đẹp hình thức » lên hàng đầu.

« Còn về đời sống lứa đôi, nay phụ nữ có luật gia đình bảo vệ chặt chẽ, nhưng trên thực tế, trong mười ông chồng, hết bảy ông đã tự tay mình « đóng trang thờ bà ». Trong cái chánh

phủ tay đôi ấy, bộ ngoại giao bà giữ. bộ kinh tế cũng bà, mà bộ nội vụ, cũng bà nốt. Để cho chồng rảnh tâm trí, thì giờ mà đeo đuổi theo chí hướng; đó cũng là một cách giúp chồng gây sự nghiệp. Những câu « nam ngoại nữ nội, chồng chúa vợ tôi » chỉ là những khẩu thuyết mà thôi, thật ra ở nước ta đàn bà chẳng những ngang hàng với đàn ông mà lắm khi còn lấn lướt nữa.

« Nhưng không có hại cho gia đình, mà lợi là đằng khác. Việc nhà, ai giỏi ai khôn thì người ấy nắm quyền. Chồng khôn chồng giỏi thì chồng nắm, vợ giỏi vợ khôn thì vợ nắm; mình ngu, ngốc mà giành nắm quyền thì gia đình sụp đổ, hôn nhân không đưa đến hạnh phúc. Tỉ như hai người cùng xuống một chiếc xuồng, bơi qua sông; hễ ai giỏi thì chèo lái, cái cốt yếu là xuồng tới bến, còn ai chèo lái ai chèo mũi là việc phân công giữa hai người, tùy tài tùy sức.

« Vậy thì, hễ vợ biết mình kém, thì đứng sau lưng chồng; hễ chồng thấy mình sù, thì tụt xuống một bậc. Có biết mình, có tin nhau, thì những kẻ đã yêu nhau, đã lấy nhau mới dễ bề gây hạnh phúc cho mình và cho con cái ».

Thính giả vỗ tay hoan nghinh người đàn anh hai thứ tuổi chưa dứt thì một thanh niên bước lên. Anh không giới thiệu tên, mà cho biết mình chưa lập gia đình, nhưng cũng từng biết Ái-tình... chút ít. Cử tọa cười rần làm anh hơi lúng túng.

« Tôi lên đây không có ý trình bày quan niệm Ái-tình của thanh niên ở giữa thế kỷ XX, tôi chỉ xin đưa ra vài nhận xét.

« Tôi thấy nhà văn Bùi-Xuân-Uyên muốn đưa thể hệ chúng tôi về thời đã qua, một thời mà tư tưởng, lối sống và những nhu cầu về vật chất lẫn tinh thần khác với thời nay. Tôi nghĩ Ái-tình cũng như mọi việc, nó có một giá trị nào đó, theo thời gian và không gian. Ái-tình ở Đông khác, Ái-tình ở Tây khác; Ái-tình sau trận Đại chiến thứ nhất không giống Ái-tình sau trận Đại chiến thứ nhì. Ái-tình đã tiến triển theo thời gian, thì ta muốn kéo nó về xưa cũng không được.

« Có điều thể hệ trẻ chúng tôi bản khoán là thời ông bà cha chú mình, trai gái lấy nhau, không có chút tình, có khi cũng không biết mặt nhau, thế mà hôn nhân lại bền chặt, sống thuận hòa cho đến đầu bạc răng long; còn bây giờ, vợ chồng hiểu biết nhau, thương yêu nhau trước khi cưới nhau, mà sau vài năm, gia đình thấy lục đục; sánh với những cặp vợ chồng xưa, thì hạnh phúc không bằng. Tại sao? Đó là điều chúng tôi mong được giải đáp.

« Cho nên chúng tôi hoan nghênh « ông kim cổ » vừa rồi đã cho chúng tôi biết những kinh nghiệm của người hai thứ tóc, nhưng ông Bùi-Xuân-Uyên chưa làm chúng tôi thỏa mãn vì ông đã nói nhiều về Ái-tình mà nói ít về Hôn-nhân, nhất là ông — như ông cho biết — tuổi mới hai lần hai mươi tuổi, nghĩa là gần chúng tôi hơn là « ông kim cổ ». Chúng tôi mong ông sẽ nói kĩ, nói nhiều về phần Hôn-nhân để giúp chúng tôi có một quan niệm đúng đắn về vấn đề thiết thân này. Để chúng tôi nhờ đó mà tạo được hạnh phúc trong gia đình, quân bình ngoài xã-hội ».

Một vị trung niên, một anh thanh niên, giờ tới phiên một bạn sồn sồn. Bác-sĩ Lý-Trung-Dung chắt vấn diễn giả về ba điểm:

1. — *Hôn-nhân có phải là cứu cánh của Ái-tình không?*
2. — *Có Ái-tình ngoài Hôn-nhân không?*
3. — *Có phải mình yêu người nào mà không kết hôn với người ấy tức là mình không có Ái-tình?*

Diễn giả cho biết sở dĩ phải nói lướt qua vì thì giờ có hạn, vả lại còn cuộc hội thảo. Ông nhận mỗi thời đại có một quan niệm về Hạnh-phúc, về Ái-tình, về Hôn-nhân, nhưng mình phải xét quan niệm nào hợp với lẽ Phải, thuận với tình Người, có lợi ích cho xã-hội, thì mình theo quan niệm ấy, hoặc mình châm chước.

Rồi ông nhắc lại, lúc con tim đã rạo rực vì ai thì đêm mơ ngày tưởng, và khi tình đã đổi trao, hai tâm hồn đã hòa hợp, Ái-tình đã nảy nở, thì đến sự hòa hợp của hai thể xác: Hôn nhân làm cho Ái-tình được trọn vẹn. Vậy thì Ái-tình phải đi đến Hôn nhân. Bằng không có lẽ nghi hôn phối để hợp pháp hóa thì đó không phải là Ái-tình nữa, mà là sự chung đụng giữa hai giống gần như việc làm của thú vật. Ngoài Hôn nhân, nhất định không có Ái-tình. (một số cử tọa vỗ tay, một số mỉm cười). Vì Hôn nhân đòi hỏi sự bền chặt. Thế thì yêu nhau mà chẳng lấy nhau trước lễ giáo pháp luật, là không phải Ái-tình. Người xưa cũng rõ con người thường thay đổi, nên tạo lẽ nghi để ràng buộc hai người, để thêm nghĩa vào tình.

Đến đây có người hỏi về vấn đề con: có mấy con thì vừa... Nhà giáo họ Bùi

cười, đáp : « Càng nhiều càng tốt. Tôi có bảy con mà vẫn thấy là ít. Hạnh phúc gia đình nhờ có con mà tăng. Bây giờ, người ta nghĩ đến hưởng thụ nhiều, nên muốn đừng có nhiều để khỏi bận rộn. Tôi cực lực phản đối quan niệm ích kỷ này ».

Nhà giáo kiêm nhà văn không làm con người của khoa học là bác sĩ Lý-Trung-Dung hết thắc mắc.

« Tôi không đồng ý với thuyết trình viên. Ông đã nói đến ái tình lí tưởng (Tây họ gọi là *amour platonique*) thế là ông nhận có Ái tình chẳng cần đến Hôn nhân mới được gọi là Ái tình chân chính. Ta đọc thơ của Dante, ta xem danh tác « Ái kịch thần tiên » (La Divine Comédie), ta tưởng đâu nàng Béatrice Portinari là một nhân vật chỉ có trong tưởng tượng phong phú của nhà thơ lãng mạn tài hoa này. Nhưng không, nàng Béatrice có thật bằng da bằng thịt, Dante đã yêu tha thiết, từ lúc nàng còn là cô bé lên chín, cho đến khi nàng trở thành một thanh nữ hai tám cái xuân xanh, thi sĩ vẫn yêu, chân thành và tha thiết. Nhưng kết cục, cái Ái tình chân chính, chân thành ấy không đưa đến Hôn nhân. Mà ai dám cho rằng Dante yêu giả dối, yêu tội lỗi, yêu qua đường để kết luận rằng cái tình thiết tha, bền chặt giữa Dante và Béatrice không phải là Ái tình !

« Cái nguy hại thời này, hơn cả bệnh ung thư và bệnh ho lao, là ái tình của hai người đồng giới. Vật lí học cũng như sinh lí học cho ta biết hai tế bào khác giống tìm kiếm nhau, kết hợp lại, để làm ra một cái gì đồng nhất, để đi đến chỗ sáng tạo ; ấy đó mà thứ ái tình giữa hai người đồng giới chẳng sáng tạo được chi mà làm

hao mòn nhau ; ta đáng lo thứ Ái tình trái luật Thiên nhiên này hơn là Ái tình giữa người khác giống mà chẳng kết thúc bằng Hôn nhân.

« Trở lại điểm sống một mình, tôi thấy thành kiến cho rằng đến tuổi dậy thì mà không sống theo bản năng, nghĩa là có vợ có chồng, thì đời sống mất bình thường, sanh chứng này tật nọ là hoàn toàn sai, là không khoa học... Y giới quốc tế vừa nhóm họp xác nhận điều này. Diễn giả muốn yêu nhau thì phải lấy nhau, rồi phải có con, không lấy nhau thì không phải Ái tình « thứ thiệt », không có con thì không có hạnh phúc..., nhưng vì nhiều lẽ, người sống độc thân hướng cái Tình mình về nẻo khác, đem cái Tình mình cho một cái gì khác không phải là người đàn bà — một Lý tưởng cao siêu, một đấng Thiên liêng nào đó — thì người sống không có cặp ấy vẫn thấy hạnh phúc. Thực tế cho ta thấy nhiều cặp vợ chồng già không con vẫn sống êm ấm, còn nhiều gia đình... « dễ như vẹt » mà chẳng thấy hạnh phúc đâu ! Và lắm cặp đã li dị, đã chia con ! Không, có con chưa phải là yếu tố quyết định cho hạnh phúc hai người ».

Ông Bùi-Xuân-Uyên đáp lại, đại khái :

« Tôi không đứng về phương diện đạo đức để xét về Ái tình, mà chỉ đứng về phương diện làm người mà xét. Tôi muốn Ái tình được trọn vẹn, mà khi mình yêu ai, mà mình chẳng chịu lấy thì « người ta » đâu có chịu Tôi muốn sống con người tôi cho trọn vẹn : phần thần bí, phần xác thịt, phần tinh thần, phần tâm hồn tôi, đều phải được thoả mãn cả, như thế tôi mới được hạnh phúc vuông tròn.

Yêu ai, tôi phải lấy người đó làm vợ cho được (vỡ tay), rồi thì phải có con để sự sống được truyền (vỡ tay) Chớ còn yêu người ta, rồi đứng đó mà nhìn, thì yêu như thế là yêu lưng chừng, là chưa phải Ái tình trọn vẹn. Còn vợ chồng không con là một điều thiệt thòi. Khi còn trẻ, chẳng nói chi, đến lúc có tuổi, con cần thiết lắm lắm ».

Đến đây, ông chủ Câu lạc bộ Văn hóa đứng lên tỏ bày ý kiến. Ông mỉm cười cho thính giả biết ông bị anh em gán cho cái tên đùa là « Ông Ba Phải », vì lúc nào cũng muốn « hòa cả làng ». Ông không đồng ý hẳn với văn thuyết viên, nhưng ông cũng không tán thành việc phổ biến quan niệm sống đơn chiếc của bác-sĩ Lý-Trung-Dung. Về vấn đề con, thì hiện có sự thay đổi, nói theo danh từ mới, thì có sự chuyển hướng, nhất là ở những nước có nạn nhân mãn như Nhật-Bản, Trung-Hoa, Ấn-Độ. Cả những nhà cầm quyền thuộc hạng « đạo-đức thượng thặng », như Nehru, cũng đặc biệt chú trọng đến vấn đề hạn chế sinh đẻ. Nước nghèo, dân đông, mà cứ để « lúc nhúc như chuột », thì cũng khổ cho nhà, cho nước. Rồi ông lại mời một lần nữa các « bà chị » góp ý.

Và lần này, bà Tùng-Long lên phát biểu ý kiến. Bà nhận rằng đã có nhiều ý kiến góp về Ái-tình, nên bà chỉ xin bàn về Hôn-nhân, mà trong Hôn-nhân chỉ góp ý về phụ nữ chức nghiệp. Phụ nữ sở dĩ có chức nghiệp, không phải là vì muốn « vươn lên giành độc lập » hay để « vênh váo với đàn ông », mà vì thời thế, vì hoàn cảnh, vì cuộc sống quá gắt gao hiện nay đòi hỏi.

Một mình chồng làm không đủ nuôi gia đình, người vợ phải tiếp tay. Đi làm việc, phụ nữ vẫn có thể lo việc nhà, săn sóc con cái, tùy sự khéo sắp xếp. Bảo rằng làm việc xã-hội hay có nghề nghiệp, là bỏ bê bổn phận đối với gia đình, là điều không được đúng. Đó chỉ là trường hợp của một số ít người đua đòi theo phụ nữ Âu-Mĩ, thích hưởng thụ mà quên bổn phận và hiên chức của mình. Còn nhớ ở Pháp, khoảng 1917, nam giới phải ra mặt trận nhiều, thiếu người giúp việc trong công sở, trong các xí-nghiệp, nữ giới phải ra gánh vác. Phụ nữ nào có tranh giành công việc của đàn ông. Diễn giả e rằng phụ nữ đi làm sẽ làm sút mẻ hạnh phúc gia đình, thì đó cũng còn tùy. Trái lại, người vợ đi làm thấy những cái khó khăn mà hiểu chồng hơn, do đó mà tình thêm khăng khít.

Bà nhận thấy Sự-nghiệp và Ái-tình không đi đôi với nhau, mà lắm khi đi ngược chiều. Được Sự nghiệp, thì thường mất Ái-tình. Nên phụ nữ cần cân nhắc. Gương mới đây của một nữ bác sĩ Pháp có biệt tài về khoa giải phẫu tim, say sưa với sự nghiệp khoa học, đến đời người chồng tức quá, bắn chết vợ mình, gương này đáng cho chị em suy gẫm.

Ông Bùi-Xuân - Uyên đồng ý với bà Tùng-Long ở điểm : phụ nữ mà quyết gây sự nghiệp cho mình, thì thế nào cũng có sự va chạm lớn đến hạnh phúc gia đình. Còn về việc phụ nữ với chức nghiệp, ông không hề chủ trương đàn bà không nên hoạt động ngoài xã hội, ông chỉ nhận xét rằng gia đình cần phụ nữ hơn là xã hội và vai trò của người đàn bà ở gia đình vốn thích hợp với khả năng và tâm hồn của

họ hơn. Ông được thấy một số chị em du học về có ý sợ « lập gia đình », vì chỉ thấy những cái hệ lụy của hôn nhân mà quên những cái ấm êm của nó. Có lẽ người chồng hơn người vợ đôi chút, về địa vị xã hội cũng như về sự hiểu biết, thì dễ có hạnh phúc gia đình : cái mặc cảm tự tôn của đàn ông có tự ngàn xưa khó xóa bỏ ngay được.

Sau đó, còn nhiều người góp ý. Có người hỏi : « Ái tình mà không giải quyết bằng Hôn nhân thì giải quyết bằng cách nào ? » Có người quả quyết : « Hôn nhân chỉ là một trong những kết quả của Ái tình, chứ không phải là cứu cánh của Ái tình ». Chẳng nói bậy đọc cũng đoán được người hỏi là một vị lão thành, và người quả quyết là một chàng trai trẻ.

Một vị đầu bạc cho rằng vấn đề con thuộc về loại không thể giải quyết được : có phải muốn là có, không muốn là không có đâu ! Có những cặp mạnh khỏe, có tiền, bác sĩ chẳng tìm được lý do tại sao

sống chung đã lâu mà không có con ; lại có những cặp ốm đau, đầu tắt mặt tối, hết sức kiêng cử, mà năm nào cũng cho ra đời một đứa con để làm khổ mình thêm ! Khoa học chưa giúp được người ta thụ thai theo ý muốn.

Có người hóm hỉnh hỏi diễn giả : ông cho rằng đứa con là dây ràng buộc thiêng liêng, là nguồn hạnh phúc cho hai người nên lấy nhau, mà không con thì Ái tình không trọn vẹn, nhưng gặp có đứa con ra đời, mà người cha ngờ cái « xuất xứ » của nó, thì đứa con là nguồn hạnh phúc hay tai họa ? Thì diễn giả cười, đáp rằng đó là một việc đại vô phúc, ông chỉ nói đến những trường hợp bình thường mà thôi.

Cuộc hội thảo kéo dài trên tiếng đồng hồ. Khi bế mạc, nhìn nhau, cười : « Ái tình đã là rắc rối, Hôn nhân càng gây rắc rối thêm. Mà nói cả hai thứ rắc rối ấy trong non một giờ, bàn cãi trên sáu chục phút, thì còn phải chờ những hồi sau phân giải ».

NGUYỄN-HỮU-NGƯ thuật

ĐÍNH - CHÍNH

Trong bài « Đời họa-sỹ » Bách-Khoa số 113 của Đoàn-Thêm, có những chữ bỏ sót hoặc in lầm như sau :

Tuner	(trang 36)	xin đọc là	Turner
tranh kiệt-tác	(trang 38)	—	kiệt-tác
Cân đồng	(trang 39)	—	Cận -đồng
Trong một tác-phẩm	(trang 40)	—	Trông một
lại sa xút	(trang 42)	—	sa sút
dèm pha	(trang 43)	—	gièm pha
Hélène Froment	(trang 48)	—	Hélène Fourment
Hortense Piquet	(trang 48)	—	Hortense Fiquet
Hai nục con	(trang 49)	—	Hai chục con
Mối tình	(trang 79)	—	Mối tình

(Xin cáo lỗi cùng quý - vị đọc - giả).

Bách-Khoa đã nhận được :

- Tình em ; Nỗi buồn (Nguyễn - Thanh) — Cảm nghĩ (Linh-Hiệp) — Hoang tàn ; Kiếp người ; Chờ đợi ; Cô đơn ; Ngày xưa hoa bướm ; Nỗi buồn đổi thay ; Ưu phiền ; Hoang mang (Trần-Thanh-Hoa) — Hoàng-hôn ; Đứng (Lê-Châu) — Quê mẹ ngày xưa (Tùng-Vân) — Yếu sào (Trịnh-Thiên-Tứ) — Về đâu (Bùi - Đầy) — Đứng khóc nữa ; Người yêu (Nguyễn-Hùng) — Hoa lòng lại nở ; Vui gương (Tam-Chi) — Đợi chờ (Vũ-Hân) — Diễm ảo ; Niềm tin ; Cô tịch (Giang-Thơ) — Vào sa đoạ ; Lạc đời ; Thổ lộ (Cao-Yên-Sinh) — Nỗi buồn không đếm ; Thư sinh (Hoài Phi) — Cà ná tức canh ; Rằm Trung - thu ; Thu sang nhớ bạn (Nhu-Tâm) — Chiều hôm cảm tác (Hải-Chân. L. N. H.) — Mưa chiều ; Dư hương ; Đêm buồn (Hoài - Anh) — Trưa (Trần-Huyền-An) — Mặt trời vẫn mọc (Phan-Khai-Văn) — Xa bến ; Ra đi (Thu-Giang) — Văn - minh lý-tưởng (Trường-Phong) — Trưa hè ; Đón người em thơ (Vũ - Hà) — Nói đi anh ; Mỗi bóng chiều thu (Thanh - Lộc - Hà) — Hoàng-hôn (Thân-Thân) — Nhận định lại tác phẩm Giông sông Thanh - Thủy của Nhất - Linh (Huỳnh-Gia).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

- **Anh Hà - Ánh - Sơn** (Di - Linh) Đã có thư cho anh nói về Thi ca tiền chiến, mà chẳng được trả lời

N. N. Í

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

- **Ngũ - hành - sơn chí - sĩ** (Những anh-hùng liệt-sĩ tỉnh Quảng-Nam) của Anh-Minh Ngô-Thành-Nhân, do Anh-Minh xuất bản, tác giả gửi tặng. Sách dày 130 trang, giá 35đ.
- **Hồn quê** thi phẩm của Ngô-Tường-Đăng, do tác giả gửi tặng. Sách dày 40 trang, gồm gần 40 bài thơ, giá 30đ.
- **Tâm tình người Đẹp** (Les 28 étoiles) Thi-phẩm của Vũ-Hoàng-Chương, có kèm theo bản dịch Pháp-văn của thi sĩ Bỉ Simone K. de la Coeuillerie, tựa của thi sĩ Ý Lionello Fiumi, do tác giả gửi tặng. Sách in trên giấy croquis dày, giá 110đ.
- **Tình đời** Thi phẩm ngụ ngôn của Trần-Gia-Thoại, do tác giả gửi tặng, giá 20đ.
- **Mấy người con trai Vương Long** tiểu thuyết của Pearl S. Buck, bản dịch của Nguyễn-Thế-Vinh, Tự Do xuất bản và gửi tặng. Sách dày 326 trang ; Bản đặc biệt.
- **Bóng mát** Tập văn của Trần-Thế - Nguyên, Hoa Phương-Đông xuất bản, do tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 68 trang, giá 20đ.
- **Tiểu thuyết thứ Bảy** Bộ mới, số 1 do Ô. Huỳnh-Ngọc-Đại làm chủ-nhiệm, nhà văn Vũ-Hạnh phụ trách tòa soạn đã ra mắt bạn đọc với một thi tài hoàn toàn đổi mới. — Giá mỗi số 6đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả, Ô. Chủ nhiệm Tiểu thuyết thứ Bảy cùng nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bà o - Hi ể m

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TAN HARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU



HERMES

LOẠI XÁCH TAY



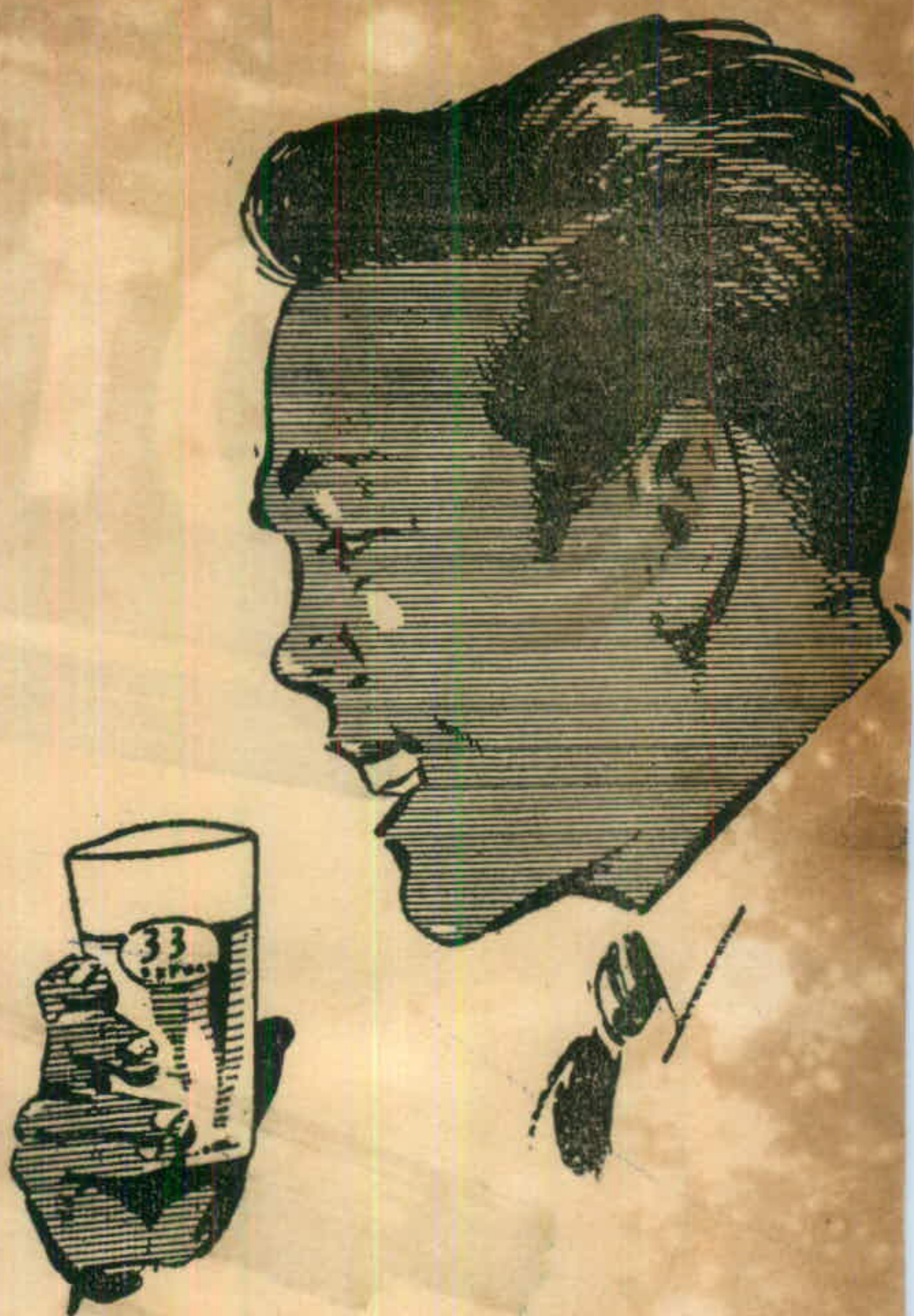
LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

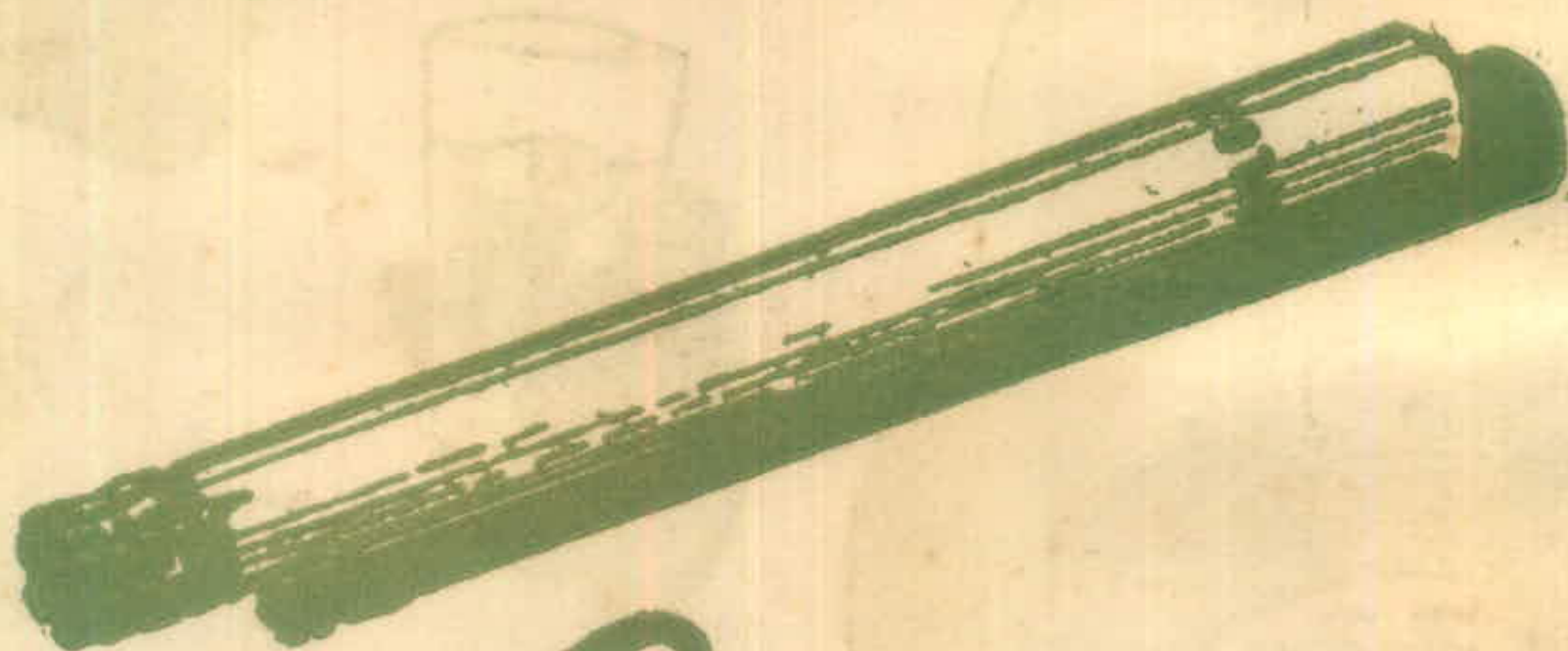


LA-VÉ

“33”

HẢO HẠNG

COTAB



Cigarettes
VIRGINIE

Chủ-nhiệm : HUỲNH-VAN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa soạn:
160, Phan Đình-Phùng — Sài Gòn
Điện thoại : 25.529

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hung-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công sở : 15\$